



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Cao Đài Giáo Lý

ĐÔNG MẬU TUẤT 2018
145



NHÀ XUẤT BẢN
TÔN GIÁO

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

“Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý không phải là một chi phái, cũng không phải của một cá nhân nào, hay một đoàn thể nào, mà phải là của toàn Đạo, một nhịp cầu nối liền tình huynh đệ, một điện đài thâu và phát những động năng thúc đẩy cho sự thống nhất giáo lý, tức là tinh thần vậy; để các con sẽ gặp nhau, quy nguyên ở vị trí duy nhất, tri và hành theo chánh pháp của Đại Đạo.”

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế
kim viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương,
Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ, 15-02-1965.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

Đông Mậu Tuất 2018 - 145

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo
171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh,
Quận 1, TP. HCM

Nhà xuất bản Tôn Giáo - 2018

CAO ĐÀI GIÁO LÝ ĐÔNG MẬU TUẤT 2018 -145

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

Chú thích ảnh bìa 4:

Thượng Đạo kỳ bên trong Chánh điện CQPTGLĐĐ

Nhà xuất bản Tôn Giáo

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

(04) 37 822 845 – fax: (04) 37 822 841

nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc – Tổng biên tập: TS. Bùi Thanh Hà

Biên tập: Lê Hồng Sơn

Trình bày & kỹ thuật: Bộ phận dàn trang

Sửa bản in: Đạt Tường và Diệu Nguyên

Đơn vị liên kết

Ông Nguyễn Văn Trạch

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. HCM

Số lượng in: 1.000 bản, khổ 145 x 205 mm, tại xí nghiệp in Fahasa. 774

Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. HCM. (08) 38 153 971 –

Fax: (08) 38 153 297. Số đăng ký xuất bản: 14-2018/CXBIPH/115-01/

TG. Mã ISBN: 978-604-61-5376-4 Quyết định xuất bản số 424/QĐ-

NXBTG, ngày 15/11/2018. In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2018.

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

Đông Mậu Tuất 2018 - 145

Bài vở thư từ xin gửi về

Đạo tử Diệu Nguyên

171B Cống Quỳnh

phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp.HCM

0907 32 66 53

dinhthithanhmai@gmail.com

Ngân phiếu, tài chánh chung sức thực hiện

xin gửi về

1. Tên TK: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

Số tài khoản: 13303580001

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn (SCB)

chi nhánh Cống Quỳnh

2. Tên TK: Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

Số tài khoản: 3357237

Ngân hàng Thương Mại Á Châu (ACB)

chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Sách ấn tống

Không bán

mục lục

- 8 Suy Ngẫm:
Đi tìm những giá trị phổ quát
Cao Đài Giáo Lý
- 12 Trích lục Thánh Giáo:
Kim thạch gìn lòng noi đạo chánh
- 20 Trích lục Thánh Giáo:
Vô vi thanh tịnh để làm sống lại Tiên Thiên Chánh Khí
- 31 Trang Thánh giáo song ngữ:
Highest virtue – Lowest virtue
Thượng Đức – Hạ Đức
Ban Dịch thuật VHV
- 42 Con đường cứu độ Kỳ Ba
Hồng Phúc
- 61 Sứ mạng Quyền Pháp
Diệu Nguyên
- 70 Mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Giáo Sĩ Kim Dung
- 82 Sự bình an
Đạt Thật
- 93 Tìm hiểu điển tích trong Thánh giáo Cao Đài
Diệu Nguyên sưu tập
- 103 Quan niệm về “Tiến Hóa” của đạo Cao Đài
Đạt Tường
- 119 “Thầy không mượn lâu đài chùa thất
Mượn lòng con chơn thật mà thôi”
Đồng Tâm • Đồng Tiến

- 134 Tình yêu Thiên Chúa
Xuân Mai
- 141 Nghiên cứu văn hóa sử Đạo:
Huyền Cơ Cao Đài
Đạt Tường • Ngô Chơn Tuệ
- 168 Những mẫu chuyện từ cơ bút (tiếp theo kỳ trước)
Đạt Tường sưu tầm
- 170 Nhân sanh và sự chuyển luân tiến – thoái hóa
Đạt Tường
- 188 “Con ôi! Nội tướng tài thành”
Diệu Thuận
- 198 Ca Cổ: Mỗi bước con đi tướng có Thầy
Đạt Thật
- 201 Tri âm theo những dòng thơ
Tử La Lan
- 210 Trang thơ:
Sứ mạng Kỳ Ba
Minh Nguyệt
- 211 Trang Sức khỏe:
14 điều cần biết về “uống trà” và “ung thư”
V.T. sưu tầm
- 215 Gieo mầm hạt tốt
V.T. sưu tầm
- 218 Gia chánh: Cơm nị
Hồng Tuyết
- 220 Truyện tranh:
Ngài Ngô Văn Chiêu: Môn đệ đầu tiên của Cao Đài (Kỳ 12)
Lời: Bửu Long • Vẽ: Cọ Trắng
- 222 Theo dòng Đạo sự
Thanh Hiến

SUY NGÃM

đi tìm **NHỮNG GIÁ TRỊ PHỔ QUÁT**

Cao Đài Giáo Lý

Từ khi Đức Chí Tôn khai đạo, Thầy đã nhiều lần nhắc nhở môn đồ rằng, Thầy mở Đạo kỳ này là thực hiện đại cuộc Quy nguyên.

Quy nguyên có nghĩa là trở về nguồn gốc sau những thời kỳ vạn sự, vạn vật được sanh hóa cùng cực, lại đến giai đoạn quay về chỗ khởi sanh. Gốc chỉ có một, mà ngọn thì thành muôn. Vì thiên hình vạn trạng nên các loài đều khác nhau về hình thức. Đối với loài người, chẳng những khác nhau về màu da sắc tóc, mà về tinh thần và tư tưởng lại càng có nhiều dị biệt. Từ đó nảy sinh khái niệm “Bản thể – hiện tượng” là hai phạm trù đi đôi như Âm với Dương, nhưng có những mối tương quan mật thiết.

Để giải thích lý tương quan ấy, các đạo gia nêu lên chủ

thuyết “Đạo là Mẹ của muôn loài”¹, Nho gia nói “Thiên địa vạn vật đồng nhất thể”, Phật nói “Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”. Các triết gia thì đề cập khái niệm “phổ quát đối ứng với bản sắc đa thù”. Về văn hóa, một triết gia viết: “Văn hóa nhân loại, trong bất kỳ trường hợp nào cũng không thể quy gọn ở mức là tổng số của những nền văn hóa riêng biệt. Bởi vậy, Goethe kêu gọi các nhà thơ, các nghệ sĩ và các nhà tư tưởng hãy ra khỏi cái khung dân tộc mà Herder và các đồ đệ của ông khuôn họ vào.”²

Thời nay, sự phân hóa tư tưởng con người ngày càng phức tạp, dẫn đến những mâu thuẫn ý thức hệ, chia rẽ giữa nội bộ các dân tộc, giữa các quốc gia. Chiến tranh và bạo lực liên tiếp bùng nổ, thế giới đang đứng trên bờ vực thẳm, lòng người hoang mang... Người ta đang đi tìm chỗ dựa tinh thần nơi các tôn giáo; nhưng lại thất vọng vì nạn kỳ thị tín ngưỡng. Giữa lúc ấy, Đấng cứu tinh đã đến, trao cho người thời đại thông điệp “đại đồng quy nguyên”:

*“Thầy sắp cuộc dinh hoàn tái tạo,
Dụng huyền linh Đại Đạo vận hành,
Quyền Thầy hiệp cả vạn sanh,*

1. Thượng hạ hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu. Ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử. Ký tri kỳ tử phục thủ kỳ mẫu. Một thân bất đãi. (Thiên hạ có khởi điểm. Khởi điểm ấy là mẹ thiên hạ. Đã được mẹ, thì biết con, trở về giữ mẹ, thân đến chết vẫn không nguy). (Đạo Đức Kinh, ch.52, Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ dịch).

2. Nguồn: ALAIN FINKIELKRAUT, Tạp chí Người đưa tin UNESCO. Chuyên đề “1789 Một ý tưởng đã làm thay đổi thế giới”. Số tháng Sáu 1989, trang 30-33. Bản điện tử do triethoc.edu.vn thực hiện.

Đông tây, kim cổ lập thành tương lai.”³

Đặc biệt, thông điệp này báo hiệu cơ “Thiên nhân hiệp nhất”, giải quyết cuộc diện bế tắc dựa trên năng lực hiệp đồng vạn sanh và vận dụng những giá trị phổ quát rút ra từ trong lịch sử văn minh xa xưa – hiện đại toàn cầu.

Những giá trị phổ quát là những tinh hoa tinh thần nâng cao nhân vị vượt không gian và thời gian. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khẳng định giá trị phổ quát ưu việt đều có trong mỗi cá thể con người không phân biệt giai cấp, chủng tộc hay tôn giáo. Đó là “Đạo tự hữu”. Nên Thánh giáo Cao Đài viết: *“Cái bản vị cao quý của con người đối với vạn vật vạn linh cũng là cái rất quan trọng với chính nó trong cuộc sống toàn diện là sống theo đúng bản vị của con người trong ý nghĩa bất tử bất biến.”*⁴

Sứ mạng trọng đại của Tam Kỳ Phổ Độ là làm thế nào vạch ra đường lối phát huy động lực thăng tiến từ bản vị ấy. Nên Đức Giáo Tông vẫn ưu tư: *“Nhưng than ôi! Nào có mấy ai hiểu thấu ý nghĩa đó để chấp nhận cho mình một đời sống chân chính trong sứ mạng hoằng giáo độ đời.”*

Thế nên, Đức Chí Tôn Cao Đài mới gióng lên hồi chuông Khai Minh Đại Đạo để thức tỉnh những ai quên lãng Bản thể chơn nơn của mình. Nhờ đó biết sống lẽ sống đích thực bằng giá trị “thiên hạ tối linh”, và dám lặp lại tuyên ngôn “Thiên thượng, thiên hạ duy ngã độc tôn” của Đức Thích Ca Như Lai.

“Đại Đạo vận hành trong lẽ Một,

3. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-02 Quý Hợi (29-3-1983).

4. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-4 Tân Dậu (18-5-1981).

*Một mà tất cả phải làm sao?
Làm sao từ huệ được viên dung,
Duy ngã độc tôn biết chỗ dùng,
Thiên thượng bao trùm ơn đức cả,
Nhơn gian nhuần gội nghĩa tình chung.”⁵*

Vậy những giá trị phổ quát giữa nhân gian là những gì có công dụng đại đồng; ở đâu, đối với bất cứ ai, đều đem lại sự chuyển hóa thân tâm trở nên tươi đẹp an vui, và sự nghiệp thăng tiến như Văn ngôn hào Lục ngũ quẻ Khôn viết: “Quân tử hoàng trung thông lý. Chính vị cư thể. Mỹ tại kỳ trung, nhi sớng ư tứ chi, phát ư sự nghiệp, mỹ chi chí dã.” Hơn thế nữa, người sứ mạng lại lấy lòng Trời làm lòng mình, bao dung dưỡng dục quần sanh vô tư vô kỷ vô công, đó là giá trị phổ quát của thiên tâm, chân ngã bao trùm vũ trụ vạn vật.

*“Vi nhân tử tài thành nhân vị,
Phật Thánh Tiên nhất lý do hà,
Vô tư vô dục vô tà,
Từ bi, bác ái, trung hòa lợi sanh.”⁶*

Tóm lại, giá trị phổ quát gần gũi thiết thân con người nhất là “tấm lòng”, vì “Tấm lòng của nhân loại mới chính là nơi chân lý cứu rỗi phát sinh tạo thế an bình cho nhân loại”⁷.

5. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-01 Kỷ Mùi (11-02-1979).

6. Huấn từ của Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29-02 Mậu Ngọ (06-3-1978).

7. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-01 Giáp Dần (06-02-1974).

TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO

Kim thạch gìn lòng noi đạo chánh

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo
Tuất thời, 15-10 Ất Mão (17-11-1975)

THANH MINH ĐỒNG TỬ. Tiểu Thánh chào chư Thiên ân sứ mạng. Tiểu Thánh vâng lệnh đến trước báo đàn, chư Thiên ân sứ mạng thành tâm nghinh tiếp Lý Đại Tiên Trưởng giảng đàn. Tiểu Thánh xin chào chung lui gót ứng hầu.

TIẾP ĐIỂN

GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ. Bần Đạo chào mừng chư hiền đệ hiền muội.

Vì có vài việc liên quan đến sự tu học hành đạo của chư đệ muội, hôm nay Bần Đạo cho vời chư đệ muội đến dạy dỗ. Bần Đạo miễn lễ, chư đệ muội đồng an tọa.

Trước nhất là về việc tu dưỡng trong khóa tịnh Đông chí sắp đến, Bần Đạo bảo trước để chư hiền chuẩn bị. Chư hiền hãy chuẩn bị ý chí thanh cao và đạo đức gắn bó trước mọi hoàn cảnh, dầu hoàn cảnh nào cũng đều là hoàn cảnh thích nghi cho người tu dưỡng cả. Được như vậy, chư hiền mới giải thoát được sự phiền trước cho tâm linh và đem điển lành trong sạch tốt đẹp đến cho tha nhân quần chúng.

Chư hiền đệ! Nhật nguyệt chuyển luân ngày đêm sáng tối khác nhau, người đời có lúc làm việc, có lúc phải nghỉ ngơi. Có thực hiện những sinh hoạt nuôi nấng cho nhân sanh thì cũng cần bồi dưỡng tâm linh cho đủ đầy sáng suốt. Thế nên, dầu trước những cuộc diễn biến trị loạn hưng vong, đó là cuộc thi cho những người hướng đạo cũng như vạn linh trên đường tiến hóa. Dòng đạo luân lưu vô tận, các chế độ cũng như những khúc sông, có khúc vắng khúc dài, có khúc trong khúc đục, có khúc dơ khúc sạch, người hướng đạo cần sáng suốt để tùy doi nương vịnh, lèo lái con thuyền vượt sóng lướt trên dòng sông đạo pháp, đừng hờ hững ngả nghiêng mà đắm chìm trong sóng gió.

(...)

Chư hiền đệ hiền muội hãy lấy tâm thiên địa để mà tu và hòa mình [cùng] vạn vật để mà sống. Đạo không là cái gì mới đối với con người, mà thực sự con người là Đạo. Đạo là cái vốn tự hữu sẵn có trong con người và vạn hữu trong luật tắc hữu hình và vô hình. Thế nên, hễ là tự hữu thì vẫn còn mà cái tạm mượn vật gì sẽ trở về cho vật ấy. Thế nên người tu học hành đạo là tu cái đã có và học lý huyền đồng cùng thiên địa vạn vật. Chư hiền là Thiên ân trong hàng sứ mạng phải hiểu rõ hơn nữa.

Này chư hiền!

THI

Dặn lòng chờ đến tiết xuân sang,

Áo đạo thay cho áo ngự hàn,

Vốn sẵn đi buôn không mất lãi,

Công kia quả nợ kết huy hoàng.

Bần Đạo dạy ít chư đệ muội hiểu nhiều. Chứng lòng chư đệ

muội, Từ Mẫu sẽ giáng lâm ban ơn chư đệ muội, vậy chư đệ muội thành tâm tịnh định để nghinh tiếp.

(...)

Bần Đạo ban ơn lành chung chư hiền đệ hiền muội. Bần Đạo hồi động phủ. Thăng.

ĐÀN TÁI CẦU

THỂ LIÊN TIÊN NỮ. Chị chào các em nam nữ. Đức Từ Mẫu sắp giáng lâm, các em thành tâm nghinh tiếp. Chị xin xuất ngoại ứng hầu, một dịp khác sẽ cùng các em luận bàn đạo lý. Lui.

TIẾP ĐIỂN

Mẹ mừng các con nam nữ.

THI

DIÊU cung nhớ đến trẻ con hiền,

TRÌ chí tu hành lúc đảo điên,

KIM thạch gìn lòng noi đạo chánh,¹

MẪU từ dành sẵn phước ân Thiên.

Mẹ giáng đàn trong giờ phút này để thăm viếng các con cái của Mẹ. Mẹ miễn lễ, các con đồng an tọa.

Mẹ rất vui mừng nhìn thấy các con vững vàng tâm đạo để tu trì và lo tròn sứ mạng đã được ân ban.

Các con ôi! Máy Tạo chuyển luân, cùng thông bí thới² là thường

1. Câu 3: Giữ lòng bền vững, không lay chuyển (như vàng đá: kim thạch), chung thủy và noi theo chánh đạo tu hành.

2. Cùng thông bí thới: (a) Cùng: tình trạng bế tắc hoàn toàn, không còn lối thoát, hết cách xoay xử. Vd: Đường cùng. (b) Thông: thông suốt; trái nghĩa với cùng. (c) Bí: thời vận xấu, bế tắc. (d) Thái: thời vận tốt, thông suốt; trái nghĩa với bí.

sự³ của cuộc đời. Các con đã đọc qua nhiều kinh điển cũng như lịch sử, từ thuở khai nguyên tạo thành vạn hữu⁴ thì có biết bao nhiêu là cuộc đổi thay trong nguơn hội thể vận⁵ tuần huòn.⁶ Các con học đạo, hiểu đạo và hành đạo trong sự sáng suốt của Thượng Đế ban cho, các con sẽ vững vàng trước mọi điều biến chuyển để làm sáng tỏ cái Đạo ở nơi con và đem sự hiểu biết của con để thức tỉnh những con còn đang say mê trong giấc điệp. Mẹ chứng tâm thành hành đạo của các con và luôn luôn cho chư Phật Tiên, Thần Thánh hộ trì, giúp đỡ các con trên bước đường tiến thủ⁷ để làm tròn sứ mạng thể Thiên hoàng đạo, phổ độ nhơn sanh.

Hiện tại, những việc con đang làm và sẽ làm đều là sự quyết tâm hành đạo của các con. Chỉ còn chờ đợi niềm vui tươi [với] kết quả đem đến để các con có một kỳ công trở về dưới chơn Thầy phục lịnh.

Con ôi! Như lời Giáo Tông Đại Đạo vừa đề cập, đạo pháp trường lưu mà các giai đoạn của cuộc đời là những khúc sông vắng dài, trong

3. Thường sự: Việc bình thường, việc thông thường, việc thường xảy ra hàng ngày (ordinary affairs).

4. Vạn hữu: Vạn vật, vũ trụ.

5. Nguơn hội thể vận: Theo Thiệu Khang Tiết (đời Bắc Tống, Trung Quốc) diễn tả trong tác phẩm Hoàng cực kinh thể thì nguơn (nguyên) hội thể vận là bốn đơn vị đặc biệt để tính thời gian. 1 thế = 30 năm; 1 vận = 12 thế hay 360 năm; 1 hội = 30 vận hay 10.800 năm; 1 nguơn = 12 hội hay 129.600 năm (Nhất thế vi tam thập niên; nhất vận vi thập nhị thế; nhất hội vi tam thập vận; nhất nguơn vi thập nhị hội.)

6. Tuần huòn (hoàn): Xoay vần, luân chuyển theo thứ tự (to circulate), như hết thịnh tới suy, dứt suy trở lại thịnh.

7. Tiến thủ: Không ngừng vươn lên để ngày càng tiến bộ.

đục. Các con đang lèo lái chiếc thuyền từ trên dòng đạo pháp, dầu muốn hay không cũng phải vượt qua hết những khúc sông hiểm trở, doi vịnh⁸ uốn quanh để xuôi về biển cả vào bến khởi nguyên. Muốn được như vậy, không phải một sớm một chiều mà thành công. Cần có thời gian vô định với sự kiên nhẫn, trì thủ⁹ và hy sinh của mỗi đấng để thực hiện cho được phần chứng quả của tâm linh mới hòa hợp với Nhơn sanh đem lại sự an bình cho thế giới Nhơn loại.

Con ôi! Đạo không bắt buộc con phải xa lánh cuộc đời vì con là một Nhơn sanh trong cuộc đời. Những hình thức tôn giáo, quy điều giới luật được đặt để, đó là những phương cách [có] giá trị trang trí để thay đổi thị dục¹⁰ con người hướng về tâm linh, tạo lập cuộc đời thánh đức cho Nhơn loại. Mẹ dạy như vậy để các con học hiểu mà cố gắng đi cuối tận con đường giải thoát đang đi. Ngày nay con buồn, ngày mai con vui, sự thay đổi đổi thay trong trường đời¹¹ này con hãy xem đó là vô thường và con nên phá hết mọi chấp trước nơi lòng để vượt qua thế giới vô thường bất đoạn¹² này. Chừng đó con sẽ thấy huyền nhiệm của đạo pháp và tâm linh.

8. (a) Doi: Dải phù sa ở dọc sông hay cửa sông; dải đất lồi ra phía biển do cát tạo thành; phần biển có mực nước cạn (nông) hơn so với các vùng chung quanh.

(b) vịnh: phần biển, đại dương, hồ lớn ăn sâu vào đất liền.

9. Trì: Nắm lấy, giữ lại; Thủ: Nắm giữ. Trì thủ: nắm chặt không rời.

10. Thị dục: Lòng ham muốn.

11. Đối đãi: Là tính chất của mọi hiện tượng và sự vật trong thế giới nhị nguyên. Chẳng hạn: âm dương, sướng khổ, còn mất, giàu nghèo, cùng thông, bỉ thối, v.v. là những cặp gồm hai yếu tố đối đãi nhau.

12. (a) Vô thường: tạm bợ, lúc có lúc không. (b) Bất đoạn: không dứt. (c) Thế giới vô thường bất đoạn: thế giới mà sự tạm bợ không bao giờ dứt, tức là thế giới nhị nguyên (cõi thế gian).

Các con Thường Vụ Cơ Quan cùng các con Vụ Trưởng hãy siết chặt tay nhau, hòa hợp nhau, thương yêu nhau, khoan dung tha thứ cho nhau để hoàn thành sứ mạng thống nhất giáo lý Đại Đạo. Các con nên nhớ, muốn sống một đời sống yên lành thì các con có thiếu thốn chi đâu mà không yên lành trong khi có những đũa phải oằn oại¹³ vì nghiệp quả trả vay, sống thật sự không yên lành trong cuộc sảy sàng chọn lọc này. Các con hãy lấy làm vui vẻ mà tiến bước trên đường phổ độ, hãy hòa mình với cuộc đời mới độ được người đời. Các con cũng cần công phu tu kỹ¹⁴ để giữ cái vốn liếng thiêng liêng mới đủ cho con vượt [lên] trên đường thiên lý.

(...)

Tất cả các con đũa thì có cái này mà thiếu cái kia. Đũa có tài, đức còn thiếu bạc¹⁵; đũa có đức, tài lại kém; không đũa nào được hoàn toàn. Thế nên các con hãy dụng thể liên hoàn¹⁶ hỗ trợ lẫn nhau từ tâm đức, tài năng. Đừng đũa nào mặc cảm, e ngại để cho đám tà thần thừa cơ xúi giục các con xích mích ngấm ngấm, rời rạc lẫn nhau rồi công phu tu tập bấy lâu trên đường hành đạo phải dở dang mà đắc tội nghe các con. Tất cả các con hành chánh đạo, chánh tâm là có một thần minh theo dõi hộ trì. Mẹ bảo cho,

13. Oằn oại: Cũng viết quần quại.

14. Tu kỹ: Sửa chữa bản thân, sửa chữa chính con người mình.

15. (a) Thiếu: nông, cạn, không sâu; trái nghĩa với thâm. (b) Bạc: mỏng, không dày; trái nghĩa với hậu. (c) Thiếu bạc: cạn và mỏng; trái nghĩa với thâm hậu (sâu dày). [Một số người quen nói trại là xiển bạc, không đúng!]

16. Liên hoàn: Sắp đặt các bộ phận riêng rẽ, rời rạc sao cho kế tiếp nhau để tạo thành chuỗi thống nhất, nhờ đó các bộ phận này vận hành liên tục và ăn khớp nhau như các mắc xích trong một vòng dây xích.

đừng hờ hững để tâm xáo trộn và có những tư tưởng xấu hay lời nói không trung thực chánh đáng mà bị ghi vào nơi sổ tội. Các con cũng đừng ngần ngại trước những công quả (dầu là công quả nhỏ) mà không làm, cũng đừng sợ sệt trước trở ngại (dầu là trở ngại lớn) mà không tiến. Chí tâm sẽ chí đạo,¹⁷ con nên đạo là chỗ đó nghe các con.

(...)

Phần các con nữ phái. Các con Nữ Chung Hòa cũng nên tích cực trong mọi sinh hoạt của Cơ Quan cũng như sự tích cực lo lắng cho tha nhân và tu học. Mẹ khen ngợi tâm đạo của các con. Các con được ân ban đã nhiều, đừng để tâm tư xáo trộn mà giải đãi¹⁸ công phu tu kỹ hằng ngày. Nếu tâm các con không bình thì làm sao tiếp nhận được hồng ân ban bố? Các con cần nhắc nhở chị em Nữ Chung Hòa của các con luôn luôn giữ gìn tâm đạo, hòa mình để cảm hóa cuộc đời. Dầu nữ hay nam cũng là sứ mạng trong Tam Kỳ Phổ Độ nghe các con.

Các con Hiệp Thiên Đài! Mẹ dành rất nhiều hồng ân cho các con lớn nhỏ để vãng vàng tự nguyện hiến thân hành đạo, phục vụ Thiên cơ. Các con đã được ơn, hãy lấy đó làm niềm vui trong sự sống. Mẹ lo lắng cho các con trên bước đường hành đạo cũng như Mẹ lo lắng cho toàn thể con cái vạn linh. Các con hằng bữa cần công phu tu dưỡng để trọn lành, trọn tốt trước nhơn sanh nghe các con. Một ngày nào đây nếu các con nam nữ của Mẹ phải tự thấp đuốc mà đi, không còn ý lại nơi lời Thánh ngôn,

17. (a) Chí: rất, lắm (very); đến (to reach). (b) Chí tâm: trọn lòng, hết lòng thành khẩn. (c) Chí đạo: tới được đạo, đạt đạo.

18. Giải đãi: lơ là, biếng nhác.

Thánh giáo trong những đàn cơ sẽ có, thì các con cũng nên nhớ rằng Thiên Liêng tạm mượn thông công giữa Trời và người để các con an lòng hành đạo, tu thân. Đó là phương tiện đặc biệt, nhưng dầu đặc biệt cũng chỉ là phương tiện. Giá trị hơn hết là tâm con có minh linh sáng suốt để cảm ứng với Thiên Liêng nơi cõi vô hình. Đó là giá trị bất biến, có thể giúp con đạt đạo, chứng quả được.

Từ đây đến Đông chí, các con sẽ được điểm đạo để tiếp tục tu trì. Các con vừa hành đạo giúp đời, vừa công phu tu luyện. Mẹ tin rằng các con sẽ được Đức Thượng Đế ân ban cho các con đem lại phần xây dựng thanh bình cho xã hội nhơn sanh. Hiện các con trong Đại Đạo đang mong chờ một niềm tin phát khởi ở người sứ mạng Thiên ân tiền phong. Các con cũng nên lưu ý điều đó và đọc lại suốt các lời dạy từ mười năm qua mà tuần tự nhi tiến.¹⁹

Thôi, đến đây Mẹ tạm ngưng để các con an nghỉ.

THI

Thương con dạy dỗ để con nên,

Đạt đạo nhờ con có chí bền.

Xây dựng cho đời ngày thánh đức,

Kỳ công vĩ nghiệp sẵn đề tên.²⁰

Hiện diện các con đều có mối liên hệ trên cõi thiêng liêng, các con nên vui mừng mà tu học.

Mẹ ban ơn các con nam nữ. Mẹ hồi cung. Thăng.

19. Tuần tự nhi tiến: theo thứ tự mà tiến lên.

20. (a) Kỳ công: công nghiệp khác thường, hơn hẳn mọi người. (b) Vĩ nghiệp: sự nghiệp to tát.

TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO

VÔ VI THANH TỊNH

để làm sống lại

Tiên Thiên chánh khí

Tuất thời, 11-11 Bính Thìn (31-12-1976)
Khóa tịnh Đông chí tại Vĩnh Nguyên Tự

THI

THIỆN căn phước đức ngộ Cao Đài,
PHƯỚC đức do người tạo chớ ai,
ĐẠO hạnh cho tròn, quy giới giữ,
NHƠN luân mực thước ấy hơn tài.

Chào chư Thiên ân, chư tịnh viên nam nữ. Tệ Sĩ rất vui mừng được dự vào hộ tịnh vô vi trong ba hôm nay với Phục Đức Tôn Thánh nên Tệ Sĩ có đôi lời chúc mừng chư tịnh viên đã trọn lòng hưởng ân thiêng liêng trong khóa tu này. Phục Đức Tôn Thánh muốn có đôi lời chúc mừng quý vị, xin tiếp điển. Xin lui gót hộ đàn. Lui.

TIẾP ĐIỂN

THI

PHỤC phát sinh cơ đúng lẽ Trời,
ĐỨC lành bủa khắp cõi trần vui,

TÔN cao sứ mạng người tâm đạo,
THÁNH đức ngày sau dựng cõi đời.

Bản Thánh chào chư Thiên ân, chư tịnh viên nam nữ. Bản Thánh rất hoan hỷ hộ tịnh trong tam nhứt và nhận thấy quý vị tịnh viên đem lại một kết quả cho bản thân và cho tha nhân rất nhiều do tâm đạo chí thành chí kính của quý liệt vị. Mặc dầu tịnh đường thiếu sự khang trang, muỗi mòng cắn phá, nhưng quý liệt vị vẫn trì tâm chiến thắng không lui làm cho Bản Thánh rất thầm khen mến phục nên Bản Thánh có mấy lời chúc tụng thành quả, quý liệt vị hoan hỷ chấp nhận. (...)

Hãy kiểm điểm lễ phẩm trên Thiên bàn, trật tự trong ngoài. Chư Thiên ân và chư tịnh viên thành tâm để tiếp Đức Mẹ cùng chư Tiên Nương Thánh Nữ giáng lâm. Chư Thiên ân, quý liệt vị giữ tâm thanh tịnh tiếp giá Từ Tôn. Lui.

TIẾP ĐIỂN

THI

BẢO trợ người lành đạt chí tu,
HÒA cùng thiên lý đắc công phu,
THÁNH tâm mới cứu an thiên hạ,
NỮ giới nam trang thoát ngục tù.

BẢO HÒA THÁNH NỮ. Chào chư Thiên ân hướng đạo, tịnh viên lưỡng phái. Hôm nay, Tệ Nữ cùng chư Tiên Nương hộ giá Từ Tôn Kim Mẫu lâm đàn. Vạy Tệ Nữ xin nhường bút. Chư Tiên Nương có lời chào chư Thiên ân cùng quý tịnh viên lưỡng phái. Tệ Nữ xin nhường bút.

THI

BẢO trọng tình thương khắp mọi người,

LINH quang sáng chói cõi trần vơi,
THÁNH ân đã được, nên gìn giữ,
NƯỞNG nín cùng nhau sửa dựng đời.

BẢO LINH THÁNH NƯỞNG. Chào chư Thiên ân hướng đạo, chào chư tịnh viên nam nữ. Tệ Tỷ xin chúc mừng chư Thiên ân, chư tịnh viên đã làm tròn lời dạy của Thiêng Liêng đem lại kết quả ít nhiều trong tiết Đông Xuân này. Tệ Tỷ xin nhường bút.

THI
HỒNG quang chiếu diệu khắp muôn phương,
CÚC trở mai đơm cảnh lạ thường,
TIÊN tục tuy rằng hai cõi khác,
NƯỞNG nhau chỉ có một tình thương.

HỒNG CÚC TIÊN NƯỞNG. Chào mừng chư Thiên ân hướng đạo, và xin để lời chúc mừng chư tịnh viên toàn thể trong khóa tu Đông chí được kết quả trên phương diện chí thành tâm đạo. Loạn giá sắp cận kề, Tệ Tỷ xin nhường bút.

THI
DIỆU HẠNH TIÊN NƯỞNG hộ giá loan,
Cùng chư Nương Tỷ nhập lai đàn,
Chúc mừng toàn thể trong huynh tỷ,
Tịnh tọa đem về một ánh quang.

DIỆU HẠNH TIÊN NƯỞNG. Chào chư Thiên ân hướng đạo, chào chư tịnh viên nam nữ. Tệ Tỷ xin để lời chúc mừng chư tịnh viên trong tịnh trường này được nhiều ân phước tiến trên nấc thang Đại thừa Thiên đạo. Ngày nay đã tạo được ít nhiều công phu công đức, chắc rằng ngày mai cũng sẽ thăng tiến thêm hơn mà không bao giờ thoái chuyển. Tệ Tỷ rất hoan hỷ thấy các cháu có mặt nơi đây cũng nhờ sự dìu dắt của chư Thiên ân mà các

cháu noi theo chơn đạo để tự cứu và giúp đời. Tệ Tỷ xin phép
dùng bút nhường Tiên Cô giáng lâm. Xin lui.

TIẾP ĐIỂN

DIỆU HẠNH TIÊN CÔ giáng chúc mừng,
Tịnh viên nam nữ đắ Thiên ân,
Công phu công đức tô nền đạo,
Độ dẫn nhơn sanh khắp cõi trần.

Tệ Tỷ rất hoan hỷ đượ tiếp đón các hàng Thiên ân tâm đạo
ở nơi tịnh trường cổ tự này. Mong rằng công đức hồi hướng của
chư tịnh viên đượ tràn đầy khắp cõi pháp giới chúng sanh cho
mọi người đều thức giấc mộng trần quay chơn về nẻo thánh thì sứ
mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mới đượ phổ hóa khắp năm châu.
Tuy công đức xem như mây bay gió thổi nhưng kỳ thật không bao
giờ dứt, nhờ vậy mà chư Thiên ân, chư tịnh viên càng để tâm tu
dưỡng, để tâm thanh tịnh, càng thấy tiến đạo vô cùng. Tệ Tỷ cũng
mừng cho tiền đồ Đại Đạo đã có một số tuổi trẻ đầu xanh biết giác
ngộ tu hành, biết trách nhiệm vi nhơn quên mình độ thế. Đó là điểm
đặc biệt trong hàng tiếp nối ở tương lai. Tệ Tỷ xin đượ ngợi khen.

Từ Tôn Kim Mẫu giá lâm, chư Thiên ân tịnh viên nam nữ
thành tâm nghinh tiếp. Tệ Tỷ xin xuất ngoại tiếp giá hộ đàn. Lui.

TIẾP ĐIỂN

THI

Dung chứa muôn loài một Mẫu Nghi,
Bảo tồn trưởng dưỡng khắp cơ vi,
Chắt chiu mong trẻ cho nên Đạo,
Cứu rỗi quần sanh buổi mạt kỳ.

VÔ CỰC TỪ TÔN DIÊU TRÌ KIM MÃU. Mẹ mừng các con nam nữ. Mẹ đến với các con trong giờ này để các con mừng vì được Mẹ ban ơn cho phần tu dưỡng của các con. Trước hết, Mẹ miễn lễ các con đồng an tọa.

Trong mấy ngày tu tịnh, Mẹ rất thương cho các con mới bước Sơ Thiên mà đã chí tâm tu học vượt mọi hoàn cảnh khó khăn cùng nhau anh dắt chị dìu để tròn lời giáo huấn của Thiêng Liêng công phu tu kỹ. Các con đầu chưa đạt đến mức thành công vi diệu nhưng cũng đem lại khối điển lành tốt đẹp bủa xung mọi hướng, hòa hợp thiên cơ. Như vậy các con sẽ được sự hộ trì và được ân phước Tam Giáo Tổ Sư ban cho các con lần lần phát huệ minh tâm kiến tánh để thoát nẻo luân hồi trở về nguyên sơ căn bản. Mẹ thương là thương cho mấy đứa nữ phái sở tại mặc quê mùa ham tu ham học mà từ lâu mắng chèn chúc thề sự, không dứt được niệm lự chuyền leo, ham vào tịnh trường cố công hành đạo nhưng vẫn chưa quên được thói quen còn ơ thờ lo lắng việc ngoài, việc nhà, việc cửa. Tuy vậy, nhưng các con đó được một tâm chơn thật nên Mẹ thương. Mẹ đã thương thì các con cũng phải thương, cũng phải gắng dìu dắt nhủ khuyên chỉ vẽ cho chúng nó được thấm nhập đạo lý. Đó là công đức vô lượng các con sẽ hưởng lấy kết quả chung trong một ngày gần đây.

Về các con nam phái, Mẹ mừng cho các con chí thành chí kính trong những thời công phu tu dưỡng đã cố hết sức cầm ý mã tâm viên¹ đầu nó mãi chuyền leo vọng động, nhưng các con cũng chiến thắng được, vượt qua mọi khó khăn từ phương tiện đến

1. Ý mã 意馬: cái ý (tư tưởng) phóng xa như con ngựa chạy. Tâm viên 心猿: tâm luôn động, lăng xăng, như con vượn nhảy nhót.

nội tâm nên Mẹ khen. Mẹ giảng trước nơi đây để ban ơn cho các con và sau sẽ ban ơn cho toàn khóa trong một đàn kế tiếp. Các con có vui mừng chăng?

THI

Con hỡi con ôi cố gắng tu,
Tự con giải thoát khỏi trần tù,
Thế Thiên hành đạo cho nên phận,
Nên phận là nhờ chí sĩ phu.

Này các con! Đạo không có ở ngoài thân con mà pháp là phương tiện. Con hiểu được đạo, hành được đạo là thị hiện được pháp. Khi pháp hiển dương tất nhiên con đủ quyền năng giúp đời độ chúng. Con ôi! Tu học mà không thoát được vòng mê chấp thì sớm muộn gì cũng sa vào chốn mê đồ. Các con muốn hoàn toàn giác ngộ để thấm nhập nghĩa lý siêu màu của đạo pháp thì đừng bao giờ quên những món báu là: Từ hòa², khiêm tốn, bác ái, khoan dung, nhẫn nại, trì thủ³ và hy sinh mọi cái tư hữu của chính con. Bao nhiêu đó, con hòa được với cảnh, hòa được với nhân tâm, tự khắc sẽ hòa cùng Thiên lý. Bao nhiêu đó, con sẽ thấy con không còn nhơn, còn ngã, còn kỷ, còn cầu⁴. Nếu không nhơn ngã, vô kỷ, vô cầu là

2. Từ hòa 慈和: nhân từ và ôn hòa.

3. Trì thủ 持守: kiên trì gìn giữ.

4. Nhơn (nhân) – ngã: là quan hệ giữa người khác (tha nhân) và bản thân mình (ngã, kỷ, cái ta). Ở đây Mẹ dạy người tu phải có cái tâm vô phân biệt giữa ta và người khác, tức là vô nhân ngã 無人我. Vô kỷ 無己: không có ta, không tự xem mình quan trọng hơn trong quan hệ người với người. Vô cầu 無求: không mong cầu. Trong sách triết cũng thường nói tương tự là “không phân biệt bỉ thử”. Bỉ 彼: ấy, đó, cái ấy, người ấy. Thử 此: đây, này, cái này, người này.

con thực hiện đúng đạo lý, đúng chánh pháp Đại Đạo vậy.

Trong đợt tu chót của khóa Đông chí, các con có thầm lặng tìm hiểu ý nghĩa của đợt tu này như thế nào không? Một đứa đại diện nam, đại diện nữ bạch cho Mẹ nghe?

[Đạo Trưởng Bạch Lương Ngọc bạch: ...]

[Đạo Tử Bạch Tuyết bạch: ...]

Cười, cười... Con an tọa.

Mẹ biết phần đông các con được lệnh nhập tịnh trường lòng vui mừng mong cầu Đạo và nghe dạy là tịnh tập thể hợp thiên nhiên, tạo khối điển lành rưới chan khắp chốn. Các con cũng sẵn sàng kèm tâm giữ ý theo lời hướng dẫn, nhưng thật sự lòng con cũng chưa biết kết quả đi đến đâu và như thế nào.

Con ôi! Đạo pháp vi diệu ở chỗ đó, không biết mà biết, không thấy mà linh ứng, không hình tượng mà bủa khắp muôn phương. Chỉ vẫn vói có ba hoặc bảy ngày hoặc chín ngày, ngoài việc thân tâm ổn định, thể xác nghỉ ngơi để bù lại những tháng năm nhọc nhằn lao khổ vì nghiệp lực, vì sinh kế, trong đôi ba ngày cũng là quý báu đối với các con được sống lại cuộc đời hài nhi trong vòng tay của Mẹ. Thêm vào đó, phần hàm dưỡng chơn khí phục phát sinh cơ,⁵ dầu cho con chưa thâm sâu đạo pháp, nhưng giữ lòng thanh tịnh hư vô cũng giúp cho các con phục hồi sinh khí. Phần này các con phải gìn giữ sau khi trở về. Cố gắng

5. Hàm dưỡng 涵養: hàm chứa nuôi dưỡng. Chơn khí 真氣: nguyên khí 元氣, là khí do sự kết hợp của khí tiên thiên và khí hậu thiên. Phục phát 復發: phát triển trở lại. Sinh cơ 生機: sức sống, khả năng sinh sống. Hàm dưỡng chơn khí phục phát sinh cơ: nuôi dưỡng chân khí để phát triển lại sức sống [của mình].

gìn giữ được càng lâu bền càng tiến đạo. Đừng quá phí tổn thân xác tinh thần để thất tán những gì con lượm lặt chắt mót từng giờ từng phút trong tịnh trường. Đến một ngày nào đây các con cũng sẽ tự thấp đuốc mà đi, chừng đó vốn liếng ngày nay có giữ thì ngày sau mới có mà xài nghe các con! Mẹ cũng ban ơn cho các con dày công tâm đạo trong đợt tu này được đạo danh. Đạo danh mà Mẹ sắp ban hay đạo danh mà các con đã được ban là quý báu vô cùng. Chẳng những đó là tấm gương phản chiếu cho tự tánh của con mà cũng là ghi vào Tiên tịch khi con bước trên nấc thang Đại thừa Thiên đạo. Nên mỗi khi các con có lầm lỗi hãy nhớ đến đạo danh Thiêng Liêng đã ban cho con mà mau mau hành học cho đúng ý nghĩa của đạo danh ấy tức là Tiên tịch đã ghi rồi vậy.

[Đức Mẹ ban đạo danh cho một số tịnh viên Nam Nữ].

Mẹ mừng thấy các hàng ái nữ,
Hộ tịnh trường gìn giữ quả công,
Hôm nay Mẹ bố ân hồng,
Cho con nam nữ chung đồng hưởng an.
Phần nam phái đạo tràng vừa mãn,
Giữ tâm lành chánh đáng người tu,
Thế gian bao ngút sương mù,
Sáng soi đèn huệ chớ lu con à!
Mẹ mừng thấy gần xa ảnh hưởng,
Chuyển họa sâu sang hướng đường lành,
Đỡ đần cho mấy chúng sanh,
Con ôi! Cố gắng phước lành tạo thêm.

[Đ. Trưởng Chơn Tâm Bạch: Xin Đức Mẹ giải nghĩa dùm câu “Tiên thiên nhi thiên phất vi...” trong Thánh giáo đàn cơ mừng 7

tháng 11 vừa qua tại Cơ Quan.^{6]}

Con hiểu nghĩa hai chữ Tiên Thiên không? Chơn Như Tự Tánh ở đâu mà có? Hiện giờ con đã nhận thấy tự tánh của con chẳng?

[Đ. Trưởng Chơn Tâm bạch: ...]

Này con, tự tánh vốn là Tiên mạng chi tánh, mà con phải nhận được tự tánh mới đúng Đạo. Con biết Đạo thì con không thể biết được Tiên Thiên, bằng con không biết Đạo lại càng không biết Tiên Thiên nữa con à. Hãy lấy nghĩa giản dị mà hiểu đi con. Ý Đông Phương Lão Tổ bảo các con đọc lại lời Khổng Tử là các con chưa thanh tịnh, chưa phục được Tiên Thiên chánh khí, nên tất cả những gì ngoại cảnh đều chi phối lòng con, hoặc nội tâm thiên mà tự tánh chưa thiên làm sao chế ngự mọi sóng gió biến động bên ngoài. Bằng các con biết làm sống lại Tiên Thiên chánh

6. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy: “Khóa Đông chí Bính Thìn này rất cần trong tiết Đông Xuân, cần ở chỗ thanh tịnh làm sống lại chánh khí Tiên Thiên tự hữu để chế ngự tà ác khí của hậu thiên trong giai đoạn này.

Đức Khổng Tử có lời rằng: “Tiên thiên nhi Thiên phát vi, thiên thả phát vi, huống ư nhơn hồ, ư quý thần hồ”, nên dụng tâm thanh tịnh khởi mạch sống khí Tiên Thiên là quan trọng đối với tịnh viên là vậy.”

CHÚ: Câu này trích từ Dịch Truyện (Văn Ngôn quẻ Càn, tiết 14), nguyên văn: “Phù đại nhân giả dữ thiên địa hợp kỳ đức, dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh, dữ tứ thời hợp kỳ tự, dữ quý thần hợp kỳ cát hung, tiên thiên nhi thiên phát vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời. Thiên thả phát vi, nhi huống ư nhơn hồ, huống ư quý thần hồ!” 夫大人者與天地合其德，與日月合其明，與四時合其序，與鬼神合其吉凶，先天而弗違，後天而奉天時。天且弗違，而況於人乎，況於鬼神乎。(Đại nhân là hạng hợp đức cùng Trời Đất, hợp sự sáng với mặt trời, mặt trăng, hợp thứ tự với bốn mùa, hợp sự lành dữ với quỷ thần, đặc khi tiên thiên nên Trời không trái, lọt vào kí hậu thiên nên vâng thời Trời. Trời còn không trái, huống chi là người? huống chi là quỷ thần?- (Châu Dịch Huyền Nghĩa- Minh Lý Đạo)

khí chính là chỗ vô vi thanh tịnh, con mới nhận thấy được nhưt chơn pháp giới để chế ngự tất cả tình thức quấy nhiễu bên con. Con chế ngự được con thì mọi người đều trông vào con để tu học, nhìn vào con để tiến bước. Người đã kính phục con thì quý thần nào dám trái lại. Phương chi đức trọng quý thần còn kính sợ hưởng hồ gì Tiên Thiên chánh khí là khí tạo nên Thái Nhất chi sơ. Người tu hành không đạt được chánh khí đó thì còn luân hồi sanh tử dầu là Đại Tiên, Kim Tiên nhưng chỉ ở vào một thế giới nào đó để hưởng thọ đến mãn căn cũng trở lại mà tu luyện nữa, con hiểu chăng?

Bình lại xem còn gì chưa hiểu.

Các con còn một thời tịnh giờ Tý sẽ xuất tịnh. Mẹ ban ơn lành cho tất cả nam nữ tịnh viên và các con hộ tịnh vừa cực nhọc vừa vui vẻ. Mấy đứa nhỏ làm chư Thiên Hộ Pháp cũng cảm động trước sự siêng năng tâm thành của chúng nó. (...)

Từ xưa, Mẹ đã dạy bảo các con phải thương nhau, dìu dắt nâng đỡ nhau, không cứ người thân kẻ sơ, người đồng đạo, kẻ ngoại đạo. Nói chung một tiếng là các con của Mẹ những đứa tiền kiếp khéo tu, hiện kiếp vinh sang phú quý nên chia sót từng manh áo chén cơm, nâng đỡ kẻ xấu số vô phúc được hưởng nhờ. Cái chinh phục nhơn tâm trị bình thiên hạ không phải là uy quyền thế lực mà là tình thương.

Một vùng, một nước, con ban rải tình thương, dầu kẻ kia là thú mới tiến hóa nên người, bản tánh hung hăng thô bạo nhưng không thô bạo trước sự vĩ về ban bố tinh thần vật chất, ban bố sự sống cho nó. Bởi những đứa hưởng phúc không biết tạo thêm cảnh thiên đường cực lạc cho chính xã hội quốc gia mình nên mới có cảnh khổ ngày nay đó các con.

Giờ đây sứ mạng nhơn hòa, sứ mạng thể Thiên hành đạo Thượng Đế ban trao, các con phải dốc tâm gánh vác, dầu một hạt cát nhỏ cũng cố hợp lại thành cồn để đón ngăn sóng to gió lớn. Khi thuyền vượt khỏi trùng dương, các con sẽ hoàn thành sứ mạng. (...)

NGÂM

Ban ơn các trẻ đạo tâm thành,
Mãn khóa công phu được trọn lành,
Phước cả tạo nên gìn điển huệ,
Ơn lành bủa khắp đến quần sanh.

Huệ Chơn! Hãy đem cho Mẹ một chung âm dương thủy. Con hãy nâng lên trán, Mẹ bố điển quang vào... Con trao cho Bạch Lương Ngọc.

Này Bạch Lương Ngọc! Âm cảnh dương gian đồng nhứt lý. Biết bao nhiêu âm nhơn đang sợ sệt khi Mẹ giáng, phải nép vào trong khóm lá cành cây chờ đợi sự ban bố để chúng nó được hưởng ân lành quy y chánh giáo. Sau đàn, trước khi nhập thiền định, con dùng chung nước này với một cành hoa đem rải bốn phương và niệm danh hiệu Đức Chí Tôn trong khi rải nước xong cho âm nhơn được nghe hồi tâm hoán cải tiền phi tội nghiệt thoát hóa quy chơn⁷ nghe.

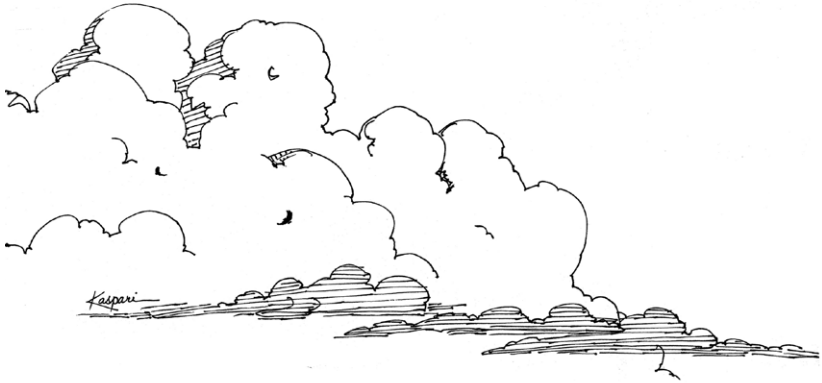
Mẹ ban ơn toàn thể các con nam nữ, các con sẽ được dành ơn huệ, phải ráng tu học siêng năng và Mẹ sẽ ban ơn cho tất cả các con trong khóa tu Đông chí này vào một đàn khác. Mẹ hồi cung.

Thăng.

7. Hồi tâm và sửa đổi, để tiêu tan tội nghiệt trước đây, nhằm siêu thoát và trở về nẻo chánh.

TRANG THÁNH GIÁO SONG NGŨ

Ban Dịch thuật VHV



Highest virtue –
Lowest virtue

Thượng đức – Hạ đức

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo,
Tý thời, Rằm tháng 2, Quý Sửu (18-3-1973).

Organ for Universalizing Caodaism,
Mouse hour, the 15th day of the second month of Buffalo year.

THI

THÁI hòa vạn tượng chiếu
Nam giao,

THƯỢNG đức trì tu phóng
nghiệt bào;

ĐẠO thị hư vô nhi vạn hữu,

TỔ truyền tâm pháp giải
trần lao.

THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ,
khánh hỉ khánh hỉ chư môn
sanh nam nữ.

Qua mấy nghìn năm rồi
mà chư môn sanh vẫn còn ghi
nhớ ngày Lão trải ánh linh
quang đến cõi trần để đem
vạn linh từ chốn trầm luân
trở về cùng đạo.

POEM

The perfect peace of
myriads of marvels illuminates
the Southern territory,

To be disengaged from
the source of evil, cultivate
the highest virtue with
determination,

The Dao is the absolute
nothingness yet the whole
creation,

The Founder spread the
mind-to-mind enlightenment
to save the world.

THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ,
delighted to meet you, male
and female disciples.

So many thousand years
have passed, and yet all
disciples have still kept in
mind the day I spread out
divine light to the world to
bring all creatures back to
the Dao from the immersion
in the sea of suffering and
sorrow.

Nhân lòng thành kính của chư môn sanh, Lão đáp lại câu “Thượng đức bất đức, hạ đức chấp đức, chấp trứ chi giả bất minh đạo đức” để giảng lại cho chư môn sanh ngõ hầu áp dụng trên đường tu thân hành đạo.

Lão miễn lễ, chư môn sanh đồng an tọa.

THI BÀI

Hỡi hành giả muốn thông lý đạo,

Nghe lời ra dặn bảo trì tu;

Owing to the sincere veneration of you all, I return to the statement, “The highest virtue is non-virtue and serenity, the lower virtue is virtue adherence, adherence to virtue is the complete non-comprehension of the real nature of virtue” to re-explain to you all in order to apply on the way to self-improve and practice the Dao. (that is “The ones who have mastered the highest virtue do not confine themselves to virtue and enjoy a peaceful life. The ones who have lower virtue do not understand fully the true nature of virtue”).

All disciples, be at ease, sit in the posture of meditation.

LONG POEM

Oh, religious practitioners, to have a penetrating insight into the Dao,

Listen to my instructions

Kiếp người dày dạn công
phu,
Mà không thoát khỏi ngục
tù này ư?

Điểm linh quang ban từ
thượng giới,
Vào nhục thân vun xới cõi
lành;

Âm dương động tịnh trước
thanh,
Thần hình tương ý tương
sinh đó là.

Lặng lẽ nhìn Trời ta vốn
một,
Má y hữu hình then chốt
như nhau;

Thanh đó là trước nguồn
đầu,
Động cùng nên tịnh diệu
màu lấm thay!

on complying fully with
religious cultivation,
With a hard life-long
practice of meditation,
Can't you get free from this
imprisonment?

The divine light bestowed
upon from Heaven,
Gets into the mortal body
to refine the kind-hearted
source,

Yin yang action and non-
action, impurity and purity,
The spirit and the form rely
on and nurture each other.

Reflect calmly, Heaven and
human are one originally,
The core of earthly
mechanism and that of the
celestial one are similar,
That purity there is
impurity at the source,
So miraculous it is when
action and non-action are
together.

Là thượng đức hòa hài
muôn vật,

Không ngã nhân đắc thất
vong tồn;

Thân thiên hạ, đạo linh hồn,

Vui tình Tạo Hóa bảo tồn
vạn sanh.

Đức đã tột thần hình hòa
diệu,

Đạo chói ngời quan khiếu
giao thông;

Dù còn ở chốn trần hồng,

Như non vời vợi, như dòng
luân lưu.

Tiên thiên khí một bầu
thâu liễm,

Dụng nguơn thần trợ hiểm
phò nguy;

Those of highest virtue
are in harmony with all
creatures,

Devoid of self and others,
success and failure, death
and life,

The bodies being in the
world, the spirit the Dao,

They enjoy the love of the
Creator sustaining all beings.

At the acme of their virtue,
their spirits and bodies are at
peace,

The Dao shines brilliantly,
the apertures are in
communication,

Despite living in this busy
world,

They are like the far-off
high mountains and the
flowing current.

Taking the energy of the
former heaven,

Using the originative
spirit to come to the rescue of

Vô vi mà vô bất vi,
Dựng đời trị đạo thực thi
tài thành.

Người hạ đức còn tranh
chấp đức,

Lập đức trong lãnh vực bù
trừ;

Có thật thì phải có hư,

Công ơn ắt phải công tư
đắp bù.

Người tu học trước tu lập
đức,

Đạo đức tròn vượt bực thể
nhân;

Vào trần chẳng nhiễm bụi
trần,

Nhục thân chế ngự, kim
thân trau dồi.

humankind in distress,
Non-action and serenity
yet not non-acting,

They build up the world,
perform the Dao by dividing
the surplus here to make up
for the need there.

Those who have lower
virtue still struggle to remain
virtuous,

Establish virtue in the
domain of compensation,

Where there is reality,
there must be unreality,

A favor received, a favor
done in requital.

Those who set oneself to
study and self-improve must
live virtuously first,

A paragon of virtue
surpasses mankind,

Enters the world un-
affected by the vicissitudes
of life

Subjugates the mortal body
and cultivates the golden one.

Đạo có nói: “ba ngôi mà một”,

Nhơn sanh này vốn một trong ba;

Để duôi nên vướng trần la,

Thiên khuynh địa hãm ái hà giam thân.

Nho mới dạy ba giềng năm mối,

Thích tam quy ngũ giới làm đầu;

Đạo dùng tam bửu luyện trau,

Năm hành sanh khắc diệu màu tầm tu.

Chỗ hòa hợp công phu tác động,

Dao stated, “There are three ranks and yet they are one originally”

Mankind, from the very beginning, was one of the three,

Caught in the worldly net because of being carefree,

Plunged into the confusion in nature, entrapped on earth, imprisoned in the river of love.

Confucianism has instructed the three bonds and five cardinal virtues,

Buddhism the three refuges and five commandments,

Taoism the cultivation of the three previous ones,

Seek after the five elements generating and prevailing over each other miraculously to cultivate.

Meditation brings into effect their harmonious communion,

Cấm sát sanh để rộng lòng
nhân;

Trên trời sao Tuế rạng gần,

Phương đông ổn định khí
thần hòa vui.

Người can đởm vững ngôi
hành mộc,

Thân khỏi loài tà độc nhiễu
nhương;

Cấm trộm cắp không tổn
thương,

Hành kim vượng khí vẹn
đường nghĩa ân.

Trời Thái Bạch muôn phần
tỏ rạng,

Đất phương Tây sung mãn
điều hòa;

Người thì trường phế
tăng gia,

Kiên hành thông khí mặn
mà dưỡng nuôi.

Do not kill living beings to
keep your heart wide open to
humanesses,

In the sky, Jupiter (Sao Tuế)
is shining brilliantly,

The East stabilizes, the
vital energy and the spirit are
in perfect union.

In human, the vital energy
of the liver secures the
position of the wood element,

The body is free from the
perturbing evil influence,

Do not steal, thus no one
gets hurt,

The metal element bursting
with energy, fulfills the bonds
of gratitude.

In the sky, Venus (Thái
Bạch) is exceptionally bright,

The West is in a time of
great abundance and harmony,

In human, the lungs are full
of vital energy,

Practice steadily with
determination for the vital

energy to flow freely and
provide nourishment

Cấm tà dâm trau dồi đức lễ,

Do not perform sexual
perversions to improve your
propriety,

Hỏa hậu điều tiết chế âm
sinh;

The fire vital energy
moderates the generating of
the Yin,

Trên trời Huýnh Hoặ
trong thanh,

In the sky, Mars (Huýnh
Hoặ) is clear and bright,

Phương Nam an định điềm
lành việc may.

The peaceful and stable
South is a good omen and
good fortune.

Người tâm trường an bài
sinh động,

In human, the heart
regulated, is full of energy,

Chủ hình hài huyết thống
truyền ban;

Rules the body by cir-
culating the blood around,

Giữ cho thần khí định an,

Keeps the spirit composed
and the vital energy steady,

Vóc hình khang kiện đảm
đang trị vì.

And assumes the respon-
sibility to maintain the
stature solidly built and
healthy.

Cấm tửu nhục kiên trì đức
Trí,

Do not become addicted
to drink or drugs to have

Thạch Mậu nhờ hành Thủy
rưới chan;

Thần tinh soi sáng dặm
ngàn,

Đất thì phương Bắc thoát
nàn giảm tai.

Người thận thủy đủ đầy
mát mẻ,

Cho bàng quang nhậm lệ
điều hành;

Cấm điều vọng ngữ hư
danh,

Giữ gìn chữ tín cho thành
thiện chơn.

Thổ trung ương trong
phần chuyển vận,

Trời trấn tinh khởi chấn
thiên quang;

Đất là mỗ kỷ định an,

a strong hold on accurate
judgement,

And to flourish owing to
the water element pouring on,

Mercury (Thần Tinh)
illuminates thousands of miles,

On earth, the North averts
catastrophes and dangers are
lessened.

In human, the water
element of the kidneys is full
and fresh,

For the bladder to operate
quickly and effectively

Refrain from the false-
hood and futility of the
worldly fame,

Observe trustworthiness
to be virtuous and truthful.

The earth element in the
center, is in motion,

In the sky Saturn (Trấn
Tinh) starts emitting celestial
light,

The earth restores

Người thì tỳ vị kiện khang
lưu hành.

Học tìm hiểu cho rành đạo
lý,
Tìm cho thông cốt chỉ bì
phu,
Nội tâm ngoại cảnh vận trù,

Thường hành nhật dụng
công phu viên thành.

Hỡi chư môn sanh! Đạo
không nói được chỗ nói, mà
làm được chỗ làm. Đọc thơ
không nên để đọc thơ, mà cầu
lý. Lý đã thông thì việc làm sẽ
thành tựu.

Lão ban ơn cho chư môn
sanh, nhớ lời Lão dạy.
Lão hồi động phủ.
Thăng.

harmony by itself,

In human, the pancreas
works in the best condition.

Learn and understand
fully the principle of the Dao,
And acquire the profound
and thorough understanding,
Keep the inner nature
unaffected by the en-
vironment,

Practice meditation
regularly every day and
success will come.

Oh! all disciples, Dao
cannot be spoken of, and yet
it can be practiced. Reading
poetry should not be for the
poetry reading's sake, but
for learning the truth. Once
having penetrated the truth,
the work is achieved.

I bless you all, remember
my teaching.
Back to my mansion.
Ascension.

con đường

CỨU ĐỘ KỶ BA

Hồng Phúc

Nhân loại đang ở nơi đỉnh cao của nền văn minh khoa học với những phát minh công nghệ vượt ngoài sức tưởng tượng của con người liên tục xuất hiện có thể đếm được qua từng giây từng phút; chủ nghĩa thực dụng vật chất đang đẩy con người tới một cuộc sống cạnh tranh ngày càng vội vã, bất an – bất an cả trong đời sống xã hội lẫn trong cuộc sống nội tâm. Nhân loại đang đối mặt với nguy cơ tận thế mà theo Sputnik, các nhà nghiên cứu tại Viện Công nghệ Massachusetts (MIT) đã dự đoán “nền văn minh nhân loại mà chúng ta thường biết” tuyệt diệt vào năm 2040 với những dấu hiệu quan trọng xảy đến ngay trong năm 2020, tức là chỉ còn 2 năm nữa, điều kiện sống trên trái đất sẽ trở nên cực kỳ khó khăn, như nguồn cung cấp lương thực toàn cầu sẽ giảm mạnh do thời tiết càng lúc càng trở nên khắc nghiệt, cộng thêm sự bất ổn chính trị leo thang. Ước tính hai phần ba dân số thế giới có thể phải sống trong điều kiện thiếu nước vào năm 2025.

Đó là những mối đe dọa mà giới khoa học cảnh báo nếu loài người không có khả năng khống chế và vẫn hành xử như đã làm trong suốt thế kỷ qua, chắc chắn các hệ thống thiên nhiên trên trái đất sẽ sụp đổ.

Lý Tường Hải, một nhà nghiên cứu Trung Quốc, trong một cuốn sách của ông đã được dịch ra tiếng Việt gần đây: “Thế kỷ XX là thời đại nhân loại thu được những thành tựu to lớn, đồng thời cũng là thời đại bộc lộ những tệ hại của văn minh hiện đại. Một mặt, nhu cầu vật chất của nhân loại được thỏa mãn ở mức trước đây chưa từng có, mặt khác, tinh thần và tâm linh của nhân loại lại bị tổn thương ở mức trước đây chưa từng có... Sự phân hóa lưỡng cực cao độ đưa ra trước mắt mọi người một bức tranh về sự rất mất nhân đạo của nhân loại. Sự phát triển cao độ của kỹ thuật... cũng thành ra một vũ khí sắc bén để nhân loại tàn hại lẫn nhau... người ta vốn là đứa con của tự nhiên, giờ đây họ muốn lấy trí thức và kỹ thuật làm chỗ tựa, hy vọng trở thành chủ nhân của tự nhiên. Thế rồi họ làm những việc lay trời chuyển đất, tát đầm bắt cá, kết quả là phá vỡ sự cân bằng sinh thái vốn có của giới tự nhiên, từ đó mà khiến nhân loại gặp phải nguy cơ là mất đi chỗ dựa sinh tồn...”¹

Đây là điều tất yếu phải xảy ra theo đúng Luật Nhân quả, con người đã không tôn trọng quy luật tự nhiên, hủy hoại tàn phá quá đạ cầu này, chỉ biết thiên về vật chất, lãng quên đạo lý... thì cuối cùng phải đón nhận hậu quả vì đã phạm tội “ngịch thiên” tất phải “giả vong”, mà cũng theo đúng quy luật hữu hình tất hữu hoại của thế giới nhị nguyên, vừa đúng cơ vận hành tuần hoàn châu nhi phục thổ của vũ trụ.

Tuy nhiên, nhờ đức háo sanh vô lượng của Đấng Tạo Hóa, “con đường cứu độ Kỳ Ba” đã được mở ra như là sinh lộ cho tất cả những ai biết thức tỉnh hồi đầu, phục hồi đạo đức, sống thuận

1. Phạm Việt Hưng - Đây là nền văn minh đích thực - <https://viethungpham.com>

lẽ Trời, có cơ hội thoát khỏi cơ tận diệt đang sắp bày trong thời mạt kiếp buổi Hạ nguơn.

THẾ NÀO LÀ CON ĐƯỜNG CỨU ĐỘ KỲ BA?

“Con đường cứu độ Kỳ Ba” chính là cách nói nôm na diễn dịch từ danh xưng “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” được Đức Thượng Đế khai mở cách đây hơn 90 năm trên vùng đất phương Nam nước Việt, là con đường rộng lớn cứu độ toàn thể chúng sanh lần thứ ba trong lịch sử nhân loại.

Trong lịch sử cứu độ nhân loại trước đây đã có Nhứt kỳ và Nhị kỳ phổ độ, tức là các thời kỳ mà Đức Thượng Đế cho các vị sứ giả xuống trần gian mở ra các tôn giáo tùy theo hoàn cảnh địa lý và trình độ căn trí của con người, nhằm dạy con người sống đúng theo đạo lý, dẫn dắt con người vào đường tu hành để giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử. Nay đến Tam kỳ Phổ độ, là thời kỳ cuối cùng trong vận hội Tam nguơn, chính Đức Thượng Đế giáng trần dùng điển linh qua huyền cơ diệu bút chỉ dạy con người phương thức tu hành để thoát khỏi hiểm họa diệt vong. Đức Chí Tôn đã chỉ rõ tiến trình vận chuyển của Trời Đất và sự tế độ của Ngài dành cho con người trước khi kết thúc nguơn Đieu tàn, tái tạo cõi dinh hoàn, lập lại đời Thượng đức.

“Con đường cứu độ Kỳ Ba” là đại cuộc cứu độ do chính Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế mở ra để cứu rỗi toàn nhân loại thoát khỏi cơ tận diệt theo đúng luật tuần hoàn chu nhi phục tử, nhưng quá trình diễn biến nhanh hơn và thảm khốc hơn Thiên định do bởi con người gây tạo quá nhiều tội lỗi, vô đạo, sống trái Thiên điều, chỉ biết chạy theo tham dục vật chất, thất đức phi nhân, không chỉ tàn phá thiên nhiên, truy diệt muôn loài, mà còn

gây cảnh tương tàn tương sát lẫn nhau không chút tiếc thương. Đức Chí Tôn đã cảnh báo:

“Ngày vui vẻ của sanh linh đã mòn, họa Thiên điều đã cận, Càn khôn thế giới còn đeo đuổi dụng thất đức vô nhân mà gieo thảm chất sầu trong nhơn loại. Họa Âu tai Á sẽ lần lần thay phiên nhau, dụng luật Thiên đình mà diệt phạt người vô đạo. Càn khôn cũng vì đó mà phải điên đảo. Thầy lấy đức háo sanh mở Đạo lần ba mà vớt kẻ hữu phần tránh khỏi nơi buộc ràng khổ phạt. Ai hữu phước đặng để chân vào, kẻ vô phần phải bị tà yêu cám dỗ.”²

TÔN GIÁO CAO ĐÀI LÀ ĐIỂM QUYỀN PHÁP (HẠT NHÂN) CỦA “CON ĐƯỜNG CỨU ĐỘ KỶ BA”

Khai mở “Con đường cứu độ Kỷ Ba” hay “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”, Đức Thượng Đế cũng dụng hình thức tôn giáo để phổ hóa chúng sinh nhân loại bằng giới quy đạo đức cùng với một nền giáo lý tổng hợp tinh hoa Tam giáo có sự khế cơ, khế hợp thời đại. Tôn giáo đó chính xác có tên gọi “Cao Đài” với tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên – Ngũ chi phục nhứt” tức đặt nền tảng trên tinh thần “Vạn giáo đồng nhứt lý”.

“Thầy sắp một thực tướng Tam giáo cho các con hiểu rõ vạn giáo trên thế gian đồng nhất lý, ngộ hầu lập đời Thánh đức sau hội Long Hoa.”³

Đức Quan Âm Bồ Tát cũng xác nhận:

“Hạ ngưng mặt pháp, Đại Đạo hoằng dương, gồm Tam giáo vào

2. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, đàn ngày 07-11 Bính Dần (11-12-1926).

3. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-9 Canh Tuất (29-10-1970).

một Lý duy nhứt để phục hưng chánh pháp, cứu rỗi toàn linh trong cơn lặn hụp xa vời trên dòng bể khổ, lập lại đời Thượng nguơn Thánh đức cho trăm họ hòa bình Càn Khôn an tịnh.”⁴

Đời loạn đạo khai. Tất cả tôn giáo đều có chung một sứ mạng cứu đời, với cùng một bản chất là phương tiện giáo hóa con người tìm thấy ánh sáng là Đạo, tức là dẫn dắt nhân sanh tìm về nơi chốn bình yên tâm hồn, giúp con người giải thoát khỏi những tranh chấp, rẽ chia, thù hận trong cuộc sống chung nơi cõi tạm. Nhưng rồi sự ích kỷ và tham vọng của con người đã làm ô nhiễm tôn giáo. Cứu cánh cao cả của tôn giáo đã bị lãng quên, người ta không còn nhớ tôn giáo chỉ là “*con thuyền đưa khách mà Đạo là bến đỗ. Các con thuyền cuối cùng cũng xuôi về bến đỗ.*”⁵ Tôn giáo chỉ là phương tiện giúp cho con người đạt Đạo và con người sẽ rời bỏ sau khi sang bờ giác. Tôn giáo trở thành mục tiêu của sự tranh giành khốc liệt; con người càng văn minh càng muốn tôn giáo của mình độc tôn, bá chủ. Bởi vì vai trò và chức năng của tôn giáo đã bị con người vùi lấp bằng tham vọng riêng tư, thay vì là phương tiện giúp con người đạt Đạo, tôn giáo trở nên là tài sản để con người chiếm đoạt, sở hữu. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã phải ngậm ngùi:

“Ngày nay, trước cảnh đời đảo điên xáo trộn, nhơn tâm phân hóa vô cùng, rất đổi tôn giáo là những khuôn vàng thước ngọc để khép con người từ chỗ sa đọa trở nên Hiền Thánh Tiên Phật; un đức con người từ chỗ trọng trọng hồng trần được thanh thoát cao siêu; tôn giáo là mối dây liên quan, là cửa thông đồng cho vạn dân chung

4. Đức Quan Âm Bồ Tát, Huòn Cung Đàn, 08-4 Ất Tỵ (07-5-1965).

5. Đức Chí Tôn, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

tộc, thế mà tôn giáo ngày nay cũng trong tình trạng chia ly phân cách. Đó là do nơi lòng người chẳng về một, nên tôn giáo trở thành những tổ chức riêng biệt của xã hội này, quốc gia kia, đảng phái nọ.”⁶

Do nhân loại trong thời mạt pháp đã bị tha hóa bởi quyền lợi, danh vọng và cả tín ngưỡng, nên đã dẫn dắt tôn giáo vào chỗ tương tranh kỳ thị, gây nên những cuộc thánh chiến không lối thoát, cho nên khi khai mở con đường rộng lớn cứu độ toàn nhân loại, Đức Thượng Đế đã hình thành tôn giáo Cao Đài với tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên – Ngũ chi phục Nhứt” là nhằm để tạo một hạt nhân mà nói theo thuật ngữ Cao Đài là điểm Quyền pháp, để thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể Đạo cứu thế thuần chánh, như lời Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

*“Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể ‘Đạo Cứu Thế’ trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.”*⁷

Bởi vì, theo Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo thì “Các tôn giáo hiện có chỉ là các cấu tử chớ chưa phải là ‘Đạo’, là ‘tôn giáo cứu thế’. Vì lẽ đó Đại Từ Phụ mới ban quyền pháp. Quyền pháp là ‘Thầy’, là ‘Đạo’, là động năng thúc đẩy tạo thành Thánh đức sau Hội Long Hoa.”⁸

Như vậy, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay con đường rộng lớn cứu độ trong Kỳ Ba mạt pháp là con đường của một thực thể Đạo cứu thế, trong đó tôn giáo Cao Đài là ngọn đuốc được Đức Thượng Đế thắp lên để soi sáng, mời gọi các tôn giáo ngồi lại với

6. Trúc Lâm Thiền Điện, 07-02 Tân Hợi (03-3-1971).

7. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

8. Ibid.

nhau trên cái Lý đồng nhất của Đại Đạo là nền tảng của vạn giáo, để làm sống lại chơn truyền của các vị Giáo tổ khai sáng, trả tôn giáo về lại vị trí ban sơ là chiếc thuyền đưa khách vượt khỏi sông mê sang bờ giác, để xã hội tôn giáo không còn những trạng huống đau lòng phân chia, kỳ thị kết mầm khổ đau mà sẽ thay bằng ánh sáng cảm thông của lòng từ bi, trí tuệ chiếu rọi tâm linh con người, cùng dẫn dắt con người tìm đến sự giải thoát tâm linh, mà trên hết là cứu độ thế giới nhân loại thoát khỏi sự hủy diệt đang chực chờ.

“CON ĐƯỜNG CỨU ĐỘ KỶ BA” LÀ CON ĐƯỜNG ĐI CỦA ĐẠO

Con đường rộng lớn cứu độ Kỳ Ba hay gọi chính xác là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đó là con đường rộng lớn xuyên suốt từ vô thí đến vô chung nối liền Trời với vạn hữu theo hai chiều: phóng phát và quy nguyên. Chiều phóng phát từ ngôi Thái Cực hay nói theo thuật ngữ Cao Đài là khối Đại Linh Quang phân tán ra tạo thành muôn loài vạn hữu kể từ thời điểm bắt đầu hình thành vũ trụ và tiếp tục cho đến khi kết thúc tại một thời điểm gọi là “châu nhi phục thí”. Chiều quy nguyên là chiều vạn hữu quay về điểm xuất phát ban đầu tức ngôi Thái Cực mà nói theo Cao Đài là sự trở về với khối Đại Linh Quang của các Tiểu Linh Quang đã tiến hóa đến giai đoạn làm Người. Có nghĩa là sự quy nguyên chỉ có thể thực hiện tại kiếp làm người, và quy nguyên chính là sự tiến hóa của con người bước lên nấc thang vượt khỏi thế giới hữu hình, tức là làm Thần, Thánh, Tiên, Phật.

“Đại Đạo là con đường lớn thẳng tắp từ thiên thượng đến thiên hạ, từ bến khởi nguyên cho đến lúc hoàn nguyên, mà những ngộ

rẽ là những sự luân động theo luật tắc bảo tồn hay đào thải cho những chu kỳ trên Đại Đạo.”⁹

Chính nhờ “con đường rộng lớn” trong ý nghĩa này mà nhân loại mới có được diễm phúc đón nhận sự cứu độ của Đức Cao Đài trong cơ mạt kiếp. Cho dù con người đã xa rời thiên lý, đã gây nhiều nghiệp lực nặng nề, nhưng con đường lớn thẳng tắp từ thiên thượng đến thiên hạ, từ bến khởi nguyên cho đến lúc hoàn nguyên, vẫn luôn hiện hữu để cho các Tiểu Linh Quang phản bổn hoàn nguyên, hoàn thành sứ mạng như lời Đức Chí Tôn đã dạy: *“Từ bến khởi nguyên, con ra đi vương một sứ mạng trong hai đoạn đường: Một đem Đại Đạo lập đời, hai trở về với Đại Đạo.”¹⁰*

Bởi vì theo quy luật tiến hóa của vũ trụ, mọi Tiểu Linh Quang dù mau hay chậm, rồi cũng sẽ trở về bến khởi nguyên, như lời của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư: *“Từ cõi thượng thiên, chơn linh được xuống đến cõi hồng trần, trên quãng đường dài bao nhiêu lớp, nhưng cứ tuần tự phản bổn hoàn nguyên trên quãng đường ấy rồi một thời gian dài cũng sẽ đến.”¹¹*

Tuy nhiên, đến nay, vũ trụ đã giáp mỗi tuần hoàn châu nhi phục thổ, không thể chờ đợi sự tuần tự phản bổn hoàn nguyên, vì không biết đến bao nhiêu ngàn năm nữa mới có được cơ hội trở lại nguồn xưa, trong khi Đức Thượng Đế vì tình thương vô biên, đã lâm phạm mở một con đường tắt cho những ai giác ngộ nhìn thấy cơ vi mầu nhiệm của Tạo Hóa, cũng như thấy được

9. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-6 Canh Thân (26-7-1980).

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

11. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 25-9 Canh Tuất (24-10-1970).

viễn ảnh đen tối của tương lai nhân loại, quyết tâm dứt bỏ mọi ràng buộc của ngục tù nhân thế, cố gắng tu hành để vừa tìm thấy nẻo sinh tồn trong buổi hoàng hôn của nhân loại mà còn thoát ra khỏi vòng kềm tỏa của kiếp luân hồi như Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã chỉ ra:

“Có lối đi tắt trong Tam Kỳ Phổ Độ để cho các hàng hướng đạo, các bậc chân tu sớm giác ngộ trì chí hy sinh can đảm để đi về ngộ tắt ấy, mà ngộ tắt ấy chính là dụng cụ bén nhạy để nhận chân phân tách tính chất của sự hư thiệt chơn giả thiện ác.(...) Hỡi những ai muốn rút ngắn quãng đường tiến hóa để đi về ngộ tắt, phải thực thà, trì chí, kiên tâm, hy sinh, đại lượng, phá chấp, đừng dối lòng, để sớm trùng hoan cùng các Đấng trong thú tiêu dao non bồng nước nhược.”¹²

“Con đường rộng lớn cứu độ Kỳ Ba” là con đường nối liền hai cõi Hữu-Vô từ buổi khai Thiên lập Địa, đến Tam Kỳ Phổ Độ đã được Đức Cao Đài mở thêm ngõ rẽ nối liền giữa người với người để xây dựng một xã hội đại đồng Thánh đức; con đường đó cũng nối liền các tôn giáo với nhau để cùng quy về điểm chung nhất trên cơ sở “Vạn giáo đồng nhưt lý” để con người không còn sự phân biệt tôn giáo này hay tôn giáo nọ mà nhận đúng bản chất tôn giáo là phương tiện để từ đó tâm linh con người được soi sáng, giúp con người tìm thấy con đường giải thoát theo đúng tiến trình tiến hóa của vũ trụ, đồng thời cũng hình thành nên một thực thể Đạo cứu thế thực hiện công cuộc cứu rỗi nhân loại, trong đó: *“Nho giáo đem lại cho nước nhà một trật tự an ninh thuần phong mỹ tục, Phật giáo đem lại cho con người giải thoát*

12. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 25-9 Canh Tuất (24-10-1970).

tâm linh đang bị chìm đắm trong khổ hải hồng trần, Đạo giáo dưỡng dục con người trên mọi phương diện vô vi và hữu thể.”¹³
như lời Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã chỉ dạy.

ĐIỂM ĐẾN CỦA “CON ĐƯỜNG CỨU ĐỘ KỲ BA”

1. Đối với cá nhân

Con đường rộng lớn cứu độ Kỳ Ba hay gọi chính xác là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, với điểm quyền pháp là tôn giáo Cao Đài, không chỉ tạo động năng thúc đẩy sự quy hiệp các tôn giáo thành thực thể đạo cứu thế cùng góp phần vào sứ mạng cứu độ nhân loại, mà còn dẫn dắt con người bước lên một cái đài cao tâm linh như ý nghĩa của hai chữ Cao Đài: “Cao Đài là cái đài cao, Vượt lên tất cả đón rào ngăn che.”¹⁴

Đó là chiếc đài cao:

– Vượt lên mọi phân biệt, ngã chấp: Dạy con người mở rộng tầm nhìn để thoát ra khỏi những giới hạn chật hẹp của định kiến, phạm tâm, tư ngã, để nhìn thấy chân lý, vũ trụ, vạn vật trong đó có con người đều có cùng chung một cội nguồn Thượng Đế, có cùng giá trị nhân bản tạo nên từ tình thương vô biên trong đức hạo sanh của Tạo Hóa, mặc dù có sự khác biệt về hoàn cảnh địa lý, sắc tóc màu da, trình độ tiến hóa, sự tín ngưỡng...

“Tuy những dân tộc loài người trên quả đất được phân biệt an định ở mỗi khuôn khổ vị trí và hoàn cảnh xã hội xa nhau, khác nhau, song sự xa cách, sự khác biệt ấy không phải là vấn đề cho con người quên mất nguồn gốc mình vốn một, quên mất bản chất

13. Trúc Lâm Thiền Điện, 07-02 Tân Hợi (03-3-1971).

14. Đức Quảng Đức Chơn Tiên, Minh Lý Thánh Hội, 07-6 Tân Dậu (08-7-1981).

mình là nhân từ như Thượng Đế, che chở lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau giữa người và người, đồng thời săn sóc gìn giữ sự yên ổn cho bao loài hạ tiện khác đang sống dưới tầm mắt trí khôn của nhân loại.”¹⁵

– Vượt khỏi mọi giới hạn tình thương: Để con người thấy rằng xua đi mọi sự ngăn cách giữa người với người, dành cho đồng loại một tình thương không giới hạn bởi thất tình, lục dục, thành kiến ngã nhân... bởi vì: *“Thầy là Cha của sự thương yêu. Sự thương yêu là giếng bảo sanh của càn khôn thế giới. Có thương yêu, nhơn loại mới hòa bình, càn khôn mới an tịnh. Đặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, mới giữ bền cơ sanh hóa...”¹⁶*

– Đài cao trí tuệ – minh triết: Để con người nhận thức rằng, con người đã được thừa hưởng từ Đấng Toàn tri Toàn năng trí tuệ siêu việt, nhưng bị che lấp vì vô minh, nghiệp quả, con người phải phục hồi cho chính mình tất cả những giá trị cao quý của một chủ thể tự do, không còn bị ràng buộc bởi dục vọng, không còn bị chi phối bởi vật chất và cũng không bị lệ thuộc thần quyền để thực hiện sứ mạng làm người cao cả mà đã bị lãng quên qua bao nhiêu kiếp luân hồi theo lời dạy của Đức Đông Phương Lão Tổ:

“Sứ mạng cao cả đã được đặt định cho loài thượng đẳng chúng sanh ở cõi này là sứ mạng vi nhân, được thay Trời mà quản cai muôn vật trong luật tắc hóa sanh hóa và có đủ quyền năng tự giải thoát để tiến hóa.”¹⁷

15. Đức Đông Phương Chương Quán, Trúc Lâm Thiền Điện, 17-7 Tân Hợi (06-9-1971).

16. Đức Chí Tôn, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, đàn ngày 12-12 Kỷ Tỵ (11-01-1930).

17. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-01 Quý Hợi (13-02-1983).

- Đài cao tiến hóa tâm linh: Khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế Cao Đài không những chỉ ra con đường tiến hóa của con người, mà còn ban trao hành trang cho bất cứ ai muốn dẫn thân vào cuộc hành trình tiến hóa cùng với trời đất để hoàn thành công cuộc tiến hóa vĩ đại bắt đầu từ vụ nổ Big Bang khoảng 13 đến 15 tỷ năm về trước.

Con người là sinh vật tối linh trong vạn vật, được đứng vào hàng tam tài Thiên-Địa-Nhân, cho dù là hóa nhân tiến hóa từ thảo mộc, thú cầm hay nguyên nhân thọ nhận sứ mạng từ cõi thượng thiên thì đều có chung trách nhiệm là hoàn thành công cuộc tiến hóa đang ở vào giai đoạn quy nguyên phản bản.

Đức Lý Giáo Tông dạy: *“Các Tiểu linh quang từ Đại Linh Quang phân thân xuống trần tùy theo nhiệm vụ và sứ mạng đã định của mỗi đơn vị, đến cõi dinh hoàn này để làm công việc tiến hóa trong đức háo sanh ấy.”*

Trên chặng đường tiến hóa cuối cùng nơi cõi hữu hình này, con người đã trở nên một chủ thể tự do. Đây cũng là giai đoạn mà Tiểu linh quang bắt đầu có thể vươn lên để phát huy trọn vẹn tính chất “Trời” tự hữu. Con người phải tự chủ bước lên được đài cao của sự tiến hóa, hoàn thành sứ mạng thiêng liêng *“Một ra đi, một trở lại Thầy”*¹⁸.

2. Đối với xã hội nhân sinh

Hội nhập với cộng đồng nhân loại: *“Con đường cứu độ Kỳ Ba” của Đức Cao Đài trong buổi Hạ nguơn không chỉ nhắm đến việc*

18. *“Một sứ mạng Thầy dành hai ngõ/Một ra đi một trở lại Thầy.”* (Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-12 Quý Sửu, 22-01-1974).

giải thoát tâm linh con người theo như truyền thống tôn giáo, mà còn tập trung vào mục tiêu thứ nhất là “Thế Đạo Đại đồng” nhằm hướng dẫn con người chung tay thiết lập một xã hội đại đồng là một xã hội “không kỳ thị phân chia, phù hợp xu hướng văn minh tiến bộ, tạo cảnh giới an lạc hòa bình, hạnh phúc trần gian và siêu xuất thế gian.”¹⁹

Xã hội đại đồng không có nghĩa xóa bỏ biên cương giữa các quốc gia, thống nhất thế giới này thành một khối duy nhất mà có ý nghĩa của một sự hiệp nhất tinh thần nhân loại trong sự thấu hiểu về nhân bản là cội nguồn con người, là Thiên tính, Thượng Đế tính. Hiểu rộng rãi là tình thương, đạo đức, lương tâm con người, trong đó chứa đựng sự công bằng, sự hiểu biết về lẽ phải ở đời. Con người sống đúng nhân bản sẽ tìm thấy hạnh phúc trong sự an lạc tâm hồn, đồng thời sẽ tạo cho con người một sự tiến bộ về tâm linh, để con người sáng suốt biết phân biệt điều thiện-ác, biết chọn lựa những những điều tốt đẹp phù hợp chân-thiện-mỹ, đủ tư duy hiểu biết dừng lại những gì mình có tức biết đủ, biết nhàn, biết sống vì mọi người, biết làm những điều ích chúng lợi dân, biết sống theo thiên lý, biết bảo vệ môi trường, biết tôn trọng thiên nhiên, tức đạt đến sự tiến bộ trong cả hai mặt đời sống vật chất và tinh thần như lời dạy của Đức Cao Triều Phát: *“Đạo Cao Đài chủ trương hiệp nhất tinh thần nhân loại, cùng tắm chung ánh nắng của Trời, cùng thở chung hơi thở của Hóa Công, cùng sống chung sức sống vô tận của Tạo Doan Thượng Đế, thì chúng ta không có một lý do nào tách rời*

19. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 11-02 nhuận Ất Sửu (31-3-1985).

những sự kiện ấy bằng lối sống riêng tư, mặc dù riêng tư về tinh thần vị kỷ.”²⁰

Như vậy, “Con đường cứu độ Kỳ Ba” của Đức Cao Đài không tách rời con người khỏi cuộc sống nhân sinh, mà ngược lại dẫn dắt con người hòa vào dòng chảy nhân thế để tạo nên thế quân bình giữa vật chất và tinh thần, giữa sự tiến bộ vượt bậc của khoa học và đạo đức làm người, để đầu tư vào sự cải tạo thế giới, chuyển hoá tâm linh con người trở về với bản chất nguyên sơ của Trời ban phát. Để làm được điều này, con người phải hội nhập thời đại bằng tầm vóc trí tuệ trên cả hai phương diện: giáo lý để thực hiện sứ mạng về mặt nhân sinh và đạo pháp để thực hiện sứ mạng về mặt tâm linh, mà trên hết là tạo được tinh thần hòa ái, hòa hiệp, giữa người với người bởi vì thế Nhân hòa là điều kiện tiên quyết để xây dựng xã hội đại đồng thánh đức mà Đức Lê Đại Tiên đã nhắc nhở:

“Có tạo lập được thế nhân hòa thì xã hội đại đồng mới có cơ hội thành hình. Có lập thế nhân hòa thì sứ mạng cứu rỗi toàn thể vạn linh sanh chúng mới trọn vẹn. Có lập thế nhân hòa thì ngọn đuốc chơn lý Đại Đạo mới soi rọi cho tận cùng trái đất. Nếu bảo ánh sáng chơn lý bất diệt thì đường hướng nhân hòa phải là điều luôn luôn cần khêu tỏ. Nhơn hòa đặt thành vấn đề rõ ràng như vậy, dĩ nhiên nó phải là động năng cải tạo một hiện trạng xấu xa và xây dựng một thế giới hoàn bị hơn. Có vậy giá trị của vấn đề mới đáng được đề cập và phát huy.”²¹

Không chỉ dừng lại ở đó, thế Nhân hòa còn là mô hình kiểu

20. Thánh thất Lộc Ninh, 14-5 Tân Hợi (06-6-1971).

21. Đức Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

mẫu mà con người có thể vận dụng như là phương thức giải quyết mọi vấn đề của con người trong cuộc sống hôm nay, hầu tạo nên một sự hội nhập bền vững trong cộng đồng loài người.

3. Đối với tâm linh con người

Hội nhập với Trời: Con đường cứu độ Kỳ Ba của Đức Cao Đài còn nhắm đến mục tiêu thứ hai là “Thiên Đạo giải thoát” tức là giúp cho đời sống tâm linh con người thoát khỏi sự vận hành của bánh xe luân hồi nghiệp quả, có nghĩa là trở về hội nhập cùng Trời sau khi hoàn thành sứ mạng làm người nơi miền hữu giới. Không những thế, đường hướng giải thoát tâm linh bằng Thiên đạo Đại thừa còn tạo điều kiện để con người có thể hội nhập với Trời trong thế Thiên nhân hiệp nhất ngay khi còn tại thế.

Muốn được như vậy, con người phải ý thức được sứ mạng vi nhân của mình trong thế Tam tài đồng đẳng, đứng giữa Trời và Đất, để học theo đạo Trời (Kiền), không ngừng trau dồi hoàn thiện bản thân để trở nên tự cường linh hoạt chí thiện chí mỹ, và đồng thời học theo đạo Đất (Khôn) để khép mình trong đạo lý, hướng về tha nhân, tự nguyện giúp đời xây dựng một cuộc sống tốt đẹp nơi cõi nhị nguyên. Trời Đất cộng tác nhau thì phong điều gió thuận, mưa nắng điều hòa, cỏ cây tươi tốt, thời tiết mùa nào theo mùa ấy để tạo nên cảnh thái hòa, âu ca lạc nghiệp cho thế giới hữu hình. Trời Đất nghịch lẫn quay lưng với nhau sẽ gây nên hiểm họa thiên tai, trong đó, con người là một tác nhân góp phần cùng với Trời Đất, vì từ xưa, con người đã nhìn nhận giữa Trời và người có một dây liên lạc mật thiết trong việc điều hòa trật tự của thế giới nhân loài và mặc nhiên nhìn nhận Trời là Đấng tạo ra muôn loài và nắm quyền tối hậu trong việc điều

hòa ổn định cuộc sống con người nơi cõi thế gian. Tuy nhiên, vì Trời vô hình, không thể trực tiếp cai quản xã hội loài người nên Trời đã giao cho các bậc nguyên nhân xuống trần thay Trời hành xử mọi việc.

Việc khai sáng các tôn giáo cũng nằm trong ý niệm này, các vị Giáo tổ trong lớp áo con người cũng phải trải qua quá trình rèn luyện tâm linh để thông công cùng Thượng Đế, đón nhận sự mạc khải từ Thượng Đế mở đạo nơi chốn thế gian để hướng dẫn con người tìm về chân lý. Đó cũng chính là nguyên lý Thiên nhân hiệp nhất trong vũ trụ.

Đặc biệt, đến Tam Kỳ Phổ Độ, nguyên lý này rõ nét hơn, cho thấy vai trò con người còn quan trọng hơn nữa qua việc khai mở ĐĐTKPĐ, Thượng Đế ban trao sứ mạng cho con người đồng hành cùng các Đấng Thiêng Liêng trong đại cuộc tận độ Kỳ Ba, nghĩa là để làm tròn sứ mạng của mình, con người nói chung, người tín đồ Cao Đài nói riêng phải hội nhập được với Trời bằng việc thi hành chủ trương, đường lối của Trời đã vạch ra.

“Con đường cứu độ Kỳ Ba” của Đức Cao Đài còn mở ra cơ hội cho con người trở về hiệp một cùng Ngài, được thực hiện qua công phu tu luyện pháp môn còn gọi là luyện đơn. Tuy nhiên, nền tảng của luyện đơn lại là việc rèn tâm sửa tánh cho ra người đức hạnh, tức là luyện kỹ.

Công phu nhằm vào việc phát động năng lực rèn luyện thân tâm, giải trừ tội nghiệp, tận diệt tánh phàm, xung phá Thiên môn, vén màn vô minh cho thánh tâm hiển lộ, chuyển hóa hơn dục cho thiên lý lưu hành, khai mở giác năng, cho Thiên tánh quy chơn, nghịch hành phản bổn, đắc thành đại giác, chánh giác. Để làm được công trình lớn lao này, người học trò Tiên của Đức

Cao Đài phải thực hiện Công phu theo đường lối “Song tu Tánh mạng”, tức là cùng một lúc tu sửa vừa tánh, vừa mạng

“Trên phương diện tu chơn, muốn được hoàn toàn đầy đủ năng lực thể chất để giúp tinh thần hành đạo hăng say thì cũng đều do tự chơn hiền đệ hiền muội tạo lấy cả. Công phu tu tánh luyện mạng nếu chưa viên dung thì bảo sao còn những phiền ma não chướng ở xác thân.”²²

“Tu luyện để có bửu bối giúp cho trí tuệ minh mẫn, tâm thần sáng suốt để giải quyết mọi vấn đề, hành đạo cho đúng Thiên lý. Tu luyện để diện mạo được từ ái khôê ngô, tướng đi đứng nằm ngồi thể hiện ra người có hạnh, trang nghiêm từ ái khiêm tốn để gây thiện cảm lòng tin với mọi người, mà đó cũng là sức hút của nam châm do các điều kiện ấy tạo nên. Xuyên qua cái lý đó, chơn hiền đệ thấy rằng các Đấng không chỉ khuyên tu để thành Phật Thánh Tiên mà phải tạo điều kiện để trợ duyên cho công cuộc thể Thiên hành đạo, phổ truyền giáo lý cứu độ nhơn sanh. Đó là về mặt tu thân luyện tánh.”²³

Nếu biết tu Tánh luyện Mạng, tức là con người biết tự quán xét thân mình, nhận ra đâu là phải trái, sửa đổi tánh tình, từ bỏ những tham dục thấp hèn, không chỉ tự sửa được số phận, định mệnh của mình trong hiện kiếp, mà còn tập làm hiền nhân rồi Thánh nhân, sống theo lòng Trời Đất, thì dù sống giữa cõi tạm trần ai, vẫn tìm thấy hạnh phúc an vui như nơi chốn thiên đàng cực lạc.

22. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-10 Canh Tuất (13-11-1970).

23. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Thiên Lý Đàn, 06-3 Canh Tuất (11-4-1970).

Thực hành được phép Song tu Tánh Mạng một cách rất ráo, con người không chỉ tìm thấy sự an vui cho riêng mình mà còn hòa mình cùng với thiên nhiên, hòa hợp với cộng đồng để góp phần xây dựng một xã hội thái hòa an lạc như lời Đức Đông Phương Lão Tổ: *“Người biết có tánh mạng, biết dụng chỗ âm dương, thần khí để dưỡng nuôi tánh mạng, thì sự sống mới hòa nhịp được với thiên nhiên để tâm hồn được thanh tịnh sáng suốt vững vàng, sẽ hòa hợp được với đời hầu xây dựng cõi đời an lạc thái bình.”*²⁴

Đức Lê Đại Tiên dạy: *“Trong niềm khao khát vô biên, Thượng Đế mong mỗi môn đệ của Ngài trở về Chơn Ngã, hiệp một cùng Thầy.”*²⁵

Đó là kỳ vọng của Đấng Cha Trời khi lâm phạm mở ra “con đường cứu độ Kỳ Ba”. Sự mong ước đó cũng không khác sự mong ước của bao nhiêu bậc phụ mẫu ở thế gian này, nuôi con lớn lên, cho đi ăn học, chờ mong ngày đỗ đạt để có chỗ đứng trong cuộc đời, để vinh quy bái tổ. Đức Chí Tôn, khi cho Tiểu Linh Quang vào trường thế gian học tập cũng chỉ mong các chơn linh học xong thi đậu để trở về vinh quang, có được ngôi vị nơi thiên đình.

KẾT LUẬN

“Con đường cứu độ Kỳ Ba” là sinh lộ mà Đức Thượng Đế đã mở ra cho nhân loại trước khi kết thúc một chu kỳ Tam ngươn để

24. Đức Đông Phương Lão Tổ; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 04-6 Tân Dậu (05-7-1981).

25. Nam Thành Thánh thất, 14-02 Kỷ Dậu (31-3-1969).

chuyển thế từ Hạ nguơn sang Thánh đức Thượng nguơn. Con đường này không chỉ dẫn dắt con người thoát ra khỏi nơi u tối của chốn luân hồi, mà quan trọng là sẽ độ dẫn con người vượt qua khỏi hiểm nạn của thời mạt kiếp.

Và lẽ tất nhiên, “Con đường cứu độ Kỳ Ba”, với sự đồng hành của cả hai cõi sắc không, con người không cô độc mà đắm trong thế giới vô minh nghiệp quả, mà luôn nhận được sự dẫn dắt, phò trì của Đức Đại Từ Phụ, Đức Từ Tôn và các Đấng Phật Tiên Thánh Thần. Tuy nhiên, Đức Đông Phương Chưởng Quân đã có lời cảnh giác: *“Đại Đạo ra đời trong Tam Kỳ Phổ Độ, là con đường lớn rộng thênh thang, xuyên qua muôn trượng núi rừng chông gai hiểm trở”*²⁶, có nghĩa “Con đường cứu độ Kỳ Ba” không bằng phẳng, trơn tru, mà đầy dẫy hầm hố chông gai, những chiếc cầu bắc ngang vực thẳm không tay vịn, đòi hỏi hành giả phải kiên cường mạnh mẽ với tâm chí thành, đại hùng, đại lực, vừa chiến đấu với phàm ngã tối tăm, vừa đương đầu với ma vương thử thách nặng nề của xác thân trọng trược, vì đó cũng là con đường mà Ngài Tam Tạng trải qua 81 kiếp nạn trên đường thỉnh kinh trong tác phẩm Tây Du Ký của tác giả Ngô Thừa Ân.

Người tín đồ đạo Cao Đài là những người đã được diễm phúc đặt chân trên “Con đường cứu độ Kỳ Ba”, phần còn lại là mỗi người có nhất tâm bền chí để đi trọn con đường để tìm thấy ánh sáng “tu nhưt kiếp, ngộ nhưt thời” hay không?

Mỗi người sẽ có câu trả lời cho chính mình.

26. Đức Đông Phương Chưởng Quân; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-02 Ất Mão (27-3-1975).



SỨ MẠNG QUYỀN PHÁP

Diệu Nguyên

Minh họa: Cọ Trắng

Ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần (19-11-1926), Đức Chí Tôn Thượng Đế đã chính thức khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tại đất nước Việt Nam với mục đích:

Đem nhân loại đại đồng cứu thế

Lập Cao Đài bảo vệ đời nguy

Ban trao sứ mạng Tam Kỳ

Cho người tâm đức kiên trì hoằng khai.¹

Như vậy, một sứ mạng trọng đại mà Đức Chí Tôn gọi là “sứ mạng quyền pháp Tam Kỳ Phổ Độ” đã được ban trao cho dân tộc Việt:

“Hỡi các con! (...) Thầy đem sứ mạng quyền pháp Tam Kỳ Phổ

1. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Chí Thiện Đàn (Minh Đức Nho Giáo), 26-8 Nhâm Tý (03-10-1972).

Độ trao cho các con, cho dân tộc con trong thời Hạ nguơn chuyển kiếp này là để các con gieo rải một ý thức hòa hiệp, thương yêu với nhau trước cuộc đời loạn ly điên đảo.”²

Vì sao sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lại được gọi là sứ mạng quyền pháp? Các tôn giáo khác đang có mặt trên thế giới ngày nay có sứ mạng quyền pháp như tôn giáo Cao Đài hay không? Trước khi trả lời hai câu hỏi này, chúng ta hãy tìm hiểu ý nghĩa hai chữ quyền pháp.

Đầu xuân Kỷ Dậu, Đức Chí Tôn dạy:

“Các con muốn Đạo sớm thành để hoằng dương độ thế thì hãy hành đạo trong khuôn khổ quyền pháp. Thầy sẽ cho Giáo Tông Thái Bạch đến phân tách hai chữ quyền pháp cho các con được thấm nhuần thêm hơn.”³

Ngay sau đó, Đức Lý Giáo Tông giảng dạy về ý nghĩa của quyền pháp; lời dạy này có thể xem là bài giảng chủ đạo và đầy đủ nhất trong số những Thánh giáo của các Đấng Thiêng Liêng dạy về quyền pháp. Đức Giáo Tông dạy:

“Sở vật thực tại⁴ được tạo thành và biến sanh đều do quyền pháp. Điểm quyền pháp ở đây là cái ngòi của quả trứng. Những cái ngoại thức nội tại có đủ [nhiệt độ thích hợp, được bảo quản tốt], nếu cái ngòi thật tốt thì quả trứng gà sẽ biến thành con gà sau một thời gian nào đó. Trái lại, nếu không có điểm quyền pháp của Thượng Đế ban, dầu có đủ điều kiện quả trứng vẫn hư hoại.

2. Thánh thất Nam Thành, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

3. Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

4. Sở vật thực tại: Những vật thể có thực và hiện đang tồn tại. Thí dụ: Con người là một sở vật thực tại, các tôn giáo cũng là sở vật thực tại, v.v.

“Trong sở vật thực tại con người, điểm quyền pháp là linh hồn, nhờ đó mà sinh ra, trưởng thành, và có thể tiến hóa đến mức đối phạm thành Thánh, thay tục hóa Tiên được.” (...)

“Trong hiện tình nhân loại phân tranh chiến đấu, đó chính là sở vật thực tại đang biến dưỡng. Một là, nếu như quả trứng không ngòi, thế giới này sẽ tự hủy diệt. Hai là, nếu có điểm quyền pháp thì thế giới này sẽ tạo một thiên đàng thuần chánh.”⁵

Từ lời dạy trên, suy ra thế giới ngày nay là một sở vật thực tại đang biến dưỡng. Trái ngược với sự phát triển tốt bụng của văn minh khoa học là thực trạng đạo đức con người suy bại; do đó con người đang xô đẩy nhau xuống hố thẳm tương tàn tương diệt. Nếu không có điểm quyền pháp (là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay đạo Cao Đài) do Đức Chí Tôn ban trao thì thế giới này sẽ bị hủy diệt giống như quả trứng không ngòi.

Trở lại câu hỏi chúng ta đặt ra trên đây: Các tôn giáo hiện có trên thế giới có sứ mạng quyền pháp như đạo Cao Đài hay không?

Đức Giáo Tông dạy:

“Các tôn giáo hiện có chỉ là các cấu tử chớ chưa phải là Đạo, là tôn giáo cứu thế. Vì lẽ đó Đại Từ Phụ mới ban quyền pháp. Quyền pháp là Thầy, là Đạo, là động năng thúc đẩy tạo thành thánh đức sau hội Long Hoa.

“Bần Đạo đã nói: Quyền pháp là Thầy, là Đạo. Nhắc lại, Đạo chớ không là tôn giáo. (...)

“Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể Đạo cứu thế trong Tam Kỳ Phổ

5. Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

Độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.”⁶

Thế giới này được ví như quả trứng gà, đạo Cao Đài có sứ mạng thúc đẩy các tôn giáo hiện có trên thế giới cùng kết hợp lại với nhau thành một thực thể Đạo cứu thế để cải tạo xã hội, do đó Cao Đài được ví như cái ngòi gà, là điểm quyền pháp để giúp thế giới này không bị tiêu diệt mà còn trở thành thiên đàng thuần chánh.

Nhưng kết quả đạt được sau mấy mươi năm ban trao quyền pháp ra sao? Thầy nhận xét:

“Đã trải qua biết bao nhiêu lớp người hy sinh hoẵng Đạo, cho đến ngày nay, nhìn vào thế giới nhân loại nói chung và các con trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nói riêng, vẫn còn trong trạng huống chia ly trầm trọng, đó là quyền pháp Đạo của Thầy các con chưa thực hành trọn vẹn, nên tình thương và lễ sống không phát động mạnh mẽ đồng đều để kết hợp thành một nền tảng hòa bình mà các con hằng nguyện cầu mong muốn.”⁷

Đây là một thực trạng đau buồn mà mãi cho đến ngày nay, những người con áo trắng của Đức Chí Tôn vẫn chưa giải quyết được. Tuy nhiên, Đức Giáo Tông an ủi chúng ta như sau:

“Không phải Thượng Đế cấy lúa trên tảng đá hay trao quyển binh thư cho người mù chữ. Ngoài ân ban, Đức Thượng Đế còn nhận thấy dân tộc này có thể thực hành sứ mạng ‘Hảo Nam bang, hảo Nam bang, / Tiểu quốc tảo khai hội Niết Bàn.’

“Bần Đạo nói để chư hiền đệ muội không lấy làm buồn mà để nhận một thực tế. Dân tộc này Đại Từ Phụ đã chọn, như Gia Tô Giáo Chủ đã nói trong lễ Giáng Sinh: ‘Chỉ có tâm thức thì sáng mà ý

6. Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

7. Thánh thất Nam Thành, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

thức còn u tối.’ Chính vì vậy mà quyền pháp này chưa lập được. (...)

“Sứ mạng của dân tộc này to tát như thế, quyền pháp quan trọng như thế, không phải làm không được. Chư đệ muội hãy chờ đợi, việc sẽ đến và đang đến. Từ ngàn xưa, trên lịch sử đã từng được nghe và thấy rõ. Việt Nam, một dân tộc mà tất cả thế giới đều nhìn vào, không phải nhìn vào vì nó có sự đe dọa tàn phá cả thế giới, mà nhìn vào vì chính nó là một động năng cứu rỗi xây dựng mới trên toàn thể nhân sinh.

“Muốn được vậy, chư đệ muội phải làm sao, phải làm thế nào để phát huy quyền pháp được đặt để?”⁸

Suy gẫm câu hỏi của Đức Lý Giáo Tông, phải chăng để phát huy quyền pháp được đặt để, bậc Thiên ân hướng đạo cần phải thực hiện tốt ráo những điểm như sau:

1. Thi hành cho đúng luật thương yêu

Thầy dạy:

*“Lòng Trời bao quát cả nhơn sanh
Chỉ có riêng con tạo dữ lành
Muốn đặng hòa bình trong ước vọng
Thì con mỗi đứa tự thi hành.
Thi hành cho đúng luật thương yêu
Thầy dặn dò con trước đã nhiều
Cái khổ của người con ước vọng
Buồm trương ngược gió phải theo chiều.”⁹*

Thầy lại dạy:

“Các con là những chức sắc, chức việc, tín đồ của Thầy. Thầy

8. Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

9. Thánh thất Nam Thành, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

nhắc nhở các con nên thương yêu nhau, dìu dắt nhau trên đường tu học, để hoàn thành sứ mạng phổ độ Kỳ Ba. Quyền pháp Đạo từ Tòa Thánh, Hội Thánh, thánh thất, thánh tịnh, mỗi người Thiên ân chức sắc, dù lớn dù nhỏ hãy gìn giữ cho xứng đáng nghiêm minh. Quyền pháp Đạo là tình thương và sự sống. Có nắm được quyền pháp thì Đạo mới khai; có tình thương, sự sống mới hòa bình an lạc. Đó là điều kiện duy nhất để con trở về với bến khởi nguyên Đại Đạo, về cùng Thầy.”¹⁰

2. Noi theo gương các bậc Thánh Nhân ngày xưa trong việc thực hiện bốn phận đối với tha nhân
Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn dạy:

“Các bậc Thánh Nhân ngày xưa thuận theo thời Trời mà phát sinh thánh đức, giáo tử muôn dân; noi theo lòng Trời mà xem dân như con đẻ, không thương riêng, không ghét riêng. Dầu đời có thăng trầm biến thái, người có đại khôn, đất có thấp cao, nhưng các Đấng đem đạo tài thành của thiên địa để dưỡng nuôi bồi bổ, dụng phụ tướng thiên địa chi nghi mà mở mang thiên hạ, không tranh không chấp, không tham giận thù hận, nhà an nước trị, dân chúng vô bụng ngậm cơm. Ngày nay chư hiền Thiên ân sứ mạng dầu chưa đặt mình vào nhiệm vụ người xưa, nhưng với sứ mạng Thiên ân bảo trì quyền pháp, phụng Thiên sự dân trong thời mạt kiếp này sự quan trọng ấy nào có kém chi đâu.”¹¹

Đức Vân Hương Thánh Mẫu dạy:

“Người tu hành có đem được tình thương cho mọi người mọi

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

11. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-01 Bính Thìn (31-01-1976).

kẻ, có tạo một niềm tin cho thực lực cứu cánh, thì mới tận độ họ về nhân bản, đạo pháp và tâm linh. Hai điểm trên nếu được thực hành đúng mức thì quyền pháp Đại Đạo sẽ mở rộng, do đó những người Thiên phong chức sắc hoàn thành sứ mạng to tát Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.”¹²

3. Tuân hành Đạo luật cho quyền pháp được nghiêm minh

Thầy dạy:

“Các con phải tuân hành Đạo luật cho quyền pháp được nghiêm minh”¹³, “(...) quyền pháp Đạo luật có nghiêm minh thì đạo pháp mới xiển dương sáng tỏ.”¹⁴

Đức Hiển Thế Đạo Nhơn giảng giải về tầm quan trọng của việc tôn trọng quyền pháp Đạo luật như sau:

“Mỗi đoàn thể, dầu đời dầu đạo, có được thuận hòa êm ấm, vui vẻ đoàn kết hành sự để phát triển là nhờ mỗi hội viên hoặc đoàn viên hoặc đạo hữu đều giữ gìn và thực hành nội quy luật pháp. Nếu trái lại, nước phải loạn, đoàn thể phải loạn, rồi ly tán. Chỗ ly tán đó là cửa hở cho tà mị chen vào khuấy động.

“Các em đã có tâm, là vốn liếng Thiên phú rồi. Nhưng cần phải thượng tôn luật pháp hoặc nội quy hành đạo mới khỏi bị khảo đảo, vì nội quy là cái đường rầy xe lửa. Nếu xe lửa chạy trật đường rầy ắt đâm nhào xuống hố, kéo luôn hành khách cùng theo.”¹⁵

12. Minh Lý Thánh Hội, 05-8 Quý Sửu (01-9-1973).

13. Thánh thất Nam Thành, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

14. Thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

15. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-4 Kỷ Dậu (16-5-1969).

4. Gây dựng bậc lãnh đạo chọn tu, đào tạo người hướng đạo tiếp nối

Thầy dạy: *“(...) củng cố hàng ngũ chức sắc để tạo nên bậc đạo đức chọn tu; trưởng dưỡng, huấn luyện tu sinh, tu sĩ để tạo thành trang hướng đạo.”*¹⁶

5. Bậc lãnh đạo các chi phái đoàn kết, bắt tay nhau, xóa tan mọi tỵ hiềm, đố kỵ ngỗ hầu nêu cao tinh thần đồng nhất của Đại Đạo.

Thầy dạy:

*“(...) người lãnh đạo, bậc đàn anh phải gieo ý thức thương yêu đoàn kết cho các con cái của Thầy hầu xóa tan mọi niềm tỵ hiềm đố kỵ và nêu cao tinh thần đồng nhất của Đại Đạo. Kể đến, các con lãnh đạo, hướng đạo của các chi phái hãy bắt tay nhau, cùng kết hợp lại thành một hội đồng hướng đạo trong Tam Kỳ Phổ Độ.”*¹⁷

6. Bậc Thiên ân chấp trì quyền pháp cần phải tu chứng.

Đức Ngô Minh Chiêu dạy:

*“Người tu chứng, chung quanh dường như không có một quyền uy pháp luật, mà ân oai chói sáng, quyền pháp nghiêm minh, tình thương do đó mà dấy tràn, trật tự do đó mà an bài, giáo lý Đạo do đó mà thâm sâu hoằng hóa.”*¹⁸

Để tu chứng, không thể nào chỉ làm công quả mà quên trau

16. Thánh thất Nam Thành, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

17. Thánh thất Nam Thành, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

18. Minh Đức Tu Viện, 02-01 Tân Dậu (06-02-1981).

dồi công phu (tĩnh luyện). Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Người tu hành vào hàng đại thừa chấp trì quyền pháp để thực hiện sứ mạng thiêng liêng thì luôn phải tu tánh luyện mạng cho thuần thực chơn chất, phải giữ lòng thanh tịnh như như, dầu đứng trước muôn ngàn ngoại cảnh đổi thay đừng để lòng phải xao động, luôn luôn diệt trừ phiền não chấp trước để không vui không buồn, không nơn không ngã, không bận không thù, không tà không chánh, không thị phi, không ân oán. Tóm lại là niệm lự giai vong, vạn duyên chốn tuyệt. Dầu danh lợi trước mắt, quyền uy trong tay vẫn xem như bọt bóng đầu gành, mây bay đỉnh núi.”¹⁹

Cuối cùng, còn một điểm hết sức quan trọng mà chúng ta cần ghi nhớ. Đức Giáo Tông dạy rõ:

“Quyền pháp không giao riêng cho ai, cho xã hội nào, cho tôn giáo nào. Quyền pháp có sẵn có, tùy tâm ý mà đạt định, tùy sứ mạng mà nhận lãnh.”²⁰

Như vậy, nếu dân tộc Việt không gắng sức để hoàn thành sứ mạng được ban trao thì quyền pháp có thể sẽ được trao cho một dân tộc khác, cho tất cả những ai thực hiện đúng tôn chỉ lập trường của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Mỗi người hướng đạo Cao Đài cần ý thức về sứ mạng quyền pháp được đặt để để nỗ lực hoàn thành sứ mạng.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn ban cho chúng con có đủ đầy minh triết, nghị lực, dũng khí và tình thương yêu để vượt qua mọi bản ngã tư tâm ngũ hầu thực thi trọn vẹn sứ mạng quyền pháp được Thượng Đế ban trao.

19. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-01 Đinh Tỵ (04-3-1977).

20. Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

mục đích của **ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**

Giáo Sĩ Kim Dung

Mở cơ tận độ trong vận hội cuối cùng của chu kỳ vũ trụ, chính Đức Thượng Đế đã giáng thế, không giao chánh giáo cho phàm nhân như trong Nhất và Nhị kỳ phổ độ. Điều này đã được Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Đại Từ Tôn xác nhận:

*“Nay Thượng Đế chính mình giáng thế,
Vì chúng sanh trong bể Hạ nguơn,
Trong cơ sàng sảy định phần,
Hoằng khai chánh đạo, xá ân Tam Kỳ.”¹*

Do bởi thời kỳ mật kiếp, nghiệp lực chúng sanh nặng nề tạo nên cơ thống khổ điêu tàn, muôn ngàn tai ương đến với thế giới loài người, từ thiên tai đến nhân họa... tất cả chỉ vì con người không còn giữ được thiên lương, đạo đức suy đồi, lòng người ly tán; cũng nhằm lúc vũ trụ giáp mối tuần hoàn, lập lại đời Thượng nguơn Thánh đức, nhân loại phải trải qua một cơ sàng sảy để phân phàm lọc Thánh, nên Đức Thượng Đế vì đức háo sanh khai mở mỗi Đạo chánh chơn – đem nguồn chánh pháp Đại Đạo tận độ chúng sanh nhằm đến mục đích “Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát”.

1. Thánh thất Tân Định, 16-8 Ất Tỵ (10-9-1965).

A. THẾ ĐẠO ĐẠI ĐỒNG

1. Thế đạo

Là đường lối thực hiện đạo lý để con người hoàn thiện hóa bản thân, kế đến là hoàn hảo hóa xã hội, nhằm đến mục tiêu xây dựng một thế giới đầy tình thương, mang đến hòa bình, an lạc và tiến bộ cho tất cả các dân tộc để tiến đến một xã hội đại đồng toàn nhân loại. Đây là con đường nhập thế tích cực của người tín đồ vừa tự độ, vừa phổ độ, tức thuộc phần Ngoại giáo công truyền.

2. Đại đồng

Không hẳn đồng nhứt, giống nhau, mà chỉ cùng có chung những yếu tố căn bản, nhưng vẫn giữ được những cái khác nhau với tinh thần “đại đồng tiểu dị”. Đó là sự giống nhau về bản chất giữa người với người, vì cùng có chung một cội nguồn Thượng Đế, có cùng sứ mạng làm người.

Thế đạo đại đồng là công cuộc phát huy công dụng của những điểm chung ấy của nhân loại để đời sống xã hội được bình đẳng, không phân biệt đối xử, không vị kỷ độc tôn, mọi người thương yêu nhau, hợp tác và tương trợ nhau trên tinh thần “Tứ hải giai huynh đệ”. Tâm đại đồng nơi mỗi người là sự xác định giá trị chung nhứt của loài người tức nhân bản, tức cội nguồn nhân loại, như lời dạy của Đức Vân Hương Thánh Mẫu:

“Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã vạch ra một đường hướng đại đồng trong cội nguồn nhân loại.”²

Có nghĩa là đại đồng trong nhân bản, nhờ con người biết phục hồi nhân bản, tìm thấy và nhận ra tất cả đều phát xuất từ một

2. Trúc Lâm Thiền Điện, 08-6 Tân Hội (29-7-1971).

cội nguồn với sự bình đẳng như nhau để mà thương yêu chia sẻ, bảo vệ sự sống để giữ gìn cơ bản tồn cho nhau.

Nhìn vào bối cảnh của cuộc sống nhơn loại trong thế kỷ gần đây nhất (thế kỷ 20), chúng ta thấy khoa học kỹ thuật tiến bộ vượt bậc, nhưng bên cạnh đó con người xa rời đạo đức, đánh mất tình thương của Thượng Đế phát ban, giết hại lẫn nhau, lãng quên nguồn cội, tức rời xa Thượng Đế. Con người đã từng bị mất lòng tin nơi tôn giáo, do bởi những phát minh của khoa học thực nghiệm cực kỳ diệu ảo. Nhưng rồi, chính khoa học đã phản bội lòng tin con người, do chỉ thiên về những lợi ích vật chất mà bỏ qua phần đạo đức, góp phần vào sự hủy diệt con người.

Thí dụ: Khoa học vẫn bó tay trước những căn bệnh hiểm nghèo, trong khi lại chế tạo hàng loạt những vũ khí giết người tối tân hiện đại (vũ khí hạt nhân, vũ khí sinh học...).

Xã hội loài người vẫn còn nhiều người đói rách, bệnh tật bên cạnh nhiều loại phương tiện hiện đại chỉ nhằm cung ứng cho một thiểu số người cuộc sống hưởng thụ xa hoa. Khoa học đã giúp con người nổi lên không gian, thấu ngắn thời gian gặp gỡ, tiếp xúc nhưng lòng người vẫn còn xa cách. Các học thuyết, các tôn giáo hiện hữu luôn chỉ dạy con người những điều luân lý nhưng con người vẫn còn bơ vơ lạc lõng trong kiếp vô đạo, phi nhân, sẵn sàng hãm hại lẫn nhau không chút tình người.

Tất cả bắt nguồn từ nhơn thân mỗi người bị mất an ninh, nhơn dục không ổn định, nhân tâm ly tán, xô đẩy thế giới lao dốc không ngừng về đạo đức Những thảm cảnh xã hội chưa từng có trong quá khứ trở nên thông thường quen thuộc đến nỗi người ta không còn thấy lạ lùng và kinh sợ nữa.

Thế nên, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong phần thế đạo, chủ trương xây dựng một xã hội đại đồng bằng thế nhân hòa với sự hội đủ 3 tiêu chuẩn: nhân bản, an lạc, tiến bộ.

3. Thế Nhơn hòa

Nhơn hòa là điều thiết yếu trong Tam Kỳ Phổ Độ vì buổi Trung nguơn là thời tranh đấu, mà hễ tranh đấu là đưa đến bất hòa, rồi tàn hại lẫn nhau xa dần nhân tính, bước sang thời Hạ nguơn.

Vậy, muốn sinh tồn phải có hòa, muốn có hòa phải biết chia sẻ quyền lợi (bảo sanh), sự sống (nhân nghĩa), và tình thương cho nhau. Vì Đức Chí Tôn có dạy:

*“Tình thương là phương thức tạo nhơn hòa,
Có nhơn hòa thiên hạ mới âu ca.”*

- Tình thương là chất liệu, chất keo gắn kết con người với con người, do bởi con người là sản phẩm của sự thương yêu của Đấng Tạo Hóa: “Thầy là Cha cả của sự thương yêu. Con người là cơ thể của sự thương yêu”, cho nên:

*“Con Thầy thì phải giống Thầy,
Giống Thầy ở chỗ đủ đầy thương yêu.”³*

- Thương nhau thì không hại nhau, không ích kỷ độc tôn mà giúp đỡ, bảo vệ, nâng đỡ nhau, bảo vệ sự sống cho nhau. Tình thương chính là lòng nhân ái, là đức Nhân, là Thượng Đế tính.

Đức Mẹ dạy:

*“Cõi Hậu Thiên thân sanh vào đó,
Điểm Tiên Thiên sẵn có nơi thân,*

3. Đức Chí Tôn, Huờn Cung Đàn, 01-6 Nhâm Dần (01-7-1962).

*Là mầm sống, là nguyên Thần,
Là Trời, là Đạo, là Nhân của người.*⁴

Tình thương là Trời, là Đạo, vậy thì con người dụng tình thương đối với nhau là đúng Đạo (Thượng Đế tính), sẽ tìm thấy sự hòa hợp với nhau dễ dàng tạo nên thể Nhân hòa.

Nhưng để tạo được hơn hòa giữa người với người thì phải đạt được ba mục tiêu: nhân bản, an lạc, tiến bộ.

+ Mục tiêu Nhân bản: Là nguồn gốc của con người trên những phương diện khác nhau: gia đình–tổ tiên; xã hội dân tộc, xã hội tôn giáo; nhân loại hay Thượng Đế. Có nhân bản, con người mới thực sự là con người như lời Thánh giáo: *“Nhân bản có sáng chói, con người mới cảm thấy mình là con người.”*⁵

Để tiến đến xã hội đại đồng nhân loại, con người bước đầu phải xây dựng tinh thần đại đồng từ trong gia đình.

• Đối với gia đình: Phải biết bốn phận đối với ông bà, tổ tiên, cha mẹ, vì đó là nguồn cội của thân xác mình. Có thân này phải nhớ công ơn và sự nghiệp của người sanh thành ra mình: Noi theo truyền thống đạo đức của gia đình, sống sao cho có trật tự, có luân lý, trên thuận dưới hòa, làm rạng rỡ thanh danh dòng họ tổ tiên.

• Đối với xã hội, nguồn cội dân tộc:

Đức Phan Thanh Giản dạy:

“Ở nhân loại, muốn đi tới chỗ gọi là năm châu chung chợ, bốn biển chung nhà trên bình diện tinh thần và thể chất, cũng không

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 13–8 Kỷ Mùi (03–10–1979).

5. Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15–02 Canh Tuất (21–3–1970).

bỏ qua nguồn gốc dân tộc vì nó là căn đế⁶, là phần tử của quả đất mênh mông.”⁷

Sự nhớ ơn các vị anh hùng dân tộc, tôn thờ các bậc Thần vị anh linh Tổ quốc là bốn phận của con dân trong một nước, thể hiện bằng tinh thần yêu nước, giữ gìn tôn tạo di sản tiền nhân.

Thánh giáo Cao Đài dạy: *“Muốn đại đồng cùng thiên hạ, hãy đại đồng với xã hội tại dân tộc của chư hiền trước đã.”*

- Trở về nguồn cội của xã hội tôn giáo (tâm linh):

Quay về nguồn cội của xã hội tôn giáo là nhớ ơn hy sinh của các bậc Tiên Khai, các hàng Giáo Tổ, và để đáp lại công ơn đó ta phải xương mình giáo lý Đạo trong tinh thần thuần chơn vô ngã, không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo vì biết rằng tất cả các tôn giáo đều xuất phát từ Thượng Đế.

- Trở về nguồn cội của nhân loại: Đại Thủy Tổ (Thượng Đế)
Đức Lê Đại Tiên dạy:

“Thượng Đế Chí Tôn đã mở con đường cho nhân loại trở về với Thượng Đế: Con người cho thiệt con người.”⁸

Trở về với Thượng Đế tức là trở về cái “Chơn Nhơn của mình”, hay “con người muôn thuở muôn phương”, con người bất diệt với thời gian vô biên và không gian vô tận, trường tồn vĩnh cửu, để mọi người nhận ra điểm chung giống nhau giữa người và người đã được Thánh giáo Cao Đài xác nhận : *“Lúc Đức Thượng Đế tạo dựng nên muôn loài vạn vật, trong đó có loài người thì dưới chân của Ngài, trước mặt của Ngài, con*

6. Căn đế: gốc cây. Nghĩa bóng là nguồn gốc, nền tảng.

7. Trúc Lâm Thiền Điện, 08-4 Tân Hối (02-5-1971).

8. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Nhâm Tý (20-6-1972).

người vẫn duy nhất là anh em với nhau bởi đồng tính đồng chất.”⁹

Đó là lúc đại đồng nhơn loại, là mức độ cuối cùng trong mục tiêu của Thế đạo. Điểm cuối cùng nhưng cũng chính là điểm căn bản, then chốt quan trọng cho sự tồn vong của loài người trên quả đất này.

+ Mục tiêu an lạc: An lạc phải có được từ thể xác đến tinh thần. Đức Lê Đại Tiên đã nhắc nhở: *“Đạo lý không chỉ trọn vẹn trong giáo điều, kinh sách mà phải tràn lan trong sự thể, trong nhứt dụng thường hành. Chấp nhận điều ấy, con người học đạo, hành đạo sẽ ý thức việc tạo lập trật tự an lạc để thực hiện hạnh phúc cho mình và cho nhơn sanh. Đời sống con người là một phức tạp rộng lớn, các mâu thuẫn đối nghịch góp mặt hằng ngày, nên muốn có được nhơn hòa thì phải tạo được đời sống an lạc, đảm bảo được tinh thần bình an không bị khủng bố tinh thần (đối đãi đạo đức) nếu chưa được an lạc thì không thể gọi là nhơn hòa thực sự.”*

+ Mục tiêu tiến bộ: Để có được thể nhơn hòa, con người không thể thiếu yếu tố tiến bộ. Thánh giáo dạy: *“Sự tiến bộ là sự hoàn hảo hóa theo thời gian. Trên bất cứ một cương lĩnh sinh hoạt nào cũng thế, sự tiến bộ phải luôn luôn được nêu lên. Có như vậy, giá trị tập thể mới mong càng ngày càng cải thiện. Con người dấn tiến theo bánh xe tiến hóa. Sự tiến bộ là động lực đưa con người lại gần với đời sống hoàn hảo. Sự tiến bộ ở đây không chỉ ở thành phần khoa học hay văn hóa, mà phải hiểu rằng một sự tiến bộ mọi hướng của tâm linh và nhơn sinh.”*

Ba mục tiêu nhơn bản, an lạc và tiến bộ không thể tách rời, bởi

9. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Trúc Lâm Thiền Điện, 17-7 Tân Hội (06-9-1971).

vì nếu không có nhân bản, chỉ có sự tiến bộ khoa học, con người sẽ không tìm thấy an lạc vì con người sẽ dùng những phương tiện tối tân nhất để tàn hại nhau trong cuộc tranh giành quyền lợi. Trái lại, nếu không có sự tiến bộ, nhân bản không thể tạo được cho con người một đời sống tiện nghi, văn minh, tức là làm lãng phí gia tài mà Trời đã ban cho, con người cũng khó tìm thấy an lạc.

- Có tạo lập được thể nhơn hòa thì xã hội đại đồng mới có cơ hội thành hình.

“Thế Nhân hòa” phải được khơi nguồn từ trong tập thể tôn giáo đạo đức, với nội tâm an định quân bình của từng cá nhân, tiến dần đến chỗ hòa thuận thương yêu, lan tỏa ra tập thể xã hội. Như vậy, nhân hòa là một động năng thúc đẩy người tu phải thực hiện một cách rất ráo để cải tạo xã hội, độ thế trị đời.

Trình độ nhơn loại ngày càng trưởng thành theo thời gian, mọi cơ cấu tạo lập xã hội đều đồng nhịp vươn lên, đưa con người gần với con người, quốc gia gần với quốc gia, xã hội gần với xã hội. Việc xây dựng thể nhơn hòa là điều cấp thiết nếu con người muốn có được đời sống tinh thần an lạc song hành cùng sự tiến bộ vật chất trong một xã hội đại đồng, là một xã hội trong đó mỗi con người có giá trị ngang nhau, thể hiện về mặt vật chất, mỗi người đều có điều kiện sinh sống đầy đủ như nhau; về mặt tâm linh, mỗi người đều có khả năng tiến hóa đến chỗ giải thoát siêu xuất thế gian như nhau, vì cùng thừa hưởng điểm linh quang của Thượng Đế.

Tất cả những điều đó đều gom vào hai chữ “Bảo Sanh” vì Đức Thượng Đế là Đấng Háo Sanh – Đấng Bảo Tồn, và con người phải biết bảo vệ sự sống Trời ban để được bảo tồn trong sự thương yêu của Ngài.

B. THIÊN ĐẠO GIẢI THOÁT

Sự cứu độ của Thượng Đế trong Tam Kỳ Phổ Độ còn nhắm đến mục tiêu “Thiên đạo giải thoát”, tức là giải thoát về mặt tâm linh con người.

- Thiên Đạo: Nếu Thế Đạo là con đường cứu độ thuộc chiều ngang, thiên về phần công quả thì Thiên Đạo là con đường thẳng đứng thiên về Công phu, là con đường trở về Trời, tức con đường quy nguyên phục nhứt, đưa Tiểu Linh Quang về hiệp với khối Đại Linh Quang, thuộc phần nội giáo tâm truyền, vô vi.

- Giải thoát: là chỗ nhắm của Thiên Đạo mà cũng là mục đích tối hậu của các tôn giáo nói chung và nhất là của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nói riêng.

Giải thoát là cởi mở những sự ràng buộc của hoàn cảnh trong cuộc sống, giải tỏa những điều phiền lụy của tâm hồn, vùng vẫy ra khỏi sự che ám của vô minh hầu có một cuộc sống ung dung tự tại. Cuối cùng sự giải thoát hoàn toàn nhất là sự giải thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử sau khi dứt bỏ nhục thể phàm phu.

Theo quan niệm Phật giáo, sự giải thoát có ý nghĩa toàn phần, cho nên người tu phải thực hành nghiêm nhặt các quy điều, giới luật và giáo lý rất cao siêu.

Với đạo Cao Đài, Đức Thượng Đế mở cơ đại ân xá, ai tu cũng đắc, tùy căn cơ mà giải thoát từng phần rồi mới đến toàn phần, tu từ dễ đến khó tùy theo hoàn cảnh mà áp dụng đạo pháp, tu chứng đạo theo nhiều cấp độ tại thế gian, tiến đến đạt Đạo chứng quả nơi cõi hư linh, sau khi thoát xác. Người tu đạo Cao Đài với phương tu nhập thế, tu giữa chợ đời, hòa quang hỗn tục:

*“Vào cõi tục nhưng tâm thoát tục,
Lạc chợ đời không chút luyến đời.”*

1. Giải thoát tại thế gian

Là tháo gỡ những phiền lụy vướng mắc của bản thân, những phiền não khổ đau của tâm hồn, chấp nhận hứng chịu mọi khảo đảo, vượt qua những khó khăn trong cuộc sống đời, sống đạo, nỗ lực tu học trong mọi hoàn cảnh, cố gắng không làm tội lỗi, không tạo nghiệp mới, giữ cho được tinh thần “cư trần bất nhiễm”, làm nhiều điều thiện ích lợi cho tha nhân, cộng đồng, tức lập công bồi đức dần dần trả nợ tiền khiên, thoát khỏi nghiệp chướng kết tụ từ bao nhiêu kiếp.

2. Giải thoát vô minh

Bằng công phu đạo pháp, bởi vì như Ông Trên đã dạy:

*“Ánh sáng công phu sẽ phá tan màn lưới vô minh.”*¹⁰

3. Giải thoát lòng ích kỷ

Bằng cách bố thí, để tâm rộng mở, dẹp bỏ cái ta vị kỷ để thực hành lòng bác ái, luôn giữ bên mình bốn chữ “vong kỷ vị tha”, tập hạnh từ bi của Phật.

Đức Quan Âm có dạy:

*“Đạo giải thoát ở đâu cũng có thể làm được. Giải thoát sự u trệ tâm hồn vị kỷ là tích cực phụng sự nhơn sanh độ dẫn người đời. Giải thoát sự u ám tâm linh là quyết chí trau luyện cõi lòng theo chơn pháp cho thanh bạch. Khi mọi việc đã chu đáo đối với Đạo với đời rồi, không còn phải lo ngại gì về sự khiếm khuyết ân hận nữa. Thì ra đó đã là giải thoát trong những lối giải thoát.”*¹¹

10. Đức Mẹ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-02 Đinh Tỵ (03-4-1977).

11. Thánh thất Bình Hòa, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

Diệt trừ lòng ích kỷ là điều kiện để thực hành công phu luyện đạo một cách hiệu quả, bởi vì như Thiêng Liêng đã dạy:

*“Nếu kỹ mà còn to tướng quá,
Làm sao đạo pháp chẳng xuôi dòng!”¹²*

Giải thoát đưa đến chỗ đắc Đạo, là chỗ tuyệt đích của sự tu hành, đắc Nhất là đạt được chỗ trí huệ, biết được chuyện quá khứ, vị lai; có năng lực chuyển hóa lòng nguời, thoát khỏi mọi sự khổ đau về thể xác như lời dạy của các Đấng:

“Con người được Một thì con người trở nên thông suốt sáng láng, hiểu được mọi sự mọi vật từ gần tới xa, từ việc đã qua tới việc sẽ đến. Đối với người thì gây được tình thương, tạo được thế giới quân bình thanh trị.”¹³

“Người tu hành đúng mực độ, đúng lý đạo Đất Trời, dầu ở trong biển lửa không thấy nóng, ở chót Hy Mã Lạp Sơn không thấy lạnh, ở trong khám đường thế tục không thấy gò bó, ở trong thời đao binh khói lửa không nghe tiếng động khí cụ chiến tranh, không còn cảm thấy sự khổ...”¹⁴

4. Giải thoát sau khi bỏ xác phàm

Người tu cố gắng tạo sự giải thoát từng phần khi còn tại thế để cuối cùng khi rời bỏ xác thân, linh hồn đạt được sự giải thoát hoàn toàn, tức là bước lên nấc thang tiến hóa siêu xuất thế gian,

12. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-9 Bính Dần (17-10-1986).

13. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-3 Tân Hợi (10-4-1971).

14. Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm Thiền Điện, 02-01 Bính Ngũ (22-01-1966).

chứng quả vô sanh nơi thiên quốc, hay nói theo giáo lý Cao Đài là trở về hiệp một cùng khối Đại Linh Quang.

Đức Lê Đại Tiên có dạy:

“Trong niềm khao khát vô biên, Thượng Đế mong mỗi môn đệ của Ngài trở về Chơn Ngã, hiệp một cùng Thầy.”¹⁵

TÓM LẠI

Mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là tạo mọi điều kiện cho con người hồi tâm hướng thiện tu hành trở về với nhân bản để có thể tồn tại sau cuộc sàng sảy vĩ đại của Thiên cơ hầu được sống trong thời Thượng nguơn Thánh đức là một đời sống mà con người được hưởng an lạc ở cả hai mặt vật chất và tinh thần.

Đời sống này hòa hợp được người với người, quốc gia với quốc gia, tôn giáo với tôn giáo, khoa học với đạo lý để cùng nhau hợp lực phụng sự cho nhau, cùng hưởng cảnh thái hòa trong tình nhân loại.

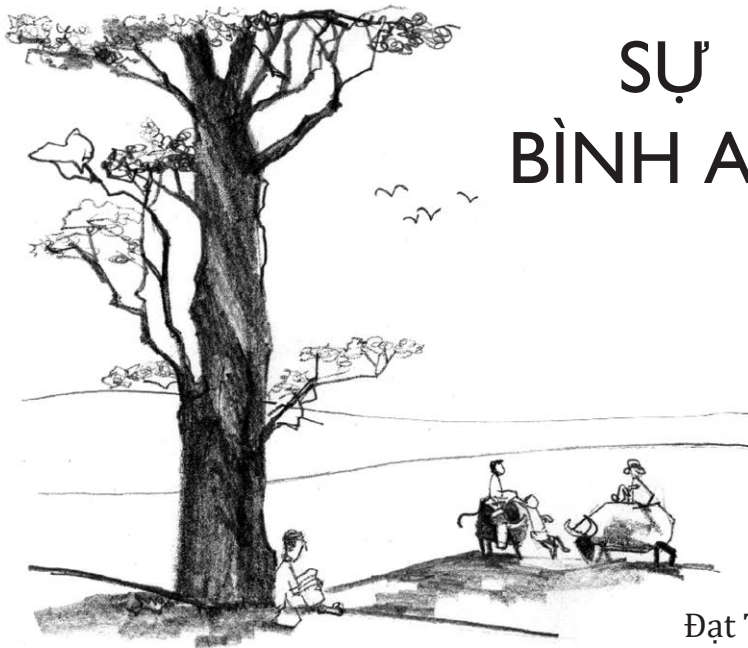
Về phần tâm linh, con người được thoát khỏi luân hồi sanh tử, linh hồn trở về an nhàn nơi cõi vô sanh hằng thường vĩnh cửu, là cội nguồn Đại Đạo, tức là hoàn thành sứ mạng Trời đặt để, là điều Đức Từ Phụ đã dạy:

“Đại Đạo là bến khởi nguyên của các con... (...)

Từ bến khởi nguyên con ra đi vương một sứ mạng trong hai đoạn đường: Một đem Đại Đạo lập đời, hai trở về với Đại Đạo.”¹⁶

15. Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Thánh thất Nam Thành, 14-02 Kỷ Dậu (31-3-1969).

16. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).



SỰ BÌNH AN

Đạt Thật

Minh họa: Cọ Trắng

Theo Kinh Thánh Tân Ước, vào đêm Chúa Ki-Tô giáng sinh nơi máng cỏ, muôn vàn thiên thần trên trời đã cất tiếng hát:

*Vinh danh THIÊN CHÚA trên trời,
Bình an dưới thế cho người chúa thương.¹*

Hội Thánh đã nhắc lại câu ca đó trong phụng vụ Thánh lễ, qua bao thế kỷ và trên khắp hoàn cầu. Đức Giám mục Gioan Baotixita Bùi Tuần- nguyên là Giám mục chánh tòa Long Xuyên- đã phát biểu trong lễ Giáng sinh năm 2016 như sau:

“Với tâm tình hân hoan và khiêm tốn, tôi đón nhận câu ca đó như một món quà thiêng liêng Chúa ban tặng cho tôi.”

1. Luca 2, 14

Nhật báo Le Figaro ngày Vọng Lễ Giáng Sinh 24-12-1995 có đăng chứng từ của chị Emmanuelle Cinquin² như sau:

“Giáng Sinh chính là lễ của Hy Vọng...

Hồi năm 1975, tại khu ổ chuột ở ngoại ô thủ đô Cairo của Ai Cập, người ta không cử hành Lễ Giáng Sinh nữa. Tôi liền đến gặp Đức Thượng Phụ Shenouda III (1923-2012) và xin ngài chỉ định một Linh mục đến dâng Thánh Lễ Nửa Đêm. Tin vui được lan ra. Mọi người hăng hái quét dọn rác rưởi. Một vài miếng giẻ rách màu mè được dâng lên. Ngọn đèn bằng dầu được thắp sáng, soi chiếu đủ một khu vực nhỏ. Mỗi người cầm trong tay một cây nến và mọi khuôn mặt trông như đẹp hơn ngày thường. Khi tiếng hát Giáng Sinh được cất lên: “Đấng Cứu Thế đã sinh ra” tức khắc mọi con vật giật mình thức giấc: lừa kêu be be, heo kêu ừ ừ, gà cồ gáy ò ó o o, gà mái kêu cục tặc, cục tặc... Thật là một bản nhạc vô cùng độc đáo!!!

Vị Linh mục cử hành Thánh Lễ Giáng Sinh không cần phải dài lời. Ngài chỉ cần vắn tắt giải thích câu: “Vinh danh Thiên Chúa trên trời, Bình an dưới thế cho người thiện tâm”. Nếu Đức Chúa Giêsu giáng trần lần nữa, hẳn Ngài sẽ đến đây mang theo sứ điệp tình yêu của Ngài. Vậy chúng ta hãy cất tiếng hát vang chúc tụng Thiên Chúa.

Thánh Lễ Giáng Sinh kết thúc, tôi phân phát cho mỗi người

2. Chị Emmanuelle Cinquin, thế danh là Madeleine Cinquin, là một nữ tu dòng Đức Bà Sion, một hội dòng chuyên về ngành giáo dục. Chị chào đời ngày 16-11-1908 tại thủ đô Bruxelles bên vương quốc Bỉ và qua đời ngày 20-10-2008 tại thành phố Callian ở miền Nam nước Pháp. Thân mẫu chị là người Bỉ, thân phụ chị là người Pháp.

một trái quít và một chiếc bánh ngọt nhỏ. Mọi người ôm hôn và chúc bình an cho nhau. Xong, mỗi người về túp lều nhỏ của mình, lòng đầy ắp niềm vui Giáng Sinh!

Niềm vui Giáng Sinh không đến từ bữa tiệc Giáng Sinh có đầy thức ăn cao lương mỹ vị, nhưng đến từ sự kiện mọi người cùng nắm tay nhau hát vang lời ca Giáng Sinh, chung quanh máng cỏ có Đức Chúa Giêsu Hải Đồng.”

Trong tinh thần đó, Thánh giáo Cao Đài có dạy:

“Dầu một cây nhang, một chung nước mà thể hiện được lòng thành, vẫn được chứng như đại lễ.”³

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Gia Tô Giáo Chủ dạy:

“Vì trong 2000 năm, Ta sẽ tái lâm hạ thế (...)

Đời mạt hạ, Ta hạ thế bằng linh điển để đem con người về đường hướng thiện, để giải tỏa xích xiềng cho bản thân thanh thỏa tâm tâm, tu tầm vị cũ. Vì ngày Ta đến thế gian là ngày những tôi trai tớ gái đã nói những lời tiên tri như Ta hiện nay để những sứ đồ, con chiên nhận thức mà tri tầm đạo pháp.”⁴

“Ta đến với một mùa đông đầy gió rét,

Để hy sinh cứu rỗi cho nhân loài.

Ta lại đến trong cơn lửa bỏng dầu sôi,

Để cất tiếng từng hồi gọi đàn chiên lạc lõng.

Chúa Cứu Thế muôn đời còn mãi sống,

Sống muôn đời và sống mãi muôn đời.

Việt Nam ơi! Hồng Lạc ơi!

Đấng Thượng Đế, Đức Cao Đài đang ngự trị.

3. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 21-6 Kỳ Dậu (03-8-1969).

4. Huồn Cung Đàn, 02-12 Quý Sửu (25-12-1973).

Một lần nữa, đông thiên lại đến với nhân loại, tuyết lại rơi, băng giá lạnh lùng, cái rét mướt se da cắt thịt bao trùm cho nhân loại.

Thêm lần nữa, chur hiền kỷ niệm ngày Ta giáng lâm. Khi thái dương bừng sáng, Ta lại đến, đến để hành tròn sứ mạng thiêng liêng.”⁵

Thế giới chúng ta đang sống là cõi nhị nguyên đối đãi: ngay khi cất tiếng chào đời, con người phải chấp nhận tất cả mọi sự mọi vật dưới mọi hình thức dị đồng. Tất cả đều làm cho con người quay cuồng đảo điên, đứng ngồi không yên, rơi vào trạng thái mất cân bằng trong cuộc sống, hay nói một cách khác, con người tự đánh mất sự bình an trong tâm hồn mình.

SỰ BÌNH AN

Chuyện kể rằng:

Một nhà vua cho biết mình sẽ ban thưởng cho người họa sĩ nào có thể vẽ một bức tranh đẹp và có ý nghĩa nhất về sự bình an. Nhiều họa sĩ đã đua nhau thi tài. Nhà vua xem qua các bức tranh. Có hai bức ông thật sự thích và lấy làm hài lòng. Nhà vua phải lựa chọn một trong hai bức để phát thưởng.

Bức đầu tiên vẽ về một cái hồ tĩnh lặng, soi bóng những dãy núi cao ngất yên bình xung quanh. Trên cao, bầu trời xanh với những đám mây trắng bồng bênh. Tất cả những người xem tranh đều nhận xét, đó là một trong những hình ảnh hoàn hảo nhất tượng trưng cho sự bình an.

Bức thứ hai cũng có những dãy núi nhưng lởm chởm, trơ trụi. Bên trên là một bầu trời đang giận dữ đổ mưa với những

5. Đức Gia Tô Giáo Chủ, Thánh Thất Bàu Sen, 23-11 Đinh Mùi (24-12-1967).

tia chớp sáng. Vách núi là một dòng thác ngẫu bọt đang đổ ầm ầm. Nhà vua nhìn kỹ hơn, thấy phía sau thác nước là một bụi cây nhỏ xíu trong kẽ đá. Ở đó, giữa cơn thịnh nộ, ầm ào xung quanh, có hai mẹ con nhà chim đang nép vào nhau, thật ấm áp và bình an.

Nhà vua chọn phát thưởng cho bức tranh thứ hai và giải thích: “Bình an không có nghĩa là ở một nơi không có tiếng ồn, không có rắc rối. Sự bình an có nghĩa thật sự là khi ở giữa những nơi như thế, ta vẫn tìm được sự bình an.”

Đây là một câu chuyện có nội dung giáo dục sâu sắc và thực tế. Chúng ta đang sống trong giai đoạn chạy đua với tốc độ phát triển của thời đại, mọi sinh hoạt hầu như đều tất bật, con người không đủ ngày giờ kiểm soát lại chính mình, chuyện này giải quyết chưa xong, chuyện khác lại dồn tới, cứ như thế, bộ máy nhân thân không có ngày giờ tu bổ, cứ chạy theo công việc, theo tiến độ... chạy đến hụt hơi, đến rã rời để trả cái nợ đời đeo đẳng kiếp phù sinh nhiều hệ lụy.

Để thỏa mãn các yêu cầu công việc của xã hội, đáp ứng nhu cầu của cuộc sống cho bản thân và gia đình, con người phải toan tính đủ điều, lao tâm nhọc trí, mất ăn mất ngủ. Khi đã rơi vào tình trạng như thế, cơ thể mất thăng bằng, tâm bất an, thần bất định, đó là mầm mống, là nguyên nhân phát sinh phiền não dẫn đến bệnh tật và nhiều trở ngại khác...

Thời Tam Kỳ Phổ Độ là thời điểm lịch sử, tất yếu phải có giải pháp lịch sử, và đương nhiên phải có con người lịch sử, mới làm nên sứ mạng lịch sử. Người Thiên ân sứ mạng chấp trì quyền pháp, bậc lãnh giáo tinh thần nhận lấy trách nhiệm hướng đạo, phải an nhiên bình tĩnh trước mọi bão táp phong ba, tâm không

xao động, chuyển lay trước mọi phũ phàng nghiệt ngã, sẵn sàng thể hiện trách nhiệm trước tổ chức, bởi vì đức độ trung chánh của người lãnh đạo sẽ hóa giải mọi xung đột trong nội bộ, giúp tập thể vượt qua tất cả khó khăn, tránh được những sai lầm đáng tiếc.

Đức Chúa dạy:

*“Càng bão tố phũ phàng, càng biểu dương tinh thần của kẻ vững
lèo vững lái. Sự nhứt tâm trong sứ mạng, sự đoàn kết trong thực
hành sẽ giúp chư hiền vượt qua muôn ngàn thử thách. Đừng dại
dột phân tranh trên phi cơ khi gió loạn. Ngoại cảnh phũ phàng, nội
bộ điên nguy sẽ đưa nhau nhận chư hiền đắm chìm trong phong đô
hỏa ngục.”⁶*

Sự hy sinh cao cả cho lý tưởng đạo đức, cho mục đích cao
thượng sẽ nhận được phần thưởng tương xứng:

*“Sứ đồ kỳ cuối cùng sẽ gặp nhiều khó khăn hơn, vất vả hơn,
nhưng cũng vinh quang hơn trong ánh sáng của Đấng Cha lành.”⁷*

Đức Chúa dạy:

*“Chư hiền nam nữ hãy tọa đàn để Ta nói vài dòng về sự bình an
thật. Hãy mở ngõ tâm hồn để mọi thành kiến nông nổi chui ra hầu
tiếp nhận những âm vang trong Tam Kỳ Phổ Độ như một mật khải
Thánh ân.*

Hỡi những dân tộc đang sống trên cùng một quả đất!

Hỡi những đàn chiên đang ăn trên cùng một thảm cỏ!

*Hỡi những người sứ mạng đang phụng sự trong cùng một Tam
Kỳ Phổ Độ!*

6. Thánh Thất Bàu Sen, 23–11 Đinh Mùi (24–12–1967).

7. Đức Chúa, Thánh Thất Bàu Sen, 17–11 Kỷ Dậu (25–12–1969).

Hỡi chư hiền nam nữ!

Sự bình an thật mà Cha Ta đã ban cho, phần đông con người đã đánh mất, thật sự đã đánh mất. Vả chẳng còn chỉ là những sự bình an gượng ép giả tạo bên ngoài, không đáng để làm sáng danh cái Đạo sống của Cha Ta vốn luân lưu trong vũ trụ không thời, vốn tiềm mặc trong tâm cung vạn loại. Nếu chưa thấy, hãy nhìn thì sẽ thấy. Nếu chưa nghe, hãy lắng sẽ được nghe.

Những con người sứ mạng không để bước chân tắc nghẽn trong những chặng đường đó. Hãy nỗ lực tiến lên trên đường bình an thật. Hãy sống trọn vẹn bằng đức tin trung chính, đem sự an lạc về cho những người anh em, chị em dưới tầm tay Thượng Đế, vì có đã nhận nhìn Thượng Đế là Đấng Cha chung duy nhất, thì tất nhiên những giống dân đen trắng đỏ vàng, cao thấp lớn bé, lành dữ cũng đều là anh em với nhau. Hãy làm đẹp lòng Cha của các người ở trên trời.

Hỡi những anh em nhân loại! Trách vụ cao quý này đến nỗi có lần Ta bảo: Hãy thương kẻ nghịch và cầu nguyện bình an cho chúng nó.”⁸

ĐÁNH MẤT SỰ BÌNH AN

“Cái hoang vắng đức tin của tâm đạo là mầm mống bão tố trong hồn kẻ tu hành. Sự bình an đã mất.

Cái thái quá của sự cuồng tín – đồng với ta là phải, là thanh, trái với ta là quấy, là sơ – cũng là yếu tố gây nên sóng gió cho chiếc thuyền bé vào xoáy nước. Sự bình an đã mất.

Cái tham vọng làm thần tượng kiểu mẫu thiên hạ về giáo điều

8. Thánh thất Bàu Sen, 07-11 Tân Hợi (24-12-1971).

là một bức chắn sáng của tia chân lý bởi những toan tính cá nhân. Sự bình an đã mất.

Cái thiếu thốn phương tiện ăn làm là một mối bận khoăn lo lắng cho người nghèo khó, khiến không phát triển khả năng tiến hóa đồng đều trên đường đạo. Sự bình an đã mất.

Cái bảo thủ ham mê trong sự thừa thãi vật chất khiến con người trở thành máy móc vì trạng thái nơm nớp với lòng tham không cùng. Sự bình an cũng đã mất.”⁹

SỰ BÌNH AN THẬT

“Chư hiền là những người đi tìm sự bình an thật về cho chính mình và cho anh em mình. Hãy sáng suốt trên mọi chiều hướng thượng. Hãy hòa thuận với anh em. Cứ để luật tự nhiên trôi qua, dù không đón chờ, cũng chẳng nên cản lối. Thái độ né tránh luật tự nhiên sẽ không ích lợi gì đâu, mà còn khiến tâm linh thêm thiên lệch khủng hoảng nữa là khác.

Chìa khóa bình an chư hiền đang nắm, cửa bình an không phải tự dựng mà mở. Hãy gõ lấy rồi sẽ được mở. Quả thật, Ta đã từng bảo với đàn chiên như vậy.

Thiên Chúa đã giao chìa khóa bình an cho con người nắm giữ, nhưng tại sao chúng ta không mở được cửa bình an? Bởi vì con người đã đánh mất chìa khóa vì mãi chạy theo lợi danh, ham muốn... và “cửa bình an không phải tự dựng mà mở.”

“Cơ tận thế bày ra kìa trước mắt,

Hỡi nhân loài có gieo rắc được tình thương.

Ngày tái lâm Cha Ta đã dọn sẵn thiên đường,

9. Đức Chúa, Thánh thất Bàu Sen, 07-11 Tân Hợi (24-12-1971).

Đưa tất cả đàn chiên ngoan về đất Thánh.

(...)

Ngày tận thế cũng là ngày tận khổ,

Ta chiết thân đến độ khắp nơi nơi.

Cha Ta dựng đài cao, cao ngất tuyệt vời,

Và rúc tiếng còi gọi tất cả con người trở về đất Thánh.

Bỏ mùa đông giá lạnh,

Đón ánh sáng yêu sinh.

Việt Nam thanh bình!

Thế giới thanh bình!

Ta sẽ gặp lại chư sứ mạng, chư hiền nam nữ trong muôn thuở của Đại Đạo. (...) Mong cho tất cả nhận được sự bình an thật nơi Đức Chúa Trời.”¹⁰

“GIA giáo ngàn xưa đã cứu đời,

TÔI bời quả vị trở về ngôi.

GIÁO điều còn tạc ghi trang sử,

CHỦ Thánh đạo tông sắc Chúa Trời.

TÁ thế kỳ ba xây thượng đức,

DANH lưu vạn đời khắp trần vơi.

CAO môn Bắc Khuyết Huyền Khung ngự,

ĐÀI tại Nam bang chính lập đời.”¹¹

LỜI KẾT

Là một nhân sinh tại thế, sống trong cõi hậu thiên, với quy luật đối đãi đương nhiên, con người bị chi phối bởi nhiều lãnh vực

10. Đức Chúa, Thánh thất Bàu Sen, 07-11 Tân Hợi (24-12-1971).

11. Huờn Cung Đàn, 12-11 Quý Sửu (25-12-1974).

trong đời sống thường nhật, những chi phối đa chiều, đa diện là nguyên nhân chính làm cho chúng ta bị quay cuồng, bị cuốn hút, bị tác động, bị ảnh hưởng, làm trở ngại đến việc tu học hành đạo, khiến cho thể xác bất ổn, tinh thần bất an.

“Người có thể làm được những việc Phật Tiên Thánh Thần đã làm, cũng chính bàn tay người có thể tạo lập một cảnh thái bình an cư lạc nghiệp, có thể nói là thiết lập một cảnh thiên đàng tại thế gian cho muôn dân đều cộng hưởng.”¹²

“Người chơn tu học đạo hãy vững vàng trước mọi biến chuyển, mọi thử thách, mọi gian lao, để cho ngọn tâm đặng soi sáng mới thấy được đường ngay lẽ chánh hầu tiến đến mục đích tối thượng thượng đỉnh, là trở về cùng khối Đại Linh Quang.”¹³

Chỉ có thấp sáng ánh nhiên đặng trong mỗi tâm hồn, lúc đó sự bình an thật sẽ đến và chan hòa trong huyết quản, trong cộng đồng xã hội nhân loại, trong đại gia đình tín hữu Đại Đạo, trong tinh thần vạn giáo nhất lý.

*“Thích, Nho, GIA, Lão một đường về,
Chánh tín TÔI bồi thoát muội mê,
Độ thế GIÁO dân tùy mỗi xứ,
Một Trời CHỦ tế khắp tư bề.”¹⁴*

Kinh Dịch có câu: “Thiên địa chi tâm”, nghĩa là: Trời không che riêng, đất không chở riêng, nhật nguyệt không chiếu riêng, Trời làm mưa trên người lương thiện và mưa trên người chừa lương thiện...

12. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Ất Tỵ (25-12-1965).

13. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Vĩnh Nguyên Tự, 15-11 Giáp Dần (01-01-1972).

14. Huòn Cung Đàn, 02-12 Ất Tỵ (24-12-1965).

Như vậy, những ai có tâm thiện, tâm lành, tâm không phân biệt như tâm của Trời Đất sẽ có được một đời sống hạnh phúc và bình an.

Nhưng sự bình an từ đâu đem đến, có phải do các Đấng Thiêng Liêng vì lòng từ bi thương xót chúng sanh mà ban bố hay không?

Đức Chúa dạy:

“Cái an lạc và thanh bình không tự do nơi nào đem đến, chỉ có bản thân cùng tâm linh mỗi cá nhân gây dựng khi khai triển đúng mức.”¹⁵

Qua lời giáo hóa của Đức Chúa, sự bình an do chính con người tự kiến tạo, tự khai mở và phát triển đúng mức.

Sự bình an được phát xuất từ nội tâm của con người, và muốn toại hưởng trọn vẹn chúng ta phải chuyên cần huân tập, nỗ lực rèn luyện đạt đến mức thanh tịnh tam nghiệp, thẳng được tam độc như lời Đức Chúa giảng dạy:

*“Thân khẩu ý thanh tiêu ngũ trược¹⁶,
Trong êm ngoài ấm mới bình yên.
Bình yên nhờ thẳng giặc sân tham,
Tham lẩn chi cho một xác phàm.”¹⁷*

Có thơ rằng:

“Bớt nghe, bớt nói, bớt nhìn,
Để tâm thanh tịnh cho mình bình an.”

Nguyện cầu hạnh phúc và bình an đến với toàn nhân loại trong hồng ân Thiên Chúa.

15. Thánh Thất Bàu Sen, 17-11 Kỷ Dậu (25-12-1969).

16. Kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước.

17. Đức Chúa Giê-su, Thánh tịnh Minh Đức, 21-11 Giáp Thìn (24-12-1964).



Minh họa: Cọ Trắng

Tìm hiểu điển tích trong Thánh giáo Cao Đài

Diệu Nguyên sưu tập

1. Nghĩa Ai Đào

Vào ngày 18-9 năm Canh Tý (06-11-1960), Đức Chí Tôn giảng dạy tại Huờn Cung Đền như sau:

*“Thầy thương con, hạ đàn dạy dỗ,
Chỉ đường ngay mức độ quy nguyên,
Mong con lớn bé kiên thiêng,
Dưới trên huynh đệ kết liên hòa đồng.*

Đây buổi chuyển Hoa Long ó trẻ,

Thì mỗi con chó tẻ cùng phân,
Đạo tâm quy hiệp xa gần,
Đừng nên bất mãn những phần riêng con.

Cơ Đại Đạo mất còn tại trẻ,
Nếu lòng con cứ rẽ cùng chia,
Tình huynh đệ cứ đoạn lìa,
Hỏi bao giờ mới trở về nguyên xưa?

Thầy dạy con tam thừa cứu phẩm,
Dụng ý là gọi tấm cam lồ,
Cho con đạo đức điểm tô,
Hầu ngày tạ thế được vô châu Thầy.

Nhưng bao phen đông tây rộn rục,
Lòng các con chưa dứt tư riêng,
Mãi sanh những nỗi ưu phiền,
Đoạn đi cốt nhục mỗi giềng tông môn.

Kể từ đây nhu ôn kính cẩn,
Đạo con lo phấn chấn lập công,
Bảo tồn đi đến đại đồng,
Các con Thầy điểm tận lòng chó quên.

Giờ có trẻ lại quên lơ lảng.
Xa phận hành rồi chán cùng nhau,
Thiếu tình kết nghĩa Ai Đào,
Lại còn bày chuyện xôn xao đạo đồng.

*Thầy vì con trần hồng chẳng nệ,
Vậy các con chớ để tâm lời,
Đã thông giáo lý Đạo Trời,
Thì mau gieo tĩa độ đời cứu dân.”*

Cũng tại Huần Cung Đàn, vào ngày 14-11 năm Canh Tý (31-12-1960), Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy như sau:

*“Hữu duyên được vào trong Đại Đạo,
Thì ráng lo bổ báo ân cao,
Dưới trên thường giữ một màu,
Trọn tâm gìn nghĩa Bá Đào, Giác Ai.*

*Đừng bất mãn chia tay bạn đạo,
Dụng tài làm khảo đảo hơn sanh,
Nếu không trọn vẹn tu hành,
Rồi đây phải chịu tan thành hồn linh.*

*Cơ tuyến độ môn sinh buổi chót,
Đạo đức hành bòn mót quả công,
Tình thương huynh đệ chia đồng,
Đỡ nâng trên dưới ngoài trong điều hòa.*

*Chí quảng đại gần xa giúp sức,
Đem đức tài trợ lực với nhau,
Dù cho gặp cảnh rạt rào,
Vững tinh thần đạo, Trời cao hộ trì.*

Đêm khuya khoắt huyền vi ban bố,

*Dạy chur hiền củng cố quả công,
Chen vai sót gánh chia gồng,
Đạo cần tu chính ngoài trong cho rồi.*

*Dù phải gặp khúc nô lao khổ,
Phải ráng lo bảo hộ danh Thầy,
Cuộc đời còn lắm chuyển xây,
Lập nên cảnh giới là ngày Thuấn Nghiêu.*

*Danh Đại Đạo bắc kiêu độ thế,
Thì làm sao chớ để như vầy,
Khuyên chung nam nữ liên dây,
Chặt gòn ghi nhớ lời Thầy bấy lâu.*

*Vì cơ khảo đâu đâu cũng thế,
Một phái mà cũng để chia ba,
Làm cho huynh đệ bất hòa,
Thương ôi! Sao nữ ruột rà chia phân.*

*Vì ích kỷ riêng thân quên đạo,
Vì lợi danh mào áo tiền tài,
Nghĩa nhân, nhân nghĩa đành phai,
Xa điều chơn lý, ngao du trước trần.”*

Cả Đức Chí Tôn và Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đều dạy chúng ta phải gìn “nghĩa Ai Đào” hay “nghĩa Bá Đào, Giác Ai”. Vậy, đó là nghĩa gì?

Thời Xuân Thu, tại xứ Tây Khương (Trung Hoa) có hiền sĩ Tả Bá Đào 左伯桃, tuổi gần bốn mươi, nghe tin Sở Nguyên Vương chiêu

hiền đãi sĩ, nên đến Sở. Dọc đường tìm chỗ trú mưa mà gặp hiền sĩ Dương Giác Ai 羊角哀 bèn kết nghĩa, Tả làm anh, Dương làm em. Sau đó Tả rủ Dương đến nước Sở lập công danh. Nhằm lúc mưa tuyết kéo dài, khắc nghiệt, giữa chỗ đồng không mông quạnh, cả hai đều đói lạnh. Tả nhường áo và lương thực cho Dương, hy sinh chịu chết. Đến Sở, được trọng dụng nhưng Dương lại xin Sở Nguyên Vương quay về tế lễ vong hồn của Tả. Nào ngờ Tả hiện hồn than thở rằng vì mộ gần miếu thờ Kinh Kha (thích khách ám sát hệt Tần Thử Hoàng Đế) nên luôn bị quân ma tướng quỷ quấy nhiễu. Để trợ lực cho Tả, Dương bèn cầm gươm tự đâm cổ chết. Đêm đến hồn Dương và Tả hiệp sức phá tan miếu Kinh Kha. Sở Nguyên Vương biết chuyện, cho lập miếu thờ hai người tình bạn chung thủy.

Vậy, khi dạy chúng ta gìn “nghĩa Ai Đào” chính là Ôn Trên muốn huynh đệ đồng đạo chúng ta hãy thương yêu nhau hết mực, dám hy sinh mọi tư kỷ để trợ giúp cho nhau trên bước đường thực thi sứ mạng hoằng dương mối đạo Trời hầu xây dựng cõi đời thanh bình thánh đức cho toàn nhân loại.

2. Hứa Do và Sào Phủ. Bá Di và Thúc Tề.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn giảng dạy tại Huòn Cung Đàn ngày 14- 4 Tân Sửu (28-5-1961) như sau:

“Nhị hiền diệt là anh linh căn chưởng nơi vùng đạo đức thì phải ráng lo diu dắt nhơn sanh, chớ nếu để lu lấp điểm Linh Quang thì vô tình đắc tội với Thiêng Liêng cũng như nhơn sanh ở vùng này.

*Phương chi hiện nay là thời buổi hỗn độn, cơ mật pháp cuối cùng nào phải như thời **Hứa Do, Sào Phủ rửa bần thanh tuyền**¹,*

1. Thanh tuyền: dòng suối trong.

hay **Di, Tề, Thú Dương ngạ tử**². Lão dạy sơ, nhị hiền phải ý thức với địa vị linh căn hạ phàm.”

2.1. Sào Phủ, Hứa Do (巢父, 許由) là hai ẩn sĩ danh tiếng thời vua Nghiêu. Vua Nghiêu hiền đức, muốn tìm người hiền để truyền ngôi chứ không truyền cho con. Biết Hứa Do là người hiền, nên vua ngỏ lời mời ra nối ngôi. Hứa Do từ chối, lui về ẩn tại núi Trung Nhạc, phía Nam sông Dĩnh Thúy.

Sau, vua Nghiêu lại tìm đến, cố mời Hứa Do làm tổng quản cả chín châu. Hứa Do không muốn nghe chuyện nữa, bỏ ra bờ sông Dĩnh Thúy rửa tai. Ngay lúc bấy giờ Sào Phủ đang dắt trâu xuống bờ sông gặp Hứa Do đang rửa tai, hỏi:

– Vì việc gì mà anh phải rửa tai?

– Vua Nghiêu mời ra cầm quyền thiên hạ, ta không muốn danh lợi làm bẩn tai nên phải đi rửa cho sạch.

Sào Phủ nghe nói, liền dắt trâu lên quãng sông trên cho trâu uống.

Hứa Do hỏi tại sao. Sào Phủ nói:

– Ta sợ trâu ta uống phải nước bẩn của tai anh!

Tiền khai Đoàn Văn Bản trong một lần trở lại thế gian qua ngọn linh cơ đã nói lên ý hướng sống ẩn tu ung dung tiêu sái chẳng vương bận chuyện đời lúc Ngài còn sinh tiền như sau:

*“Đạo sĩ màng chi chốn vị danh,
Mặc ai tài cán đắp Trùng thành,
Rửa tai e bọt mùi vương giả,
Nương gót đường mây lánh tử sanh.”³*

2. Ngạ tử: chết đói.

3. Thiên Lý Đàn, 14 tháng Giêng Bính Ngọ (04-02-1966).

2.2. Bá Di (伯夷) là con vua nước Cô Trúc – quốc gia chư hầu nhà Thương trong lịch sử Trung Quốc. Ông cùng người em là Thúc Tề (叔齊) nổi tiếng vì lòng trung thành với nhà Thương.

Theo Sử Ký của Tư Mã Thiên, Bá Di là con trai cả của Á Vi (亞微) – vua nước Cô Trúc (chư hầu của vua Trụ nhà Thương). Vua cha muốn lập người em thứ ba là Thúc Tề. Sau khi cha mất, Thúc Tề nhường lại ngôi vua cho Bá Di nhưng ông không nhận, nói rằng phải theo mệnh lệnh của cha và bỏ trốn.

Thúc Tề thấy anh mình bỏ khỏi nước Cô Trúc cũng đi theo ông. Người trong nước bèn lập Á Bằng (亞憑) – em của Bá Di và anh của Thúc Tề lên ngôi.

Nghe tin Tây Bá Cơ Xương là người trọng đãi hiền sĩ, anh em Bá Di tìm đến. Nhưng khi hai người đến nơi thì Cơ Xương đã qua đời, con là Cơ Phát lên thay, mang quân đánh vua Trụ tàn bạo. Bá Di cùng em đến trước ngựa của Cơ Phát can rằng:

Cha chết không chôn lại gây việc can qua có thể gọi là hiếu không? Là bày tôi giết vua có thể gọi là nhân không?

Cơ Phát không nghe. Những người hộ vệ của Cơ Phát định giết anh em Bá Di nhưng Khương Tử Nha ngăn lại và đỡ anh em ông dậy và cho đi nơi khác.

Cơ Phát mang đại quân cùng các chư hầu đánh vua Trụ. Vì Trụ tàn bạo mất lòng người nên bị đại bại ở trận Mục Dã, tự thiêu mà chết.

Cơ Phát lên ngôi thiên tử, lập ra nhà Chu, tức là Chu Vũ Vương. Các chư hầu đều tôn thờ nhà Chu. Riêng Bá Di và Thúc Tề xấu hổ về việc đã can ngăn vua Chu diệt bạo chúa, bèn cùng nhau thề không ăn thóc nhà Chu.

Bá Di và Thúc Tề lên núi Thú Dương, hái rau vi ăn qua bữa.

Rau vi không thể nuôi sống được, cuối cùng ông và Thúc Tề đều chết đói tại núi Thú Dương. Tương truyền hai ông sau khi chết hóa thành hai con chim suốt ngày kêu “gia, gia” nên người đời gọi luôn nó là chim Gia Gia, sau này chẳng hiểu người ta tránh tên húy vị vua nào mà đổi lại thành chim Đa Đa.

Trước khi qua đời, Bá Di và Thúc Tề làm bài ca:

Lên núi Tây chừ hái rau vi,

Lấy bạo đối bạo chừ có hay chi?

Thần Nông, Ngu, Hạ chìm cả rồi, ta biết nơi nào đi?

Đời sau thường dùng hình ảnh Di, Tề để nói về việc đi ở ẩn.

Văn học cổ và Thánh giáo hay mượn tích này là để nói đến bậc hiền sĩ không ham danh lợi (kể cả ngôi vua), những ẩn sĩ. Nói cách khác, đời sau thường dùng hình ảnh Di, Tề để ám chỉ việc đi ở ẩn, tránh xa danh lợi chứ không phải đề cao lòng ngu trung.

3. Giấc mộng kê vàng

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“Thấy sanh chúng chưa cười vội khóc,

Nhìn nhân sanh lên dốc xuống hang,

Quần quanh giấc mộng kê vàng,

Ngẩn ngơ thân thế mơ màng lợi danh.”⁴

Giấc mộng kê vàng là câu chuyện của ngài Lữ Động Tân, một vị trong Bát Tiên. Ngài chính là Huệ Dương Chơn Nhơn đầu thai vào làm con quan thứ sử Lữ Nghị ở Hải Châu (Trung Quốc). Ngài Lữ Động Tân thuở nhỏ tướng mạo phi phàm. Năm 20 tuổi xưng hiệu là Thuần Dương, không chịu cưới vợ. Khi ngài dạo núi Lu

4. Huồn Cung Đàn, 14- 4 Tân Sửu (28-5-1961).

gặp Huỳnh Long Chơn Nhơn dạy cho phép tu luyện. Tuy nhiên ngài vẫn còn lo công danh sự nghiệp. Ngài thi đậu tú tài rồi cử nhân, nhưng thi tiến sĩ ba lần vẫn không đậu. Khi về tới Trường An, vào quán rượu thì gặp một đạo sĩ áo trắng tự xưng là Vân Phòng Tiên sinh. Vân Phòng Tiên sinh chính là ngài Hón Chung Ly hay Đức Chung Tổ, cũng là một vị trong Bát Tiên. Chung Tổ rủ ngài Lữ Động Tân theo mình chơi núi nhưng ngài Lữ Động Tân còn lưỡng lự. Chung Tổ biết ý ngài Lữ Động Tân vì chưa đậu tiến sĩ nên còn muốn trở danh tiếng với đời. Chung Tổ bèn cho người nấu hoàng lương (kê vàng) và đưa gối cho ngài Lữ Động Tân nằm, còn Tổ ngồi chụm lửa. Chung Tổ đã làm phép trong cái gối. Vì thế mà ngài Lữ Động Tân nằm mơ thấy thi đỗ trạng nguyên, rồi cưới vợ, sanh con đẻ cháu. Được vua bổ làm chức giám nghị, sau 40 năm thăng đến thừa tướng, giữ chức 10 năm nữa. Về sau bị nịnh thần vu oan giá họa, bị vua tịch ký gia tài, bị đày qua núi Lãnh Biển, cực khổ vô cùng. Mơ đến đó thì ngài Lữ Động Tân giật mình tỉnh giấc! Chung Tổ cười lớn ngâm rằng: “Nồi bấp hầy còn ngồi, chiêm bao đà thấy cháu.”

Ngài Lữ Động Tân nghe nói sực tỉnh, ngẫm lại thấy rằng bao nhiêu vinh hoa phú quý, thăng trầm kiếp người, tất cả chỉ thoáng qua như giấc mộng, còn ngắn ngủi hơn cả thời gian nấu chín một nồi kê. Ngài Lữ Động Tân giác ngộ lẽ vô thường, liền xin theo đức Chung Tổ học đạo tiên.

Do tích này mà trong văn học có thành ngữ giấc mộng hoàng lương hay giấc mộng kê vàng để chỉ chuyện công danh phú quý thế gian chỉ là tuồng hư ảo, phù du. Cũng do tích này mà có lần Đức Mẹ hỏi:

“Giấc mộng đời nồi kê chưa chín,

*Hỏi tuổi đời con tính bao nhiêu?
Lo mơ rồi lại lo chiều,
Sống ăn mặc ở trăm điều khổ tâm.”⁵*

4. Giấc mộng Nam Kha

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*“Năm tháng qua rồi, xuân lại sang,
Xuân về xoa dịu nỗi bi quan,
Ai ơi! Có thấy đời là mộng,
Thấm thoát lần tay đếm chuỗi tàn.
Tàn một giấc Nam Kha ảo mộng,
Trăm năm nào đặng sống trăm năm,
Phú bần vinh nhục buông cầm,
Mỗi mòn xác thịt, đọa trầm hồn linh.”⁶*

Giấc mộng Nam Kha kể về một người uống rượu say nằm ngủ dưới gốc cây hòe mơ thấy mình được làm phò mã, rồi làm quan thái thú quận Nam Kha, danh vọng tiền tài sự nghiệp không ai sánh bằng. Thế nhưng sau đó bị giặc ngoại bang đánh thua trận, rồi vợ là công chúa bị bệnh chết, sau cùng là bị nhà vua đuổi đi, buồn thảm vô cùng. Lúc bấy giờ giật mình thức dậy mới biết rằng mình đã nằm mơ, giấc mơ về một đời người mấy mươi năm mà chỉ diễn ra trong phút chốc! Nhận ra chân tướng cuộc đời là giả tạm phù du, người ấy đã từ bỏ rượu chè và tìm về cửa Đạo.

Giấc Nam Kha hay mộng kê vàng đều cùng ý nghĩa ẩn dụ rằng danh lợi, quyền lực, v.v. ở thế gian đều là ảo mộng.

5. Vĩnh Nguyên Tự, 15-8 Quý Sửu (11-9-1973).

6. Liên Hoa Cửu Cung Thiên Đạo Học Đường, 03-01 Ất Tỵ (04-02-1965).

Quan niệm về “TIẾN HÓA” CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Đạt Tường

Một trong vài điểm căn bản khác biệt giữa Cao Đài giáo với các tôn giáo khác chính là quan niệm về “Tiến Hóa”. Cao Đài là Đại Đạo, mà Đạo là âm dương lưỡng hiệp. Vì thế cho nên quan niệm về “Tiến Hóa” của đạo Cao Đài bao hàm đủ cả hai mặt thể chất và tâm linh, tương ứng với văn minh khoa học vật chất và văn minh Đạo học tâm linh.

I. SỰ TIẾN HÓA SINH VẬT THEO KHOA HỌC

1. Nguồn gốc của Quả Đất

Về sự hình thành vũ trụ – căn khôn vạn vật, vào năm 1936, Đức Chí Tôn có giải thích:

“Sao kê là vũ trụ, các con biết chăng?”

(...) Trước khi chưa định ngôi Thái Cực thì trong khoảng không gian ấy còn đương mịt mịt mờ mờ với khí hồng mộng, vì đó là còn trong thời kỳ hỗn nguyên vậy. Không gian ấy tức là Vô Cực. Trong Vô Cực ấy lại có một cái nguyên lý thiên nhiên tuyệt diệu tuyệt huyền, rồi lại có thêm một cái nguyên khí tự nhiên nữa. Lý với Khí ấy tức là Âm với Dương trong buổi Hồng Nguyên thời đại. Lý Khí

ấy lại lần lần ngưng kết với nhau mà đông tụ lâu đời nhiều kiếp mới thành ra một khối tinh quang rất đủ đầy các sự tốt đẹp.

Chùng đúng ngày giờ, khối ấy mới nổ tung ra một tiếng vang lừng dữ dội phi thường, làm cho rung động cả không gian: bên có một điểm linh quang từ trong tiếng nổ ấy văng ra mà lẫn lộn quây quần giữa chốn không trung, giăng tủa hào quang rất chiếu diệu rạng ngời, trùng trùng điệp điệp, rực rỡ chói lòa khắp cả mọi nơi. Ấy chính là ngôi Chúa Tế của càn khôn vũ trụ đã biến hóa ra vậy; mà vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực tròn lành, tròn tốt, toàn tri toàn năng, thiên biến vạn hóa, vô tận vô cùng, nắm trọn quyền hành, thống chưởng cả Càn Khôn vũ trụ và lấy cơ thể âm dương mà phân thanh biến trước, làm máy động tịnh để gom tụ cái khí Hư Vô dựng hóa sanh muôn loài vạn vật.¹¹

Năm 1968, Steven Hawking, George Ellis và Roger Penrose mới bắt đầu công bố lý thuyết “Big Bang” về sự hình thành của vũ trụ cách nay khoảng hơn 13,7 tỷ năm.

– Địa cầu của chúng ta đang sống là một trong 9 đại hành tinh của Thái Dương hệ – hệ mặt trời. Tất cả đều xoay quanh mặt trời hầu như trên cùng một mặt phẳng. Ngoài ra còn có khoảng 2.000 tiểu hành tinh khác nữa như sao chổi, thiên thạch, v.v.

Gần mặt trời nhất là 4 hành tinh vòng trong, được gọi là “hành tinh đá” do cấu tạo địa chất của chúng phần lớn là thể rắn, kim loại và đá gồm Thủy tinh, Kim tinh, Trái đất, Hỏa tinh. Kế đến là 4 hành tinh vòng ngoài với 2 “hành tinh khí” gồm Mộc tinh, Thổ tinh, 2 “hành tinh băng đá” Thiên Vương tinh, Hải Vương tinh. Và ngoài cùng với nhiều hành tinh nhỏ cùng Diêm Vương tinh.

1. Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 23-9 Bính Tý (06-11-1936), bài “Vũ Trụ”.



- Về nguồn gốc, trái đất này đã được hình thành từ 4,55 tỷ năm về trước sau khi được văng ra từ một vụ nổ của mặt trời.

Sau hàng triệu năm xoay vần rồi nguội dần, bề mặt quả đất co lại. Những chỗ nhô cao tạo thành núi, còn những nơi trũng xuống được tạo thành biển cả sau khi hơi nước trong vũ trụ tụ lại và tạo ra những trận mưa, nước được tích trữ ở những nơi thấp và sâu ấy. Ban đầu, nước biển của thuở hồng hoang còn ấm, chứa đựng các chất muối khoáng vô cơ được tan ra từ trong đất đá - kim thạch.

Có thể cùng với tác động va chạm của các thiên thạch đã tạo nên các vụ nổ áp suất cao với nhiệt độ và các lực cơ giãn của bản thân quả đất trong quá trình nguội dần, một số chất vô cơ đột nhiên biến đổi thành chất hữu cơ chứa các nguyên tố (C,H,O,N). Vào khoảng 4 tỷ năm trước, sự sống đơn sơ bỗng xuất hiện trên địa cầu.

2. Nguồn gốc sự sống trên quả đất

Thế kỷ 20, sau những quá trình nghiên cứu về sự hình thành của

vũ trụ, của hệ mặt trời và quả địa cầu của các ngành khoa học về vật lý thiên văn, địa lý, v.v. và sau những nghiên cứu về nguồn gốc sự sống nhưng vẫn chưa có lời giải đáp nên một số nhà khoa học đưa ra:

2.1. Giả thiết:

– Thuở tạo thiên lập địa: sinh vật đầu tiên rất đơn sơ bắt đầu có sự sống được tạm đặt tên là COACERVAT.

– Sự tiến hóa từ sinh vật hạ đẳng đến sinh vật thượng đẳng.

2.2. Thuyết Tiến Hóa:

Đầu thế kỷ 20 (1924–1929) các nhà sinh hóa của Nga và Anh đề xuất phương cách tạo ra trong phòng thí nghiệm chất tổng hợp hữu cơ – tiền sinh hóa học của sự sống ban đầu. Các nhà khoa học gọi tên đó là Coacervat. Coacervat tuy không tương ứng được như tế bào sống ban sơ nhưng là dạng thể cấu tạo thành những nguyên liệu là kết quả trao đổi chất của tế bào như hiện nay đã biết.

Quan niệm về sự sống, sự tiến hóa của các sinh vật trên địa cầu này được giới khoa học tóm lược theo sơ đồ sau:

THỰC VẬT: Nguyên Sinh thực vật đơn bào (nấm men) → đa bào (cây)

/

COACERVAT → Virus

\

ĐỘNG VẬT: Nguyên Sinh Động Vật (vd: Amib) → Côn trùng – bò sát
– loài hữu nhũ – loài linh trưởng – NGƯỜI²

2. Sự phân biệt giữa thực vật và động vật, bên cạnh yếu tố khác biệt về màng tế bào còn có yếu tố phương thức sinh sản (giao phối).

II. THUYẾT TIẾN HÓA “TÂM VẬT” THEO CAO ĐÀI GIÁO

1. Đại Linh Quang phóng phát các Tiểu Linh Quang Thái Cực bao gồm âm dương, vì thế trong mỗi Tiểu Linh quang, chúng sanh trong vạn vật đều được thọ hưởng bản thể của Đại Linh quang nên cũng có đủ đầy âm dương nguyên thủy: Nguyên Lý thiên nhiên và Nguyên Khí tự nhiên.

2. Luật tiến hóa

Chúng sanh trong vũ trụ vạn vật tiến hóa qua 3 cõi: Hạ giới, Trung giới và Thượng giới.

Theo giáo lý Cao Đài, chúng sanh tiến hóa qua 72 địa cầu, ba ngàn thế giới và ba mươi sáu tầng trời. Địa cầu chúng ta đang sống đứng ở vị trí thứ 68 là một thành phần của Hạ giới.

Cuối năm 2013, lần đầu tiên khoa học thiên văn phát hiện ra một hành tinh ở ngoài Thái dương hệ đặt tên là Kepler 78b tương tự như trái đất nhưng bề mặt nóng đến 2.000°C.

2.1. Cõi hồng trần: (Hạ giới)

Nơi địa cầu này, chúng sanh gồm 4 hạng: Khoáng sản – Thảo mộc – Cầm thú – NHÂN LOẠI. Đức Chí Tôn có dạy:

“Từ loài vô tri vô giác như kim khí sanh đến loại thảo mộc, qua đến côn trùng, rồi tới phi cầm, tẩu thú, các con mới bước sang loài người, linh cơ vạn vật.”³

a. Trước tiên khi nói về hình thể của các sinh vật:

Thầy dạy trong Đại Thừa Chơn Giáo bài Nhơn Vật Tiến Hóa như sau:

3. Thánh giáo Trước Tiết Tàng Thơ, ngày 20-4 Quý Dậu (14-5-1933).

“Luật tiến hóa của thảo mộc, thú cầm, nhơn loại, nó từ từ tăng tiến mãi nhưng cũng có thoái hóa vậy.

Các con nghe: như loài thảo mộc cũng có thọ nơi Thầy một điểm nguyên hồn. Nó cũng sống nhưng trí hóa khờ ngây.

Các con coi đó, từ thảo mộc bắt đầu lên cho chí loài người, có ba cái phép:

1. Như thảo mộc thì cái gốc trở xuống, ngọn day lên (gốc là đầu, ngọn là chơn);

2. Rồi nó tấn hóa đến bực thú cầm thì cái đầu với cái đuôi ngang nhau;

3. Thú cầm qua nhơn loại thì cái đầu trở lên trên, cái chơn xuống dưới.”⁴

Như vậy, về hình tướng, sự tiến hóa của các sinh vật trên địa cầu này được thể hiện qua cửa tiếp nhận nguồn dinh dưỡng của hệ thống tiêu hóa và thần kinh trung ương bao gồm đầu và trục xương sống.

Với cầm thú và loài người, bộ não và xương sống chứa đựng thần kinh trung ương gồm 2 hệ: thần kinh sinh dưỡng và thần kinh vận động. Sự khác biệt giữa người và vật là hoạt động của thần kinh cao cấp: suy tư và sáng tạo.

b. Trong các sinh vật cũng có phần tâm linh:

Giáo lý Cao Đài cũng chỉ ra, song song với thể xác:

- Thảo mộc: có một phần hồn = Sinh hồn.
- Cầm thú: có hai phần hồn = Sinh hồn + Giác hồn.
- Con người: ba phần hồn = Sinh hồn + Giác hồn + Linh hồn.

4. Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 12-8 Bính Tý (27-9-1936), bài “Nhơn Vật Tiến Hóa”.

Đây là quan niệm về các cấp độ tâm linh của sinh vật, một quan điểm hoàn toàn mới so với trước kia.

Thầy dạy tiếp:

“Vạn từ thảo mộc có một phần hồn. Thảo mộc tấn hóa mãi, muôn vạn kiếp mới bước sang qua thú cầm thì từ thú cầm đã đặng hai phần hồn. Thú cầm mới dần dần tấn hóa mãi, trăm ngàn muôn kiếp, lên đặng làm người thiết trăm đặng ngàn cay, muôn phẩm vạn sâu, biết bao nhiêu là công phu khổ hạnh, xả thân giúp đời một khó khăn, cực nhọc; nhưng cũng vui lòng, mãn kiếp nọ sang kiếp kia cứ lập công quả mãi. Vạn vạn muôn muôn lần đầu thai mới qua đặng phẩm bậc loài người, thì tấn hóa đến loài người đã đủ trọn tam hồn thất phách.”⁵

Đức Lý Giáo Tông cũng có dạy:

• *“Những tiểu linh quang ấy đã ngấm ngấm ẩn tàng từ loài khoáng sản đến thảo mộc, côn trùng, nhân loại rồi tiến đến hàng Thần Thánh Tiên Phật.*

Sự tiến hóa mau chậm tùy theo trạng thái của mỗi thể, từ loài chỉ có một sanh hồn đến loài có cả sanh hồn lẫn giác hồn và chí đến loài có đủ cả tam hồn là sanh, giác và linh hồn.”⁶

• *“Từ một kiếp luân hồi nhân quả,
Từ loại nào, sắt đá hình hài;
Rồi lâu năm tháng dạn dày,
Nên còn chuyển kiếp là rày chi chi?
Loài thảo mộc còn gì hơn nữa,
Nhưng chưa bằng sắp sửa đổi thay;*

5. Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 12-8 Bính Tý (27-9-1936), bài “Nhơn Vật Tiến Hóa”.

6. Tây Thành Thánh Thất, 14-3 Canh Tuất (18-4-1970).

Chuyển qua cho mấy ngàn ngày,
Rồi ban muôn dạng năm dài luân thông.
Kiếp thú cầm ở trong nhân quả,
Đã nặng nề rồi đã thành hình;
Luân hồi đạo nghiệp rộng thinh,
Cho đời biết rõ kiếp mình là chi.
Kiếp thú cầm nhiều khi tu niệm,
Cũng tiến lên hiển hiện kiếp người;
Kiếp người nhiều bực tốt tươi,
Phân ra ba loại kiếp người ra sao?
Kiếp hóa nhân khi nào mới chuyển,
Nên tánh còn thú hiện nên thơ;
Nên còn lời lẽ vật vờ,
Rồi nhiều tai ách, mộng mờ thương đau.
Kiếp nguyên nhân là bao nhiêu kiếp,
Rõ máy huyền nối tiếp đường tu;
Kiếp này dầu dãi công phu,
Nguyên nhân trọn vẹn thì tu thêm phần.
Thêm một kiếp xoay vần hóa tạo,
Là Chơn Nhơn đạo giáo sẵn đề;
Mới tường đường lối trở về,
Mới tường bốn giác hồi quê Tiên Đài.
Kiếp chơn nhơn không rày sa đọa,
Bởi thông tường vấp ngã thế nào;
Nhưng lòng còn ẩn phong trào,
Tu Di Sơn phải thế nào nương thân.”⁷

7. Đức Lý Giáo Tông, Thánh tịnh Thiên Trước Ô Môn, 01-01 Quý Sửu (03-02-1973).

c. Tiền căn của kiếp Người:

Trong đoạn thi bài trên, chúng ta thấy xuất hiện một khái niệm mới của giáo lý Cao Đài về con người với 3 phẩm bậc tiến hóa là: “hóa nhân, nguyên nhân và chân nhân”.

Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Thầy đã có giải thích thêm:

*“Nguyên nhân là nguyên khí chất tiên thiên giáng sanh làm người. Hóa nhân là từ bực côn trùng, thảo mộc tiến hóa lên cho đến loài người.”*⁸

c.1. Chân Nhân:

Là những bậc Nguyên Nhân đã tu nhiều kiếp, hiểu thông lý Đạo, thấu suốt kiếp người khổ đau, đại hùng, đại lực phát nguyện tu hành, nên không bị cám dỗ, lạc lầm, biết rõ con đường chân lý phải đi để đạt đến chỗ giải thoát.

“Thơ,... Ngày nay, Thầy tỏ thiệt cho con hiểu. Con là một chơn linh cùng Quan Âm Bồ Tát, con đã hiểu rồi, vậy từ đây phải biết mình trân trọng mà trau dồi tánh hạnh nghe.

Thầy chẳng nói ra căn cội của Nương, e con giận. Vậy Thầy cũng nói luôn để anh em nhìn nhau, thương yêu nhau.

*Nó là Văn Thù Bồ Tát tái thế, nghe à. Nó lập ngôi vị cho con, nó đi một đường với con mà hành đạo cho tới ngày hai con đến đắc quả đặng trở về cùng Thầy.”*⁹

c.2. Nguyên nhân:

Theo Kinh Kim Bàn Phật Mẫu, Đức Mẹ đã cho vào thế gian này 96 ức nguyên căn. Sau 2 kỳ phổ độ trước, đã có 4 ức trở về

8. Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 10-8 Bính Tý (25-9-1936), bài “Lý Thiên nhiên và Lý Tự nhiên”.

9. Thứ hai, 14-12 Bính Dần (17-01-1927).

được. Còn kẹt lại “*Cửu thập nhị tà chi mê muội*”.

“*Những nguyên căn đã đến thế gian, đang chen lấn trong đám chúng sanh, có cả hóa nhân, ngạ quỷ, súc sanh.*

Tuy mỗi mỗi đều có sứ mạng dìu dẫn chúng trở lại nguồn xưa, nhưng đã và đang chen lấn giữa chốn bụi hồng, nên những nguyên căn ấy, có những người thì sớm thức tỉnh tu tâm luyện tánh được trở về nhà Tiên cảnh Phật, cũng có những nguyên căn quên cội quên nguồn, đã lẫn thân vào luân hồi lục đạo.

Cũng có những kẻ giác ngộ, nhưng vì danh vị lợi quyền, đỉnh chung phú quý, làm lu chơn tâm, mờ chơn tánh, không tìm ra chơn lý. Cũng có những người giác ngộ, nhưng vì bị mọi dục vọng, mọi hoàn cảnh vật dục sở tể, nên đã lạc vào nẻo bàng môn tả đạo.

Chính vì không hiểu được đâu là chánh, đâu là tà, chi nên đã không tìm đâu là lối thoát, mãi lẫn quẩn loanh quanh như kiến bò miệng chậu, trong bánh xe luân, không tìm ra chánh đạo, hầu thẳng đường ngay lối mà về hiệp với Đạo.”¹⁰

c.3. Hóa nhân:

Sự kiện nhân loại tiến hóa từ linh trưởng được giáo lý Đại Đạo xác nhận:

• “*Khi các thú cầm đã hóa sanh đầy đủ, thì các Sanh hồn và Giác hồn đã đến lúc huệ khai; vì đó, Chí Tôn rưới Linh Quang, ban cho một thể thứ ba là Chơn Linh.*

Giống hầu là giống đã được tấn hóa hơn, nên vì có, la hầu đã

10. Đức Quan Âm Bồ Tát, Thánh Bộ Từ Bi Thông Thiên Học, 01-4 Đinh Mùi (09-5-1967).

được Chơn Linh điểm trí mà tạo nên thủy tổ loài người.”¹¹

• “(...) có thể nhìn một số người nào đó rồi suy đoán rằng họ chỉ mới chuyển kiếp từ thú ra người chưa được mấy kiếp.

Cũng như thế, có thể nhìn đức hạnh hoặc tư cách của một người hay một số người nào đó rồi có thể suy đoán họ đã làm người rất nhiều kiếp học hỏi, hoặc nhiều kiếp tu tiến...”¹²

Song song với việc tiến hóa, con người cũng đối mặt sự thoái hóa trở lại làm kiếp “dị nhân – quái nhân” hay tệ hơn là rớt xuống làm kiếp cầm thú.¹³

Đức Quan Thánh có dạy:

*“Có căn mới được kiếp con người,
Phải biết mà tu chớ để người;
Kéo trở lại đời trong thoái hóa,
Khó mong gặp đặng phúc ân Trời.”*¹⁴

Cũng có thể còn tệ hơn nữa, con người còn có thể bị thoái hóa vào cõi âm nơi dương thế hay tụt xuống cõi trung giới và bị rớt đến kiếp ngựa quỳ.

2.2. Cõi Trung giới:

– Khi lìa bỏ xác phàm, linh hồn phải vào cõi trung giới một khoảng thời gian ngắn hay dài tùy theo công đức đã tạo để chờ biết kết quả sẽ chuyển luân đi đâu thai.

11. Đức Cao Thượng Phẩm, Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh Tây Ninh, đêm 22-01 Nhâm Thìn (17-02-1952); Luật Tam Thế.

12. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 18-7 Nhâm Tý (26-8-1972).

13. Sẽ trình bày nơi bài Chuyển Luân Thoái Hóa.

14. Đức Quan Thánh Đệ Quân, Thánh thất Tân Định, 03-01 Ất Tỵ (04-02-1965).

Những vong linh đã vướng nhiều tội lỗi sẽ rớt vào A Tỳ.
– Còn nếu ai mắc lỗi quá lớn làm mất hết phần chơn dương, sẽ bị thoái hóa vào kiếp nga quý.

Đức Chí Tôn có giải thích trong Đại Thừa Chơn Giáo:

“Đã không được nhập vào thế giới nào thì lũ quỷ ma ấy chỉ phải nương dựa gió mây mà chờ ngày tiêu diệt thôi. Và không nhập vào thế giới nào được là cũng chỉ tại chúng nó đã làm cho tiêu mất hết cả các phần chơn dương của chúng nó rồi.

Chớ như các linh hồn phạm tội, tuy vậy chớ còn được chút ít chơn dương. Vì còn chơn dương nên còn nhập vô cõi Diêm Phù mà chịu hình phạt được, mà hễ còn chơn dương thì lại còn mong mỗi có ngày sẽ đầu thai trở lại thế gian được nữa. Bởi vậy, tuy thọ hình trả quả nơi Diêm Phù mà còn có phước hơn là làm ma làm quỷ.”¹⁵

2.3. Cõi Thượng giới:

Con người nếu biết và hiểu rõ phương tu; song hành phổ độ và tu luyện; đồng thời thực hành đúng phương cách với tâm thuần chơn; cũng như hành thâm đúng mức, thì có thể tiến hóa lên đến các phẩm bậc cao hơn là: Thần Thánh Tiên Phật.

Khi Khai Minh Đại Đạo, Thầy có dạy:

“Vậy Thầy lại dặn các con:

Nếu kẻ không tu, làm đủ phận người, công bình, chánh trực, khi hồn xuất ra khỏi xác thì cứ theo đẳng cấp gần trên mà luân hồi lại nữa thì biết chừng nào dựng hội hiệp cùng Thầy.

Nên Thầy cho một quyền rộng rãi cho cả nhơn loại Càn Khôn

15. Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 23-9 Bính Tý (06-11-1936), bài “Vũ Trụ”.

Thế Giới, nếu biết ngộ một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng...”¹⁶

Thời Tam kỳ Phổ độ, ngay cả tà quái cũng có cơ hội lập công để tiến hóa chuyển lên cõi thượng giới.

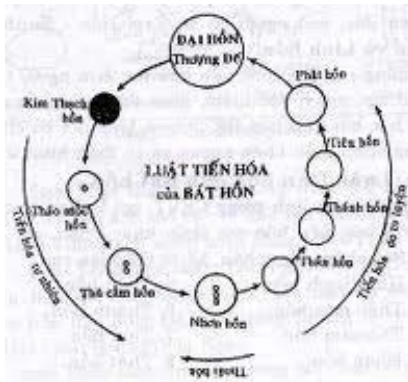
Đức Đông Phương Chưởng Quân có nói:

“Tuy nhiên thời mạt pháp, tà quái lộng hành đua tranh thuật pháp cũng để tiến hóa theo luật tắc thiên nhiên. Nếu đúng với Chơn Đạo thì được vào hàng Thần Thánh, bằng nghiêng ngã theo bàng môn sẽ bị tán khôi trần trong khi lập đời Thượng nguơn Thánh đức.”¹⁷

3. BÁT HỒN vận chuyển hóa thành chúng sanh¹⁸

Phật Mẫu Chơn Kinh có câu:

*“Càn Khôn sản xuất hữu hình,
Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sanh.”*



16. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 19-12-1926 (15-11 Bính Dần).

17. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-01 Quý Sửu (17-02-1973).

18. “Thầy nói chúng sanh là nói toàn cả vật loại hữu sanh, nghĩa là vật chất hữu sanh, thảo mộc hữu sanh, vật loại hữu sanh, thú cầm hữu sanh, nhơn kiếp hữu sanh. Hiểu à.” (Đức Chí Tôn, ĐẠO SỬ XÂY BÀN, Quyển 1, tr. 58)

Đức Phạm Hộ Pháp giải thích:

“Cổ Càn Khôn là có âm dương.

Phật Mẫu biến ra hình thể của vạn linh. Còn về phần hồn, Phật Mẫu vận chuyển hóa ra bát đẳng cấp chúng sanh: kim thạch hồn, thảo mộc hồn, thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn.”

Như vậy Nhơn hồn đứng ở vị trí trung tâm. Có những loại hồn tiến hóa lên thành Nhơn hồn nhưng cũng có những loại hồn nguyên căn chuyển đổi vào Nhơn hồn trở lại để tu tiến.

“Ngày nay các con hữu hình nhơn loại, các con có biết cái hữu phước ấy không các con?

Cười... Từ loài vô tri giác như kim khí, sanh đến loại thảo mộc qua đến côn trùng rồi tới phi cầm tẩu thú các con mới bước sang qua loài người, linh u vạn vật. Các con thấy cái đời vô cùng mà ngao ngán cho không?

Tới cõi trần, sanh làm người. Đó là con đường tiến hóa đã được nhiều. Nhưng gẫm đến nhơn loại nơi thế này chịu biết bao nhiêu điều thống khổ.

Vả, rồi cứ trong cái khuôn khổ trả vay, vay trả của đời mà các con đành chịu dưới luật luân hồi mãi mãi thì cái đời các con có phải hoàn toàn thanh thú đâu?

Các con muốn tránh khỏi nẻo luân hồi, các con ráng lo tu niệm. Đó là con đường chánh đại để giúp các con về cõi u nhàn trường sanh bất tử. Các con nên vui mừng mà hành theo Đại Đạo Thầy nghe các con.”¹⁹

Chỉ có ở kiếp người mới có thể tu tiến nhanh để vượt qua

19. Đức Chí Tôn, Trước Tiết Tàng Thơ; 20-4 Quý Dậu (1933).

được nhiều cấp của 72 địa cầu, 3.000 thế giới và 36 tầng trời. Vì sao làm được như thế?

Vì bộ máy của con người là Tiểu Thiên Địa tương đồng với bộ máy âm dương của Tạo Hóa – Đại Thiên Địa; chỉ ở vị trí làm người hệ thần kinh mới phát triển đến mức có trí khôn đầy đủ để có khả năng nắm được phương pháp tự mình huyền đồng cùng Tạo Hóa; sau cùng nhờ Đại ân xá nên có thể trả nghiệp mau lẹ.

“Vạn vật trong vũ trụ không vật nào hơn hay kém. Trước sau đều đồng một thể là chơn linh lập đời, định thể, dựng các phẩm Tiên Phật có nơi học hỏi và thi dụng tài năng, hầu tô điểm thêm phẩm giá thiêng liêng vị. Do lẽ đó, các phẩm chưa đủ sức lo tròn địa vị, phải luân hồi chuyển kiếp mà bồi bổ thêm.

Lúc khai thiên lập địa thì các đẳng chơn hồn ấy phải đi từ vật chất lên thảo mộc, thú cầm, rồi mới chuyển kiếp làm người được. Tính ra, mỗi phẩm đi từ đầu chí cuối mà không bị lầm lạc thì phải đủ chín chục ngàn kiếp (90.000) mới trở về thiêng liêng vị được.

Vì cố, mà các đẳng chơn hồn lúc bị lầm lạc, sa đọa, phải luân hồi chuyển kiếp mãi mãi, chưa về dựng nơi cõi thiêng liêng hằng sống.”²⁰

III. KẾT LUẬN

*“Phải nhiều kiếp luân hồi tiến hóa,
Đi từ từ chỗ đọa đến thăng;
Con người là Tiểu Linh Quang,*

20. Đức Cao Thượng Phẩm; đàn cơ tại tư gia của nhân viên Bộ Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài (Tòa Thánh Tây Ninh), đêm 16-9 Canh Dần (1950); Luật Tam Thế.

*Từ trong khoáng sản ẩn tàng cỏ cây.
Đến cầm thú ngô ngậy khờ dại,
Nhiều kiếp rồi biến cải linh hồn;
Tiến lên đến bậc vi nhơn,
Có luôn thất phách tam hồn quy nguyên.
Người tu được thành Tiên tác Phật,
Khổ công tu chẳng mất ai ơi;
Tu đi một vốn mười lời,
Nhà băng thượng giới Cha Trời dành cho.”²¹*

– Giáo lý Cao Đài đưa ra khái niệm về “nguyên căn – nguyên nhân” và “hóa nhân” và khẳng định mỗi tín hữu Cao Đài hiện nay đều là nguyên căn “Hữu duyên hạnh ngộ Cao Đài”.

– Quan điểm “Tiến Hóa” của Cao Đài giáo bao hàm đủ cả hai mặt thể chất và tâm linh, là Luật Tiến Hóa hiện đại, vừa không mâu thuẫn với khoa học sinh vật, vừa khai phóng con đường tiến hóa tâm linh cho nhân loại vào thời Hạ ngưng mặt kiếp (Bát hồn vận chuyển).

“Trong luật tiến hóa của nhơn vật, từ loài khoáng sản đến loài người, trải qua biết bao nhiêu triệu triệu lần thay hình đổi xác nhưng vẫn có biết bao nhơn vật bền chí kiên tâm để nên bậc siêu nhân quán chúng và tạo Tiên tác Phật. (...)

May mà gặp thời ân xá, Đại Đạo Kỳ Ba, một kiếp được hoàn thành sứ mạng sẽ đắc quả thành công ví bằng muôn triệu kiếp.”²²

21. Đức Quan Âm Bồ Tát, Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

22. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-3 Bính Ngọ (05-4-1966).

“Thầy không mượn
lâu đài chùa thất
Mượn lòng con
chơn thật mà thôi”^(*)



* Đức Chí Tôn, Nam Thành Thánh thất
01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

Đồng Tâm • Đồng Tiến

Từ khi mới lập Cao Đài Giáo, Đức Chí Tôn đã có dạy:
*“Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,
Chẳng kỳ hạ giới dụng cao ngô,
Bần sang trối mặc tâm là quý,
Tâm ấy tòa sen của Lão ngời.”*¹

1. Đức Chí Tôn, Niên Số Thời Thiết Lục, Thánh ngôn chép tay, Thái Thơ Thanh, tờ 59. Đền ngày 16-01 Bính Dần (13-02-1926). (Sao y bản gốc)

Tuy nhiên, do còn bị lôi cuốn theo cách nhìn của người đời nặng về sắc tướng âm thanh nên có nơi có lúc trong việc xây cất Thánh thất, đạo hữu chúng ta đã quá đặt nặng vào hình thức trang hoàng đẹp đẽ, quy mô xây cất to lớn, v.v. vượt xa khả năng tài chánh của bốn đạo địa phương đến nỗi phải chịu nhiều hậu quả phiền toái: chùa mắc nợ nần.

I. THẦY KHÔNG MUỐN LÂU ĐÀI CHÙA THẤT

1. Cách nay đã hơn 40 năm, trong một lần Đức Giáo Tông giảng đàn vào năm 1973, Ngài đã dạy về việc xây dựng Bát Quái Đài như sau:

“Bần Đạo đã rọi qua hình đồ thường thức. Nhơn ý hòa Thiên ý định. Vì có câu Đức Chí Tôn truyền rằng: “Bạch Ngọc từ xưa đã ngụ rồi.”

Vậy do lòng hiếu đạo, Thiên mạng chư hiền tạo Bát Quái Đài là ngôi thứ ba của nền Đại Đạo, nhưng ngôi này là Tòa Bạch Ngọc tại thế, tùy chư hiền chung tâm góp sức, Bần Đạo chứng cho. Trong thời gian cấp chuyển, cơ Đạo hoằng dương cần nỗ lực để thực hiện trong tinh thần hữu hạn của chư hiền mới đạt được thành quả như ý nguyện.”²

Qua lời dạy này cho thấy Thánh ý của Đức Giáo Tông: Việc tạo dựng Bát Quái Đài nên nỗ lực thực hiện trong khả năng hữu hạn.

2. Cũng đồng thời gian đó, ngày hôm sau tại một Thánh tịnh khác, Ngài cũng nhắc lại:

2. Đức Lý Thái Bạch, Đạo Lý 88, tr. 55. Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà, 02-01 Quý Sửu (04-02-1973).

(...) Kìa trước cảnh Bồng Lai xiêu đổ, hơn tâm ly tán của Thánh cảnh từ xưa sụp đổ trong chương trình “Thất thập nhị tịnh”. Đó, cơ chuyển hóa của nền Tiên Thiên chánh pháp, sự ổn định tình thế, chỉnh trang do hơn tâm cấu tạo mà Bần Đạo đã ân ban chịu theo sở vọng của chư hiền. Cơ tái tạo đã bắt đầu vừa xây nền đắp móng, xem như chương trình đã tiến vào bản thể thượng tưng...

Nay Bần Đạo chuyển linh cơ cùng Thiên mạng chư hiền nhắc nhở ngày xuân, mọi việc thế gian do dực tâm cấu tạo. Cần hoàn tất chương trình, lo vận hành để đạt kỳ công tái tạo... Thiên mạng chư hiền đã nhiều công góp sức để vận dụng tinh thần trét tô Thánh Địa. Nhưng giờ đây chương trình trọng đại... lời phân qua trước kia nay trở thành dĩ vãng. Vì trước kia Bần Đạo có nhắc lời Đức Chí Tôn nêu ra:

Bạch Ngọc từ xưa đã ngụ rồi,

(...)

Sang hèn trối kệ tâm là quý.

Như vậy, vì cơ tái tạo mà Thiên mạng chư hiền dường như bế tắc... Đây là cơ thử thách để Thiên mạng tiếp hành. Vậy trước cảnh tại trung đàn, Thiên mạng đồng thể lưu tâm để góp phần công quả Thánh thể lành mạnh, chuyển hóa cơ Thiên trong cơ tái tạo.”³

Đứng trước việc tái thiết vượt quá khả năng, gần như bế tắc, Đức Lý Giáo Tông nhắc lại lời dạy của Đức Chí Tôn khi xưa nhưng cũng từ bi động viên mọi người góp phần

3. Đức Lý Thái Bạch, Đạo Lý 88, tr. 72. Bồng Lai Thánh Tịnh, 03-01 Quý Sửu (1973).

công quả khi chương trình tái thiết đang thi công dang dở ở “thượng tầng”.

Tình hình cụ thể khi đó là do làm cùng một lúc cả Tam đài mà ngân khoản lại hạn chế cho nên sau khi đúc xong lầu chuông và trống ở Hiệp Thiên Đài thì cạn tiền trong lúc đang làm dang dở chưa kịp được nóc.

3. Và cũng trong năm đó tại một Thánh thất ở miền Trung, Đức Lý Giáo Tông cũng nhắc lại lần nữa lời của Đức Chí Tôn và khuyên: *“Nên tùy sức mình để đo lường cho khỏi một dấu ngựa phong trần. Đó là Bần Đạo khuyên chư hiền nên lưu tâm hầu phát huy khỏi nghiêng chình sau giờ tái tạo.”*

Ngài dạy:

“(...) giờ Bần Đạo chuyển bút linh, tiền đàn rọi thấu tâm trung Thiên mạng chư hiền đồng khẩn nguyện. Đó là đáp ứng tại trần theo nguyện vọng Thiên mạng chư hiền trong cơn cõi trần vọng niệm. Nay Thiên mạng, cảnh vật toi bời, hình Thánh thể phải chịu chung phần theo trong đời tiêu diệt. Đó là không riêng nơi cảnh này mà đồng chung số phận của cảnh đời thử thách. Lòng cương quyết của chư hiền vô tận, tất nhiên vật chất tạo thành không khó, chỉ khó là đạo tâm của chư hiền phai mờ không sao xây dựng. Đó là điều tối cần. Bần Đạo rọi qua đã biết chí quật cường, từ nam nữ đã quyết tạo thành Thánh thể, đó là tùy theo năng lực của chư hiền tiến thủ.

Đây là Bần Đạo nhắc lại trước (kia) khi khai Đạo, Đức Chí Tôn đã dạy rằng:

*Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,
Nào cần hạ giới vọng cao ngô;
Sang hèn trối mặc tâm là quý,*

Tâm ấy tòa sen của Lão ngời.

Theo lời dạy... Đức Chí Tôn chỉ ngự trị nơi cõi lòng của chư hiền, mà nếu chư hiền tạo thành một tòa nhà nguy nga đẹp đẽ mà lòng chư hiền thiếu hẳn lòng kính thành, thì tòa nhà ấy có quý báu chi đâu. Nay thời kỳ thực hiện hình thể Tam đài tại thế là để cho chư hiền tiếp tay, để tinh thần vào đấy hầu giải tỏa não phiền trong cơn nguyện cầu trước điện tiền Từ Phụ. Ấy là lẽ cố nhiên. Nhưng Thiên mạng chư hiền nên tùy sức mình...

Vậy Bần Đạo hạ trần đôi lời diễn dụ, Thiên mạng chư hiền lưu tâm.”⁴

Qua đây chúng ta thấy vấn đề tạo dựng hình tướng Thánh thể của Đức Chí Tôn tại thế gian là một việc quan trọng luôn được Ông Trên quan tâm hướng dẫn.

Dưới đây là một đoạn thư của Ban Cai Quản một Thánh thất tại miền Trung gửi đến cầu cứu với các Thánh sở bạn cách nay gần 20 năm:

“Kính thưa chư quý hiền,

Họ Đạo chúng tôi tu sửa trang trí Thánh thất với tổng chi phí chung (...). Hiện nay chúng tôi còn đang thiếu nợ vật tư là (...).

Họ Đạo chúng tôi hết sức lo lắng về tiền trả vật tư mà không có. Ban Cai Quản mới năn nỉ chủ vật tư đóng lãi theo ngân hàng nhà nước nhưng chủ vật tư nói: “Tôi bán cho quý ông để lo tu bổ trang trí Thánh thất, tôi có đóng góp phần nào rồi. Vậy số tiền thiếu, quý Họ Đạo nên trả cho chúng tôi để mua bán.”

Do đó Ban Cai Quản chúng tôi hết sức khổ tâm, bốn đạo nơi đây đã đóng góp của và công quả nhiệt tình nhưng vì phần

4. Đạo Lý 96, tr. 30. Vệ Long Trung- Quảng Ngãi, 23-8 Quý Sửu (1973).

đông còn nghèo. Khi nghe Ban Cai Quản thiếu tiền vật tư kể trên có một số không đi cúng Đức Chí Tôn... nên Ban Cai Quản Họ Đạo có đến gia đình để đàm đạo thì người đạo nghĩ mình đến để xin tiền nên tiếp xúc rất lơ là. Vì vậy, Ban Cai Quản chúng tôi thấy việc làm đạo là việc chung mà đến nay vì nghiệt ngã nợ nần làm cho nhiều người rơi nước mắt, nhất là mấy bà quá lo sợ...”

Đây là một thí dụ thực tế về những khó khăn tài chánh phát xuất từ việc xây dựng Thánh sở ảnh hưởng đến đạo sự và tâm lý hành đạo của một bộ phận bốn đạo. Đây là hậu quả của việc không liệu cơm gắp mắm và đã quá ham muốn hình tướng trang trí lộng lẫy huy hoàng!

Chúng ta suy gẫm lời dạy hàng ngũ chức sắc của một Hội Thánh ở miền Trung khi một Thánh sở vừa được khánh thành sau đây:

“Nay Đền Thánh đã hoàn thành nhờ sự góp sức của nhơn sanh, nhờ lòng nhiệt thành của toàn Đạo mới được đầy đủ tốt đẹp như thế này. Nhưng sở dĩ hôm nay còn có việc lo, việc buồn, toàn Đạo chưa yên tâm mà trông thấy cái dung nghi mỹ miều của nó, ai ai cũng phải buồn, trông đến là khổ tâm là vì thâm thiếu một số tiền to lớn.

Chư hiền có biết bởi những lý do nào mà không được viên mãn lại hóa cạnh góc? Cái cạnh góc đó sở dĩ còn là do nơi tính cấu thả, lòng háo dục, háo kỳ. Bao nhiêu mồ hôi nước mắt của nhơn sanh để cho rơi rớt đổ tháo, miếng ăn tấm mặc của nhơn sanh làm cho mất mát, xương máu của nhơn sanh làm cho hao tổn...

Chư hiền huynh bình tĩnh xét lại cái lỗi của mình, khi thấy được lỗi thì bước tu mới công hiệu. Kẻ thấy lỗi để sửa lỗi là kẻ đã

gần với ánh sáng chân lý, kẻ thấy lỗi mà chối lỗi là kẻ gần với tà quyền...”⁵

II. DỤNG TẤM LÒNG CHÂN THẬT MÀ THÔI

1. Trong quá trình xây dựng Thánh thất, sẽ phát sinh những ý kiến khác nhau về phương án tiến hành hay về hình thức trang trí, v.v. Họ Đạo phải cố gắng dung hòa tư tưởng, đoàn kết chung lòng cùng nhau. Đức Đệ Tứ Giáo Tông Nguyễn Bửu Tài có lần đã nhắc nhở:

“Tệ Huynh rất vui mừng mà nhìn thấy các em địa phương sở tại có nhiệt tâm lo nghĩ đến việc trùng tu kiến thiết lại những gì đổ vỡ do thời chiến gây nên. Tệ Huynh để lời khen ngợi các em, từ Đầu Họ Đạo tới Ban Cai Quản.

(...) nên nhớ điều này: Việc trùng tu phải dựa vào sở hữu cùng năng lực thực tế, không nên bày bố rồi mãi lo thanh toán nợ nần mà xao lãng phần tu học. (...) Tệ Huynh sẽ hộ trì các em thành công theo sở nguyện. Điều thành công đó trước phải đề cao tinh thần tương thân tương trợ mọi mặt.

PHÚ LỐI VĂN

*Xuân Bính Ngũ giáng lãn quang điển,
Nơi Liên Hoa thăm viếng các anh em;
Nên làm sao tốt lá tốt nem,
Khéo gói gắm cho êm mọi việc.
Tình thương đạo mới là cần thiết,
Tùy mỗi người mỗi việc đảm đương;*

5. Đức Cao Tiếp Quân, Thánh Truyền Trung Hưng, tập 2, tr.284. Trung Hưng Bửu Tòa, 07-6 Bính Thân (14-7-1956).

*Tin tưởng nhau đề cử một số để làm cột rường,
Việc tái tạo Thánh đường trong mai hậu.*

(...)

*Sự kết đoàn anh trước em sau,
Tùy sở hữu chung vào việc cả.*

(...)

*Gắng giữ đạo đừng lời bài bác,
Kẻ dỏ hay rồi hờn mát hơn thua;
Buồn giận nhau chẳng lai vãng đến chùa,
Rồi xây cất để ma quỷ ở.*

*Vì thương mến nên Tệ Huynh nhắc nhở,
Lời chân thành không sợ các em buồn;
Vươn mình lên lãnh lấy vai tuồng,
Sẽ có lúc vẹn tròn cùng sứ mạng.”⁶*

2. Hình tượng Thánh thể của Đức Chí Tôn là phương tiện để độ dẫn nhơn sanh, đó là bước đầu rất cần thiết nhưng chưa đủ. Điều quan trọng hơn là làm thế nào để mỗi Thánh thất thể hiện đúng ý nghĩa của ngôi nhà Thánh mà Đại Từ Phụ đã ban trong Kỳ Ba này. Đức Quan Thánh Đế Quân có lần đã dạy:

“Đã hy sinh lập chùa thất là một điều đáng khen và nên làm, nhưng còn một việc nên làm và đáng khen, đáng quý hơn nữa là chọn tu hành đạo. Nếu có chùa thất mà không có người chọn tu hành đạo thì như hang chứa rắn độc. Vậy Ta khuyên... ráng học đạo tu hành, rèn tâm sửa tánh, bỏ điều tửu nhục, không nên bạc bài, chớ nên nói những lời dâm ô thô bỉ, đừng nên nhúng tay vào những việc phi nghĩa bất nhân, chớ sát sanh hại vật, hãy tìm lành

6. Liên Hoa Cửu Cung Thiên Đạo Học Đường, 04-01 Bính Ngũ (24-01-1966).

lánh dữ hầu độ dẫn thôn lân.”⁷

Việc “Chơn tu hành đạo” chỉ có thể khởi đầu từ “tấm lòng chân thật” và đây là điều chính yếu để mỗi tín hữu có thể tự cứu lấy mình và cứu cả Cửu Huyền Thất Tổ. Đức Di Lạc Thiên Tôn đã dạy:

“Mùa xuân này là giáp một mùa xuân nơi đây, Bàn Tăng được tái ngộ cùng chư thiện tín. Toàn thể nam nữ hãy kiểm điểm lại nơi lòng mình, nơi bản thân mình và nơi gia đình quyến thuộc của mình, xem một năm qua đã tiến triển đến mức độ nào chưa về phương diện tinh thần đạo nghĩa? Riêng Bàn Tăng nhận thấy có tiến triển khả quan về mặt hữu hình, nơi thờ phượng, từ mái nhà thô sơ lụp xụp trong mùa xuân Ất Ty, đã trở nên đồ sộ nguy nga, huy hoàng, và cũng không kém phần uy nghiêm tôn kính. Nhưng đó là mặt hữu hình, thể chất. Cũng cần là cần ở phương diện tựa vào cái giá tượng đó để đánh vào thị nhãn của chúng sanh ưa thích về hình tướng, do đó cũng hấp dẫn họ lại gần nơi thiền tự. Đó là những trình độ hiểu Đạo thô sơ.

Điều quan trọng hơn là ở nội tâm. (...)

Cúng lạy pho tượng tạm đặt tên Bàn Tăng để thể hiện lòng sùng kính một Đấng Từ Bi cứu thế, nhưng phải cần làm và làm cho nhiều theo đức độ và giáo lý đã chỉ truyền mới mong tự cứu rồi thân tâm, chớ quá chú trọng về mặt hình thức lễ bái cầu xin mà thiếu về phần nội tâm tự tu, tự cứu, Bàn Tăng cũng không làm sao cứu rồi giùm.”⁸

Cũng với tinh thần khuyến khích đạo hữu hãy ý thức rõ ràng mục đích chính của đời tu là nhắm vào nội dung tu học và hành

7. Đức Quan Thánh Đế Quân, Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý Tam Thôn Hiệp, 08-12 Ất Ty (30-12-1965).

8. Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm Thiền Điện, 02-01 Bính Ngũ (22-01-1966).

đạo “tu chơn”, Đức Trưng Nữ Vương dạy:

“Này các em, Chì tiếp chuyển linh cơ trong ngày xuân nhựt. Giờ Bồng Lai ngự bút, nhìn vào Nữ Đạo các em nơi này trong thời gian niên qua đã lập kỳ công hành thiện trên đường tương trợ, kế tiếp các em còn một bốn phận xây dựng Thánh cảnh tư phương. Đó là một công quả kỳ cùng mà các em địa phương tam cảnh đồng chung gánh vác. Này các em... trên đường hành thiện là ngoại dung. Còn nội dung phần học tập đức tính tu chơn, xây dựng tinh thần để góp phần lập công bồi quả. Các em đã và đang tiến lên trên chương trình lập vị.”⁹

Vậy có học và hành, “tu chơn”, chúng ta mới đi đúng hướng lập vị ở tương lai.

Hình tướng và nội dung là hai mặt không thể tách rời nhau như hai mặt âm và dương của Đạo. Vì thế một khi đã bước đầu xây dựng được hình tướng rồi thì phải cố gắng phát triển nội dung. Nội dung đây là những đạo sự căn bản cần thiết để phát triển Thánh tâm của mỗi người tín hữu cũng như của nhân sanh. Một lần, trong ngày lễ kỷ niệm của Vĩnh Nguyên Tự, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đã giáng đàn nhắc nhở:

“Lễ kỷ niệm Đệ Nhị Chu Niên trùng hưng đạo nghiệp được lệnh tổ chức để ghi nhớ và tán thưởng công lao của hàng đạo tâm thiện chí đóng góp tinh thần trách nhiệm xây dựng lại một hình bóng cứu thế tại trần gian.

Vì thế, Lão muốn nói lên giá trị thật sự của nó không phải nhắm vào ngôi chùa đồ sộ nguy nga, có khách thập phương đến lễ bái

9. Đức Trưng Trắc Nữ Vương, Đạo Lý 88, tr. 65. Bồng Lai Thánh tịnh, 03-01 Quý Sửu (1973).

cúng dường đông đảo, mà mục đích phải là hoằng dương Chánh Đạo phổ độ nhơn sanh. Có như vậy mới xứng đáng với công trình người xưa đã tạo lập và người nay xây dựng lại.”¹⁰

Để có thể “hoằng dương chánh đạo phổ độ nhơn sanh” giúp cho Thánh tâm trong mỗi đạo hữu phát triển, Ôn Trên hướng dẫn phải tiến hành các đạo sự từ phước thiện cho đến học đường, kinh tế, nhà tịnh...

“Thánh thất Thánh tịnh là cơ sở trụ tướng hữu hình để cho đạo hữu cùng nhơn sanh đến chiêm bái Đấng Thiêng Liêng. Ngoài việc ấy ra còn có sứ mạng khác trọng đại hơn, đó là vấn đề thuyết minh giáo lý dạy dỗ nhơn sanh tín hữu cải ác tùng thiện quay về chánh Đạo, cơ sở học đường, cơ sở phước thiện, cơ sở tự túc. Có như vậy ngôi Thánh thất, Thánh tịnh đó mới vững bền.”¹¹

Qua các đạo sự này, chúng ta mới có môi trường để rèn luyện và nâng cao tâm chí đức hạnh cho các tín đồ.

“Ngày chư hiền cảnh tại, Bàn Đạo ban ân chư hiền đã nhiệt tâm tạo thành Thánh cảnh giữa cảnh đồng quê. Đó là khơi lên một điểm sáng cho cảnh tại noi gương học đạo. Vậy chư hiền đã đạt thành phần hình thức, còn phần nội dung cần chỉnh đốn trang hoàng tinh thần chư hiền quật khởi để đáng là phạm sứ mạng thọ lãnh vai tuồng trong buổi kỳ ba mạt hạ...”

BÀI

Chuyển linh bút Bửu Quang cảnh tại,

Cho chư hiền cả thấy đồng nhau;

Công trình công quả tô vào,

10. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Ất Mão (26-4-1975).

11. Đức Hiến Thế Đạo Nhơn, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-4 Kỷ Dậu (30-5-1969).

*Lập thành Thánh cảnh một màu đẹp xinh.
Với tư tưởng đức tin sẵn có,
Chư hiền cần vạch sẵn nội dung;
Chương trình học tập trùng phùng,
Đoàn viên xây dựng thung dung Tiên tòa.
Xuân chuyển bút truyền qua đôi đoạ,
Cho chư hiền tiếp đón thi công;
Kỳ ba nơi chốn trần hồng,
Thánh tâm phải lọc khai thông lý huyền.
Đạo cốt giữ Tiên Thiên chánh lý,
Đạo vốn là chung thí tự tâm;
Đạo là xây đắp chất âm,
Đạo cần phải giữ móng mầm trung dung.
Phát tư tưởng hòa cùng tạo dựng,
Tạo nên hình tiêu chuẩn trần gian;
Tinh thần cần phải chỉnh trang,
Lập công thi đức đáng trang nam tài.”¹²*

Với nam giới đã được Đức Lý Giáo Tông chỉ dẫn phải chú trọng vào nội dung học tập rèn luyện tinh thần sau khi góp phần công quả công trình xây dựng Thánh thể Tam Đài thì với nữ giới cũng không khác. Hai chữ “Tâm Đạo” cũng luôn được nhắc nhở và một khía cạnh căn bản khác của tấm lòng chân thật đối đãi với nhau là tình yêu thương hòa thuận cùng nhau. Đức Liên Hoa Thánh Mẫu dạy:

“Em ơi! Thượng Đế cũng như Đức Từ Mẫu luôn luôn ngự nơi

12. Đức Lý Giáo Tông, Đạo Lý 88, tr.132. Thánh tịnh Bửu Quang Đàn, 16-01 Quý Sửu (1973).

tâm đạo của mỗi nhơn sanh trong đó có các em, chớ không phải đợi tới các em xây dựng trang trí huy hoàng lộng lẫy ngôi Diêu Trì Bửu Điện mới đến ngự.

Vì vậy, cuộc lễ an vị sắp tới đây các em phải luôn luôn thể hiện tình thương yêu hòa thuận với nhau. Đó là món quà quý giá hiến dâng Đức Từ Mẫu.”¹³

Qua những Thánh giáo đã trích dẫn nêu trên, chúng ta thấy dù ở nơi đâu hay bất cứ thời gian nào, các Đấng Thiêng Liêng cũng chỉ muốn người tu hiểu và hành theo Lý Đạo bất biến như lời của Đức Chí Tôn:

*“Thầy không mượn lâu đài chùa thất,
Mượn lòng con chơn thật mà thôi.”*

Nói một cách khác: “Hữu hình hữu hoại”, vật chất hình tướng dầu cho tráng lệ huy hoàng, nguy nga đồ sộ đến mấy đi nữa cũng chỉ là phương tiện tạm mượn. Chỉ có TÂM mới là điểm cốt lõi mang tính quyết định cho sự tiến hóa trên đường tu học và hành đạo của mỗi người tín hữu. Vì thế chúng ta đừng bao giờ quên lời dạy của Đức Chí Tôn:

“Chư môn đệ soạn lại Thánh giáo mà học.

Ta nói chư môn đệ đến cùng Ta bằng tấm lòng thành, còn đồ vật chất tượng hình cho chư môn đệ học đạo, chớ không phải Ta quan hệ cần thiết nơi ấy đâu mà chư môn đệ chăm lo chỗ đó để rồi sinh ra bất bình nhau, hay thiếu sức mà kêu vang. Đó là chư môn đệ làm cho Ta buồn, chớ chẳng phải vui đâu!”¹⁴

13. Đức Liên Hoa Thánh Mẫu; Nam Thành Thánh thất, 08-8 Kỷ Dậu (19-9-1969).

14. Đức Cao Đài Giáo Chủ, Thánh thất Trung Thành, 15-7 ĐĐ 15 Canh Thìn (18-8-1940).

III. KẾT LUẬN

Đức Chí Tôn luôn nhắc nhở con cái của Ngài phải ý thức:

*“Thầy Bạch Ngọc ngôi cao đã có,
Nơi trần gian quý nợ tại tâm;
Các con chớ có hiểu lầm,
Chùa cao cột lớn, việc làm quả công.”¹⁵*

Và tương tự như thế, Đức Mẹ cũng khuyên nhủ:

*“Mẹ không cần đền đài lộng lẫy,
Mà bên trong chẳng thấy tâm con;
Muối dưa dạ trẻ giữ tròn,
Quý hơn điện ngọc không còn lương tâm.”¹⁶*

Như vậy, cái tâm quý giá mà Thầy Mẹ hằng mong đợi ở chúng ta là “tấm lòng chân thật”. Lòng chân thật là tìm về lẽ thật chân chánh tức là đạo lý. Muốn được như vậy thì phải tập cho có được “tâm thanh tịnh vô cầu” như lời Thánh giáo:

*“Đạo tâm nơi cõi thiên đàng,
Chùa cao cột lớn, Phật vàng chớ ham.
Bậc Thượng thừa dù nam hay nữ,
Để tâm không hai chữ vô vi;
Âm thanh sắc tướng làm chi,
Hữu hình hữu hoại, có khi rã rời.”¹⁷*

“Muốn được sáng suốt thì cần được thanh tịnh. Muốn có thanh tịnh thì bớt sự việc phù phiếm vô bổ. Phần nhiều đạo hữu tin ở hình thức, khi mất rồi thì kể tu bỏ đạo. Hoặc vì mê tín dục vọng mà tu,

15. Đức Chí Tôn, Cao Thượng Bửu Tòa, 03-01 Kỷ Hợi (1959).

16. Đức Mẹ, Đạo Lý 110, tr.12. Thánh tịnh Thiên Trước, 15-8 Giáp Dần (1974).

17. Đức Chí Tôn, 18-02 Mậu Thân (1968).

khi thấy không thỏa mãn lòng phàm hoặc thất vọng vì có nào cũng không còn làm Đạo.”¹⁸

Do đó Đức Đông Phương mới dạy thêm:
*“Đường phản bốn không ngoài Đại Đạo,
Nẻo về Nguyên do lão chủ ông;
Chủ ông là cái Tấm Lòng,
Lòng người Giác Ngộ cộng thông Đất Trời.
Muốn được vậy cấp thời tu tỉnh,
Muốn quay về chốn chính sửa đoan;
Tâm trần vướng mắc rộn ràng,
Rút gươm thần huệ đoan phăng cho rời.”¹⁹*

Tóm lại, Ông Trên không chú trọng về hình tướng, quy mô to lớn của Thánh sở. Trái lại, điều các Đấng mong muốn chúng ta hiểu và ý thức là hãy chú tâm làm sao phát triển những đạo sự mang lại những lợi ích thật sự cho sự hòa ái yêu thương và sự tiến hóa tâm linh cho nhơn sanh.

Mong rằng tất cả đạo hữu đều có tấm lòng chân thật đúng như ý Ông Trên đã dạy dỗ và chúng ta sẽ cùng nhau góp phần phổ thông Lý Đạo giúp cho mọi người thấy rõ con đường và đích nhắm phải đi tới hầu góp phần thực hiện sứ mạng Phổ Độ Kỳ Ba.

18. Đức Đông Phương Lão Tổ.

19. Đức Đông Phương Lão Tổ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 04-6 Tân Dậu (05-7-1981).

tình yêu **THIÊN CHÚA**

Xuân Mai



Như một quy luật vốn có của đất trời, mùa Đông phải đi qua mới có mùa Xuân đẹp đẽ, huy hoàng. Cuộc đời cũng phải trải qua những thăng trầm, buồn đau, con người mới cảm nhận hết ý nghĩa của niềm vui, hạnh phúc. Ai rồi cũng phải đi qua những mùa Đông của đời mình: mùa Đông của tuổi già bệnh tật, mùa Đông của những đổ vỡ, tổn thương hay mùa Đông của những thất bại, mất mát.

Mùa Đông tuy nói là buồn, mùa của những cội đa già đứng nhọc nhằn, trơ trọi lá trong mưa rét, nhưng đó lại là mùa chuẩn bị cho những cái mới. Mùa ủ ấp những lộc chồi để khi Xuân về đua nhau khoe sắc.

Chúa đã giáng sinh trong đêm mùa Đông giá lạnh là để mang đến cho nhân thế mùa Xuân ấm áp và tràn đầy hy vọng; nhưng thế nhân vẫn còn hững hờ, từ chối để tự mình lẻ loi, đơn độc đi

qua năm tháng mùa Đông của cuộc đời, để cuộc sống mỗi ngày như dòng thác lũ, cuốn phăng niềm vui, nỗi buồn, chờ đợi, hy vọng, hạnh phúc... thiếu hẳn bóng dáng của yêu thương để rồi không còn biết yêu thương.

Nhớ lại trong bữa tiệc ly, Chúa Giêsu đã nói với các môn đệ của Người rằng: *“Thầy trao ban cho anh em một giới răn mới, là anh em hãy yêu thương nhau, như Thầy yêu thương anh em.”*¹

Chúa Giêsu dạy yêu thương, chính Người đã sống yêu thương cho đến lúc cuối cùng.

*“Thập tự giá ôi thôi đành chịu,
Chịu đóng đinh tiêu biểu hy sinh,
Vì thương nên phải hạ mình,
Để mà chuộc tội chúng sinh buổi cùng.”*²

Người luôn tỏ tình yêu thương cả những kẻ thù nghịch với Người, mặc dù họ ghen ghét Người. Chứ không như đời thường người ta đối xử với nhau theo luật: Răng đền răng, mắt đền mắt, ân đền oán trả, hòn đất ném đi hòn chì ném lại. Chúa Giêsu bảo chúng ta phải vượt lên trên cái lẽ thường tình ấy. Người dạy chúng ta: Hãy yêu thương kẻ thù và làm ơn cho những kẻ ghét bỏ chúng ta. Bởi vì có thực hiện được điều đó, chúng ta mới xứng đáng là con Thiên Chúa và mới trở nên giống Ngài – Đấng đã cho mưa xuống trên người lành cũng như trên kẻ dữ. Đối với Giuđa là kẻ phản bội, Chúa Giêsu không tố cáo ông trước mặt các môn đệ, Chúa còn ngồi ăn chung bàn và rửa chân cho ông. Khi Giuđa dẫn quân lính đến bắt Chúa trong vườn cây dầu, Chúa

1. Ga 13, 34.

2. Đức Chúa Giêsu, Tòa Thánh Thiên Thai, 09-11 ĐĐ 33 (Mậu Tuất 1958).

Giêsu vẫn ôn tồn nói với Giuđa: “*Giuđa ơi, anh dùng cái hôn mà nộp Con Người sao?*”³

Ngày nào chúng ta cũng gặp được Lời Chúa Giêsu dạy và những người yêu thương: “*Hãy yêu thương thù địch và làm ơn cho những kẻ ghét các con, hãy cầu nguyện cho những ai bắt bớ và nguyện rửa các con.*”⁴ Chúng ta hãy đón nhận những món quà đó, để rèn luyện mình. Đón nhận như thế chính là một việc quan trọng để sống ơn gọi yêu thương. Nghĩa là chúng ta được mời gọi yêu thương, bác ái – đó là ơn gọi cao quý tuyệt diệu nhất của chúng ta.

Sống ơn gọi yêu thương, chúng ta biết cho đi. Bởi, cho đi của chúng ta là phụng sự. Chúng ta phụng sự cuộc đời, phục vụ mọi người nhằm mục đích giúp cho họ gặp được Chúa – là tình yêu cứu độ giàu lòng thương xót. Để đạt được mục đích đó, chúng ta luôn chia sẻ Lời Chúa đến mọi người và luôn thực hành yêu thương. Yêu thương, nên chúng ta xem cầu nguyện và hy sinh cho những người mình phụng sự là điều cần thiết.

Yêu thương, nên chúng ta xem thái độ mà Chúa Giêsu đã nói trong dụ ngôn người Samaria tốt lành (x. Lc 10, 29–37) là điều rất phải quan tâm. Những người bị trọng thương nằm ở vệ đường như được tả trong dụ ngôn, hiện nay là nhiều vô kể, dưới nhiều hình thức khác nhau. Ai có trái tim yêu thương, sẽ nhận ra họ, để cứu họ, không cách này thì cách khác. Ngày nay, còn biết bao con người trong cảnh khổ nạn, trong đói lạnh giữa đêm đông đang cần chúng ta nhìn thấy họ, cứu giúp họ. Hãy nhận ra họ bằng trái tim chân thành ấm áp của người con ngoan của Đức Chúa Cha.

3. Lc 22, 48.

4. Mt 5, 44.

TÌNH YÊU CỦA CHÚA CHA ĐỐI VỚI THẾ GIAN

Thiên Chúa yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một của Ngài để những ai tin vào Con của Ngài thì khỏi phải chết mà còn được sống muôn đời. Thiên Chúa sai Con của Ngài đến thế gian là để thế gian nhờ Con của Ngài mà được cứu độ.

Lãnh nhận tất cả từ nơi Cha, Chúa Giêsu sẵn sàng hiến dâng trở lại cho Chúa Cha, không ngừng dâng hiến sự sống mình cho Chúa Cha. Sự dâng hiến là biểu hiện sâu xa của tình yêu. Dâng hiến là hành vi yêu thương biểu lộ lòng ngưỡng mộ, sự say mê và tôn kính. Người dâng hiến bản thân mình cho Chúa Cha. Chúa Giêsu là con người say mê Thiên Chúa hơn ai hết. Người yêu mến Thiên Chúa hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực. Tình yêu của Người đối với Chúa Cha đã khiến cho Người có những hành động và lời nói không thể giải thích bằng một luận lý bình thường. Thập giá Người vác là thể hiện một tình yêu tột độ. Yêu cho đến cùng. Yêu cho đến mức dâng hiến tất cả, dâng hiến sự sống của chính mình, dâng hiến bản thân trong một tình yêu vâng phục tuyệt đối. *“Người phó thác sự sống mình trong tay Cha, để Cha làm gì tùy ý.”*⁵

Đối với Chúa Giêsu, dâng hiến mạng sống mình cho Thiên Chúa cũng là trao ban sự sống mình cho nhân loại, như ý muốn của Chúa Cha muốn ban Con Một Ngài cho nhân loại. Vì thế, chúng ta phải yêu thương Chúa Cha. Và hãy để cho tình yêu thương của Chúa Cha ảnh hưởng đến tâm trí và cảm xúc của mình, càng để cho tình yêu thương của mình dành cho Cha Thiên Thượng nảy nở bên trong lòng mình, thì càng dễ dàng hơn để yêu thương những người khác. Nếu chúng ta để cho Thượng Đế tràn đầy

5. Lc 23, 46.

tâm hồn mình với tình yêu thương của Ngài, thì lòng hận thù và ganh tị của chúng ta cuối cùng sẽ phai nhòa, chúng ta sẽ sống thân thiện với đồng loại và không hề ghét bỏ nhau. Bởi trong một thế giới đầy lời buộc tội và không thân thiện, thì rất dễ để tìm có ghét nhau và đối xử với nhau một cách bất công ác độc. Chúa Giê su đã thay Chúa Cha mà dạy chúng ta phải yêu thương con người và hơn nữa là yêu thương người như yêu mình.

“Jésus lấy làm hân hạnh để lời ban khen chư Thiên Mạng đã hiểu rõ giáo lý của Trời trong kỳ Ngươn Hạ. Nhơn sanh hữu phước gặp kỳ ân xá ráng lo tu niệm làm lành lánh dữ, thật hành đúng theo Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Quy cùng sự thương yêu cũng y như Thập Điều (mười điều răn) của Ta khi truyền Đạo, dạy bốn phận làm người có hai điểm chánh:

1. Phải thương Trời.

2. Phải thương người như mình vậy.”⁶

Càng khám phá Chúa Giêsu, chúng ta càng yêu Chúa Cha, bởi Chúa Cha là nguồn mạch yêu thương – là tình yêu chỉ có tuôn chảy, tuôn ra, không giữ lại cho chính mình, là cho đi tất cả. Và có yêu quý Chúa Giêsu, chúng ta mới cảm nghiệm được tình yêu của Chúa Cha và cảm tạ Chúa Cha. Có thấu hiểu được tình yêu của Chúa Cha đối với Chúa Giêsu: Chúa Cha đã giao mọi sự trong tay Đức Giêsu để Ngài thực thi sứ mạng của Ngài là bảo vệ và cứu vớt những đứa con yêu của Chúa Cha, chúng ta mới thấy được tất cả các chiều kích của tình yêu mà Chúa Cha dành cho chúng ta.

Tình yêu Chúa Cha là một tình yêu tha thứ. Tha thứ là dấu hiệu của tình yêu thương. Khi có tình yêu thương, người ta sẵn

6. Đức Chúa Giêsu, Tòa Thánh Thiên Thai, 09–11 ĐĐ 33 (Mậu Tuất 1958).

sàng tha thứ. Trong Tin Mừng, Đức Giêsu nói nhiều về tình yêu tha thứ của Đức Chúa Cha. Đức Chúa Giêsu muốn chúng ta hãy noi theo tình yêu của Chúa Cha. Biết đối xử với nhau như Chúa Cha đối xử với chúng ta. Hãy yêu thương hết mọi người không phân biệt, không loại trừ một ai. Nhất là hãy yêu thương những người bé nhỏ, cùng khổ, bất hạnh. Hãy biết tha thứ những lỗi lầm của người khác.

Tha thứ, yêu thương kẻ thù là điều rất khó thực hiện. Nhưng Chúa Giêsu dạy: *“Các con phải trở nên hoàn thiện như Cha các con trên trời là Đấng hoàn thiện.”*⁷

Tình yêu Chúa Cha là một tình yêu hy sinh. Noi theo Chúa Cha, chúng ta hãy dám hy sinh, chấp nhận chịu thiệt thòi về mình. Yêu như Chúa Cha yêu. Đó mới là tình yêu đích thực. Chỉ có tình yêu bắt nguồn từ Chúa Cha mới bền vững và đem lại hạnh phúc cho nhân loại.

Tu là sửa những gì đã trật. Chúng ta không hoàn hảo và mọi người cũng chưa hoàn hảo, nên chúng ta biết giảm thiểu những bất bình trong lòng. Chúng ta biết mình còn nhiều điều cần sửa lại, nên càng ngày càng nhận ra điều này: “Yêu thương là một hành trình.” Hành trình của yêu thương là rất dài, rất gian khó. Học mãi vẫn chưa đủ, nhận lãnh mãi vẫn chưa đủ, cho đi mãi vẫn chưa đủ. Nhưng chắc chắn rằng những yêu thương sẽ tạo nên sức mạnh để những điều kỳ diệu hiện hữu trên đời. Bởi điều kỳ diệu sẽ có thật nếu được nẩy mầm trên mảnh đất của tình yêu thương. Và khi chắc chắn mình luôn có Chúa Cha ngự trị trong tâm, luôn được Chúa Cha thương yêu, thì chúng ta chắc

7. Mt 5, 48.

chấn đó là hạnh phúc- thứ hạnh phúc vô vàn quý giá. Hạnh phúc đó theo chúng ta suốt hành trình yêu thương.

LỜI KẾT

Chúng ta nhớ tới lời của đại thi hào William Shakespeare nhận xét rất sâu sắc về nhân thế: “Gió mùa Đông không lạnh bằng tấm lòng vong ơn của con người.”

Làm sao có thể quên đi hồng ân Thiên Chúa?

Đức Chúa Cha đã thương yêu con người nói riêng, muôn loài nói chung với một tình yêu không biên giới. Thương những kẻ làm lành, thương cả những người bất thiện. Và giờ đây, thời mạt hạ, Chúa Cha còn dẫn thân vào nơi ô trược để dạy bảo, dìu dắt cứu rỗi con người khỏi cơ tận diệt.

Biết ơn Thiên Chúa, noi gương Chúa Giêsu, chúng ta cũng phải trở nên ánh sáng cho trần gian, hay nói một cách khác, chúng ta cũng phải yêu thương nhân loại, yêu mến thế gian bằng một tình thương rộng mở, một tình thương cứu độ. Nghĩa là yêu thương và sẵn sàng dâng hiến đời mình để làm cho thế gian được sáng hơn, được đẹp hơn. Vì yêu thương hơn loại chính là kính yêu Thiên Chúa.

*“Hiếu gốc hiếu căn là hiếu Đạo,
Yêu thương hơn loại ấy yêu Ta.”⁸*

Và chúng ta cũng biết rằng: càng yêu thương nhau, con người càng giống Thiên Chúa. Càng quảng đại, quên mình, con người càng đến gần Thiên Chúa, và như thế cơ sanh hóa sẽ mãi mãi được bảo tồn.

8. Tòa Thánh Châu Minh, 15-11 Mậu Tuất (25-12-1958).

NGHIÊN CỨU VĂN HÓA SỬ ĐẠO

HUYỀN CƠ CAO ĐÀI

Đạt Tường và
Ngô Chơn Tuệ

Một trong những đặc điểm mang bản sắc Tiên gia của Cao Đài giáo là hình thức tiếp xúc với cõi vô hình cùng các Đấng Thượng Đẳng Thiêng Liêng qua phương tiện cơ bút. Bên cạnh các hình thức dùng Tiểu Ngọc Cơ hoặc Chấn Bút, thông dụng nhất là dùng Song Đồng âm dương hay Độc Đồng thủ Đại Ngọc Cơ.

Có một giai đoạn ngắn, Ôn Trên đã cho phép dùng một hình thức thông công hết sức đặc biệt, trong quá trình phổ độ nhơn sanh, không cần có sự tham gia trực tiếp của Đồng Tử. Đó là Huyền Cơ. Theo ghi nhận của cố Đạo Trưởng Huệ Lương¹, từ xưa đã có ba hình thức thông công đặc biệt của Huyền Cơ gồm: Huyền Cơ “Cơ treo”; Huyền Cơ theo lối Huyền Bút; Thủy Cơ.² Trong buổi đầu của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hình thức Huyền Cơ đã được sử dụng thành công bên Minh Lý Đạo. Tuy nhiên, tại

1. Huệ Lương – Trần Văn Quế (Đắc vị Quảng Đức Chơn Tiên năm 1981).

2. Cao Đài Giáo Lý, số 76, tháng 5-1972

Tòa Thánh Tây Ninh, khi có sự thiếu tin cậy giữa chư vị trong Bộ Phận Thông Công của Hiệp Thiên Đài, Huyền Cơ đã được Đức Lý Giáo Tông gợi ý cho chư vị cầu xin Đức Chí Tôn ban ân để làm giải pháp dung hòa.

Đàn ngày 10-7 Mậu Thìn (24-8-1928) Đức Lý đã có dạy về cầu xin này!³

“... Các em và chư đạo hữu muốn xin điều ấy (Huyền Cơ) thì cứ hiệp lại rồi cầu nơi Đức Chí Tôn cho đến khi có tên người nào lãnh trách nhiệm phò loan thì cứ đó mà theo. Còn từ đây cho đến khi đó thì cứ chung trí mà hành đạo, nghe à.

- (...) (hỏi cách Huyền Cơ).

- *Hỏi thăm Minh Chánh⁴ thì rõ. Các em chưa biết tên ấy à? Bên Minh Lý.”*

Như thế trong Cao Đài giáo, khi xưa lúc mới lập Đạo, một số trong chư vị Tiền Khai có nghe nói về hình thức Huyền Cơ nơi Minh Lý và mong muốn được Thầy dạy dùng hình thức cầu cơ này để tạo lòng tin cho cả hai nhóm vì không có sự tham gia trực tiếp quá trình Thiêng Liêng dạy bảo của đồng tử. Nhưng rồi vẫn chưa có được lệnh dạy tiến hành!

Bốn mươi năm sau, vào năm Mậu Thân (1968), Huyền Cơ theo lối huyền bút đã diễn ra tại Tam Giáo Điện – Minh Tân⁵, trụ sở trung ương của Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất tọa lạc tại số 221 bến Vân Đồn, Khánh Hội, quận Tư, Sài Gòn.

3. Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, Đạo Sử Nhật Ký, quyển 1, tr.443.

4. Minh Chánh là đạo hiệu của ông Âu Kiệt Lâm (1896-1941), nên thường gọi là Âu Minh Chánh, ông là một trong sáu vị lập nên Minh Lý Đạo.

5. Chi Minh Tân khi xưa do ông Lê Minh Khá tạo dựng.

Từ năm Mậu Thân 1968 đến nay, đã năm mươi năm qua đi, sự việc dần chìm vào quên lãng theo độ dày của lớp bụi thời gian.

1. Sự chuẩn bị về nhân sự cho bộ máy thông công huyền bút

Ngay từ đầu năm Đinh Mùi (1967), Ôn trên đã chuẩn bị các nhân sự cần thiết cho bộ máy thông công huyền bút. Năm vị “Thiên Tinh” lần lượt được Đức Tôn Bá Linh hướng dẫn linh phù, mỗi vị chịu trách nhiệm sẽ trấn một phương trong ngũ phương.

Năm Mậu Thân (1968), trong lúc cơ đời chuyển biến dồn dập đau thương, tâm người dao động, ngày 25-02 Mậu Thân, trong buổi đàn cơ tại Hòa Đồng Tôn Giáo (Phú Lâm, Chợ Lớn), Đức Đông Phương Chưởng Quán cho hay sẽ chuyển lập Huyền Cơ để giữ vững đức tin. Mười ngày sau đó, Sắc lệnh chính thức khai lập Huyền Cơ được Đức Đông Phương thông báo và bước đầu hướng dẫn phương cách thực hiện. Cũng trong đàn cơ này, Đức Đông Phương bắt đầu hướng dẫn về phương tiện và cách tổ chức nhân sự. Cùng với việc hướng dẫn thực hiện các phương tiện, thì việc bổ túc cho đầy đủ danh sách các vị nữ phái tham dự cầu nguyện trì kinh cũng được Ôn Trên dạy:

“ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN (...) Giờ lệnh Tôn Sư thọ sắc Chí Tôn khai lập Huyền Cơ nơi điện Tam Giáo. Vậy hiền đồ Hải Thần, Huyền Minh thay mặt nơi trần về lưỡng đài nghe! (...)”

Về phần Trấn Thủ: Thiên Huyền Minh, Thiên Huyền Vân, Thiên Huyền Tinh. Do Thiên Huyền Minh trách nhiệm triệu hồi nghe.

Về Nữ Lưu Ngũ Sắc, được triệu hồi đầy đủ. Cần thanh khiết thân tâm, bắt từ ngày sơ bát, đủ thất nhật được hầu lệnh triệu sau.

Về phần Ngũ Thiên Tinh: Thiên Hoa triệu hồi Ngũ Vị trấn Linh Phù tứ hướng, trung ương. Trung ương họa tám chữ do Kiến Minh, còn bốn hướng tứ vị sẽ minh định sau khi hành sự nghe.

Về Ngũ Sắc Tường Vân đàn sơ thập sẽ minh định. Ngũ Sắc còn khuyết về màu sắc, Tôn Sư thay vào chữ Huyền cùng ý nghĩa, sẽ ban sắc thêm cho đủ số.⁶

2. Sự chuẩn bị về phương tiện cho bộ máy thông công huyền bút

2.1. MỘT LÒ BÁT QUÁI được tạo thành

– Về kích thước của Lò Bát Quái có đường kính 0.81m, cao 0.96m và mặt dưới để trống.

– Mặt trên của Lò Bát Quái là miếng gỗ mỏng màu trắng, chính giữa tạo một Vòng Vô Cực màu xanh đường kính 18 phân, bên trong vòng có 29 chữ và 5 dấu màu đỏ.

Bên ngoài vòng Vô Cực viết tám chữ: LIỄU NHỨT CHƠN NHƠN TRẤN GIỮ TRUNG PHÙ, màu châu sa.⁷

– Trên cạnh bát giác, vẽ Bát Quái Đồ Tiên Thiên⁸: CÀN-Nam; KHÔN-Bắc; LY-Đông; KHẮM-Tây; CẤN-Tây Nam; CHẤN-Đông

6. Huần Cung Đàn, Tỵ thời, 04-3 Mậu Thân (01-4-1968).

7. Huần Cung Đàn, Tỵ thời, 04-3 Mậu Thân (01-4-1968).

8. Cần lưu ý: 4 phương Đông, Tây, Nam, Bắc của Bát Quái Tiên Thiên ngược lại với các phương được sử dụng trong đời sống. Thí dụ: Càn-Nam (ở vị trí Bắc).

Bắc; TỐN–Tây Nam; ĐOÀI–Đông Nam.⁹

– Bên vách Lò Bát Quái, cạnh Đông và Tây chừa một phân khai xuống hai cửa tròn đường kính hai tấc, cạnh Bắc của lò chừa xuống hai tấc khai vô vi một vòng tròn 18 phân.

Một khung trong suốt cũng hình khối bát giác bằng nhựa (plastic) đường kính 0.61m, cao 0.72m (mục đích để phòng ngừa gió).¹⁰ Phía trên làm một chữ thập tượng trưng cho Tứ Tượng, từ chính giữa treo xuống một sợi dây màu vàng với một ngọn

9. Huồn Cung Đàn, Ngọ thời, 10–3 Mậu Thân (07–4–1968):

“Đông Phương Chưởng Quán. Tôn Sư mừng chư hiền đồ. Chư hiền đồ tịnh tâm an tọa nghe Tôn Sư truyền sắc!

Này chư hiền đồ. Hạnh phúc thay! Hạnh phúc thay! Tôn Sư chỉ truyền Thiên Lịnh tạo thành Huyền Cơ. Về khuôn viên Bát Quái, Tôn Sư xem cần điều chỉnh, đây:

– Khai môn nơi Đông, Tây và Bắc phương. Cạnh Đông, Tây chừa một phân khai xuống hai tấc tròn, tiền môn; Bắc chừa hai tấc khai vô vi 18 phân, hiểu chăng?

– Trên cạnh Bát Quái đề Tiên Thiên Bát Quái: Càn–Nam, Khôn–Bắc, Ly–Đông, Khảm–Tây, Cấn–Tây Bắc, Chấn–Đông Bắc, Tốn–Tây Nam, Đoài–Đông Nam, hiểu chăng?

Thiên Tài bạch: (...)

– Tạo xong sẽ chỉ dẫn. Về vòng Vô Cực, đề chữ tùy theo nhưng thưa ra để khỏi nhầm lẫn nghe!”

10. Huồn Cung Đàn, Tuất thời, 04–3 Mậu Thân (01–4–1968):

“(…) Đông Phương Chưởng Quán. Tôn Sư mừng chư hiền đồ. Hải Thần bạch tấu (...)

Vậy nghe Tôn Sư chỉ truyền: Lò Bát Quái tạo khuôn viên đơn giản, trên mặt dùng gỗ, phía dưới để trống, chỉ liên kết cho vững vàng nghe! Về phần trên cần tạo hút vô một tấc, cao bảy tấc hai để trống còn cần dùng nghe. Còn chi cần bạch? Hải Thần bạch: (...)

Trên bảy tấc hai cao, bớt một tấc tức là sáu tấc. Còn Bát Quái để trống nơi dưới tám bên sẽ chỉ dạy sau. Cần tạo hình thức cho y khuôn.

Hải Thần còn bạch chi?”

bút lông độ 4 ly, tận cùng mũi bút màu đen vừa đụng trung tâm cực đờ.¹¹

2.2. Nơi cung truyền thần cho Đồng Tử, tạo một án vị đề: ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN.¹²

3. Sắp đặt hành sự

3.1. Nghi thức cầu nguyện

Khởi đầu, đạo tâm Nam phái bao gồm chư vị Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài đọc bài cầu nguyện từ giờ Ngọ đến giờ Dậu. Đức Đông Phương hướng dẫn: *“Từ giờ này, sau khi Hải Thần sắp đặt, liên tiếp cầu nguyện về Nam phái đạo tâm cho đến Dậu thời nghe (...) Tôn Sư ban ân lành chung. Tôn Sư điển hồi tiên cảnh.”*¹³

Kế đến, các vị Nữ phái Ngũ Sắc Trường Vân và Lục Diệu luân phiên tiếp tục cầu nguyện từ giờ Dậu đến Tý thời theo thứ tự Bạch, Thanh, Huỳnh, Hồng, Huyền, Diệu.

“Về bài cầu nguyện Huyền Cơ trao ra để Ngũ Sắc, Lục Diệu thừa hành, bắt khởi điểm sau Dậu thời liên tiếp đến Tý thời khai huyền pháp nghe Hải Thần!

Hải Thần bạch: (...)

11. Huồn Cung Đàn, Ngọ thời, 10-3 Mậu Thân (07-4-1968): *“Về phần trên án phong, trên mặt chữ Thập nghe! Hình tứ tượng. Tạo một ngòi bút lông độ 4 ly, mũi bút một điểm đen, sợi dây màu huỳnh. Tạo sẵn để vào một cái hộp do Hải Thần, sau sẽ chỉ truyền ứng dụng, hiểu chăng?”*

12. Đạo Lý 28, tr.5, Huồn Cung Đàn, Ngọ thời, 10-3 Mậu Thân (07-4-1968).

13. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Huồn Cung Đàn, Ngọ thời, 14-3 Mậu Thân (11-4-1968).

Sau thời khai mạc, Hiệp Thiên Cửu Trùng thành tâm khẩn nguyện. Kế tiếp trao cho Ngũ Sắc, Lục Diệu thừa hành.

Về Ngũ sắc Tường Vân Tôn Sư nhìn qua, Tôn Sư sắc lệnh để đủ đầy trách nhiệm thừa hành. Hồng Huệ thay Hồng Sắc, Huệ Hương thay Huyền Sắc; Bạch, Huỳnh, Thanh y hành tiền lệnh. Mỗi sắc được sắp xếp ngay hàng trước đại điện khi cầu nguyện.”¹⁴

3.2. Nghi thức lập đàn

Đến giờ thiết lập Huyền Cơ, hai ban Hiệp Thiên Đài nam và nữ sắp hình bán nguyệt nơi điện tiền đọc bài Cầu nguyện Huyền Cơ. Phía sau là Ngũ Sắc Tường Vân, Lục Diệu sắp theo thứ tự các màu sắc ngay hàng thẳng lối. Các đạo hữu tham dự mỗi người đều ngậm một cây nhang, an định tinh thần tập trung tư tưởng.

Tại lò Bát Quái, một nam đồng tử ngồi bên trong. Phía ngoài lò, ở hai hướng Khảm và Ly, mỗi bên có một vị nam Hiệp Thiên Đài để tay vào cửa sổ tròn của lò và đặt lên vai đồng tử, giữ cho yên vững. Kế tiếp mỗi vị là một nữ đồng tử, tay trái bắt Ấn Tý trước ngực, tay mặt đặt vào vai của vị Hiệp Thiên Đài.

Bao chung quanh lò Bát Quái là năm vị Thiên Tinh trấn linh phù: một ở trung ương, và còn lại ở bốn hướng đông tây nam bắc. Ngoại trừ vị trấn trung ương không phải họa nữa, bốn vị còn lại sau khi họa phù vào lò Bát Quái xong, xây mặt ra ngoài về hướng của mình trấn linh phù tiếp, sau đó quay trở lại đứng tứ trụ đối mặt nhau. Ngoài ra còn có ba vị Thiên Huyền trấn thủ tổng quát: chính giữa, bên mặt và bên trái. Tất cả trông vào quan sát khi linh bút di động.

14. Đạo Lý 28, Huòn Cung Đàn, Ngộ thời, 14-3 Mậu Thân (11-4-1968).

Để giữ gìn thanh tịnh cho buổi lập đàn, có một vị hộ đàn được chỉ định. Như sắc lệnh đã ban, đúng ngày 14-3 Mậu Thân, vào giờ Ngọ và giờ Dậu, bộ phận hành sự Huyền Cơ đã lập đàn để được dạy bổ túc những việc cần thiết về nghi lễ và thời điểm Khai Lập Huyền Cơ.

“ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN. Tôn Sư mừng chư hiền đồ. Tôn Sư ban ơn đấng đấng. Giờ nay, thừa sắc lệnh chư hiền đồ y lệnh. Tôn Sư ban ân an tọa nghe Tôn Sư truyền tiếp: đàn khai Huyền Cơ sắp thi hành. Vậy giờ đây Tôn Sư bổ túc.

Về địa thế nơi xây dựng Lò Bát Quái tạm nơi tiền bàn Diêu Trì Kim Mẫu, đúng Tý thời khai Huyền Cơ Pháp. Chư Thiên mạng hiền đồ đã thừa hành, nên định chơn thần hướng vào Huyền Cơ vận chuyển.

Về ngọn bút, Hải Thần trao lên Tôn Sư trấn điển (...) Hải Thần gìn giữ! (...)

Về Tam Thiên cùng Ngũ Vị Thiên Tinh, sau giờ Dậu sẽ thừa hành đàn cơ chỉ dẫn liên tiếp nghe Hải Thần. Nếu có điểm hoài nghi, nên lập đàn Tôn Sư chỉ rõ. Còn những điểm trọng yếu đàn chót sẽ ban hành.

Vậy về Ngũ Sắc, Tôn Sư ban cho Nguyễn Thị Chấn: Huyền An Thánh nghe Hải Thần.

Chí Thành thừa lệnh hộ đàn, Thiên Phục đủ đầy tiếp khai Hòa Đồng Đạo Lý nghe hiền đồ.

Huệ Đăng bạch: (...)

Hiền đồ chưa nghĩ, Tôn Sư đã hiểu, thời gian Tôn Sư sẽ chọn nghe hiền đồ.

Hải Thần hiểu chẳng? Lò Bát Quái tạm dựng tiền bàn Vô Cực. Đàn tiếp sẽ dạy thêm bên trong lò Bát Quái nghe.

Vậy chư hiền đồ nên thừa hành Dụ thời tiếp phân trách nhiệm khai cơ. Về phần Hiệp Thiên Đài, Tôn Sư sắc lệnh Kim Hoa nương đàn tiếp Dụ nghe Hải Thần. Hải Thần bạch: (...)

Kim Hoa tiếp đàn Dụ nơi Tam Giáo Điện, Tôn Sư dạy tiếp thừa hành cơ pháp để có đủ ứng dụng âm dương, hiền đồ nên hiểu.¹⁵

Mọi việc được sắp xếp theo lệnh đã chỉ truyền. Đến Dụ thời, đàn cơ tái cầu sau cùng trước khi lập Huyền Cơ được thực hiện:

“Ta cho hiền đồ tường để tránh phận sự đó Huệ Đăng!

Đông Phương Chưởng Quán. Tôn Sư mừng chư hiền đồ, Tôn Sư ban ân an tọa. Tôn Sư hạ trần sắp đặt cho hiền đồ hành sự. Hải Thần cùng hiền đồ nghe kỹ:

Về Ngũ Vị Thiên Tinh, lệnh truyền Liễu Nhứt, sau khi mãn đàn dời Bát Quái ra năm tấc. Tam ban nghiêm chỉnh, tứ vị Thiên Tinh họa linh phù vào lò Bát Quái rồi xây ra trấn tứ phương. Đoạn dời Lò Bát Quái lên tiền bàn Diêu Trì. Trước khi dời, tứ vị Thiên Tinh cũng thừa hành như dưới, xong, đứng tứ trụ hội diện khai quang nghe hiền đồ.

Phần Kiến Minh quan sát Lò Bát Quái, những chỗ ô trước kỹ lưỡng.

Bên trong Lò Bát Quái, Kim Quang vào trong để tiếp linh điển.

Hướng Khảm Huệ Đăng. Hướng Ly Hải Thần đặt tay vào viên môn, giữ gìn Kim Quang cho yên vững.

Kế tiếp, Kim Hoa tả thủ ấn Tý định nơi trung tiêu, hữu thủ tiếp vào kiên tả Huệ Đăng. Ngân Hoa cũng thế, tiếp vào kiên hữu Hải Thần để tiếp ứng điển Tiên nghe!

15. Huồn Cung Đàn, Ngọ thời, 14-3 Mậu Thân (11-4-1968) – Đạo trưởng Huệ Minh Quang.

Về bút thần, Hải Thần trao cho Huệ Đăng treo ra trên tứ tượng thông xuống vừa đưng trung tâm Cực Đờ, cần cẩn thận nghe!

Tam Thiên Huyền tùy theo lệnh sẵn thừa hành. Thấy thấy chư hiền đồ đều được trông vào để nhìn xem linh bút, ký chú khi linh bút diêu động.

Nơi điện tiền, Hiệp Thiên Đài nam nữ. Đồi bên sắp vòng bán nguyệt khởi đọc bài khẩn nguyện.

Về Ngũ Sắc, Lục Diệu khi mãn đàn tuần tự: Bạch, Thanh, Huỳnh, Hồng, Huyền, Diệu tiếp tục thay phiên cho đến Tý thời. Khi đến Tý thời, mỗi môn đồ đều ngậm hương định thần, phóng chơn thần để tiếp đón linh điển. Khi khai Huyền Linh có lệnh sẽ lại hành nghe chư hiền đồ!

Tôn Sư thượng tấu Đại Từ Phụ xin lập nơi đại điện cho chư hiền đồ quan sát.

Vì Liễu Nhứt cũng khai tấu: vì Huyền Cơ từ lâu chưa khai, cần giữ thanh khiết để đem lại kết quả. Có lệnh, sẽ dờ nghe! Vậy mọi việc phân qua chư hiền đồ ấn tâm.

Cười! (...) Thiên Huyền Vân mật tấu. Nghe Tôn Sư minh: Cõi đời mây che phủ án làm mất ánh sáng hào quang, cần phải vệt trống cho tinh tú soi vào, thế giới mới đạt được ánh quang minh.

Trong giờ khai Huyền Cơ đã tiên tri từ lâu chưa thực hiện. Vậy nên suy nghĩ đoạn của Tôn Sư mà thừa hành, Minh, Tinh, Vân, không thể không kết quả. Như từ lâu đều dụng hình thức để sau đây đến ngày thực hiện, dầu phương pháp nào cũng của Tôn Sư chuyển. Chẳng những dùng Huyền Cơ như thế này, còn nhiều diệu pháp hơn nữa mà chư hiền đồ xem như nan tri tối đại nghe hiền đồ! (...)

Vì những vị Thiên Thần, Thiên Tướng đều giá lâm. Nên giữ tâm tuyệt đối!

Tôn Sư ban ân giã từ điển hồi Tiên cảnh. Thăng.”¹⁶

4. Chuỗi sự kiện các lần thực hiện Huyền Cơ

Sau một thời gian chuẩn bị các phương tiện cũng như tập luyện nhân sự cần thiết cho việc thực hiện Huyền Cơ, mọi người hồi hộp chờ đón.

4.1. Khai lập Huyền Cơ

Mọi việc cần tiến hành, tiếp tục được thực hiện sau lời dạy bổ túc. Cụ thể như sau:

– Lò Bát Quái sau khi đã được trấn linh phù trước điện tiền thì được di chuyển, đặt trước bàn thờ Đức Diêu Trì.¹⁷

– Ba vị Thiên Huyền trấn thủ tổng quát gồm các vị: Thiên Huyền Minh chính giữa, Thiên Huyền Vân bên trái và Thiên Huyền Tinh bên phải.

– Năm vị Thiên Tinh trấn thủ Lò Quát Quái gồm: Kiến Minh Trung ương, Thiên Hoa Đông trấn, Thiên Vân Tây trấn, Thiên Hòa Nam trấn, Thiên Thuần Bắc trấn.

– Trong Lò Bát Quái, nam đồng tử Kim Quang. Ngoài lò, hướng Ly (Đông)¹⁸ Hải Thần tay trái vịn vai đồng tử. Hướng Khảm

16. Huồn Cung Đàn, Dậu thời, 14-3 Mậu Thân (11-4-1968)-Đồng Tử Kim Hoa.

17. Tại Minh Tân, Thiên Bàn thờ Đức Chí Tôn ở trên cao. Hai bên bàn thờ các Đấng Thiêng Liêng có hai hàng cầu thang đi lên trên cao chừng 4m là nơi đặt Thiên Nhân. Bàn thờ Đức Mẹ ở phía sau Thiên Nhân của Thiên Bàn. Vì thế, nếu từ vị trí Cửu Trùng Đài nhìn lên Thiên Nhân sẽ không thấy bàn thờ Đức Mẹ.

18. Đây là nói theo phương hướng thực tế đời sống, chứ theo lý thuyết Kinh Dịch thì phải ngược lại.

(Tây) Huệ Đăng, tay mặt vịn vai Đồng Tử. Nữ Đồng Tử Kim Hoa tay mặt đặt vào vai tả Huệ Đăng, tay trái Ấn Tý. Nữ Đồng Tử Ngân Hoa tay mặt đặt vào vai hữu Hải Thần, tay trái Ấn Tý.

KHAI HUYỀN CƠ

DIỄN TAM GIÁO, Tý thời đêm 14 rạng 15-3 Mậu Thân (11-4-1968).

Bộ Phận Huyền Cơ:

- Thiên Huyền Minh, Thiên Huyền Vân, Thiên Huyền Tinh.
- Kiến Minh, Thiên Hoa, Thiên Vân, Thiên Hòa, Thiên Thuần.
- Hải Thần, Huệ Đăng, Kim Quang, Kim Hoa, Ngân Hoa.
- Hiệp Thiên Đài Nam, Nữ 18 vị; Ngũ Sắc, Lục Diệu 25 vị; hầu đàn nam nữ 50 vị.

▪

Linh Bút Diêu Động! (chỉ chữ)

(Tam Thiên và Ngũ Tinh ký chú)

"LIỄU NHỨT CHƠN NHƠN, sửa ngòi linh bút.

Tiếp cầu: *Tôn Sư mừng chư hiền đồ. Giờ linh Tôn Sư thọ mạng Trời chuyển vận Huyền Cơ trấn trung đàn. Thăng (...)*

THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ. Tôn Sư ban ân lành chung. Tôn Sư, giờ linh ngự trần trấn LÒ BÁT QUÁI. Nghỉ ba mươi phút tái cầu. Tôn Sư thăng. (...)

Tái cầu: (linh bút diêu động)

THI

Náo động Thiên Cung chẳng vị lòng,

Chúa Liêm Thủy Động vốn thần thông;

Năm trăm năm khổ tâm nào nản,

Hạ điển Huyền Cơ ngã NGỘ KHÔNG.

Ta ban ân chư hiền tiếp lịnh. Thăng (...)

ĐÔNG PHƯƠNG: Tôn Sư mừng chư môn đồ. Tôn Sư thừa lệnh Chí Tôn lập thành cơ pháp. Tiếp lệnh Chí Tôn khai cơ. Thăng (...).

THẦY các con. THẦY ban ân lành cho thế gian. Giờ linh THẦY khai cơ, THẦY cho các con nam, nữ được kiến tận huyền linh!

Kiến Minh sắp đặt thứ tự hướng dẫn cho đoàn em tuân tự phớt qua rồi xuống. Thi hành!

THẦY mừng các con nam, nữ. Về sự lạ mắt, đó là bởi đức tính của các con, Thầy mới ban cho các con để hun đúc đức tin lo tròn cơ Đạo chuyển.

Vậy THẦY ban ân lành. Thầy điển hồi Bạch Ngọc. “Cấm”! Thăng.”¹⁹

– Trong lần thứ nhất Khai Lập Huyền Cơ này đã có các Đấng Thiên Liêng sau đây giáng cơ: Đức Tôn Bá Linh trấn trung đàn, chuyển vận Huyền Cơ. Đức Thái Thượng trấn Lò Bát Quái. Đức Ngô Không báo tin Huyền Cơ vận chuyển. Đức Đông Phương Chưởng Quân báo đàn. Và THẦY khai cơ.

– Một tháng sau, quý vị xin Thầy cho lập Huyền Cơ lần nữa. Tý thời Rằm tháng 4 Mậu Thân (11-5-1968), Thầy giáng cơ dạy: “(...) Thầy cũng chịu các con. Miễn các con đầy đủ đức tin đuổi theo đà tiến triển đạo Thầy thì Thầy cũng rộng cho các con duy trì ngày chót, nếu các con bộ phận đầy đủ nghe các con.” Nhưng không thành!

4.2. Huyền Cơ thành công lần thứ hai

Trung thu Mậu Thân (1968), ngày 14-8. Thành phần hành sự:

- Tam vị Thiên Huyền: Thiên Huyền Minh, Thiên Huyền Vân, Thiên Huyền Tinh.

19. Đạo Lý 28, tr. 10, Huồn Cung Đàn, Ngô thời, 14-3 Mậu Thân (11-4-1968).

• Ngũ vị Thiên Tinh: Kiến Minh, Thiên Hoa, Thiên Hòa, Thiên Thuần, Thiên Vân.

• Phụ Khuyết: Thiên Ứng, Hải Vương Tinh.

• Ngũ vị Hiệp Thiên Đài Âm Dương hành sự: Kim Quang, Kim Hoa, Ngân Hoa, Hải Thần, Huệ Đăng.

• Hiệp Thiên Đài hỗn hợp hành sự: Ngũ Sắc Tường Vân, Lục Diệu.

“LIỄU NHỨT. Tôn Sư mừng chư môn đồ. Tôn Sư vận chuyển Huyền Cơ. Có Thái Thượng trấn Lò Bát Quái. Tiếp.

THI

THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ chứng Huyền Cơ,

ĐẠI THÁNH lai lâm đã kịp giờ,

Vận chuyển linh phù theo sắc lệnh,

ĐÔNG PHƯƠNG tiếp chuyển án đồ thơ.

TIẾP LỊNH

VÔ CỰC TỪ TÔN ban điển lành chung cho thế gian. Mẹ mừng cho các con. Kiến Minh hướng dẫn cho mọi con đều được trông nhìn vào, tuần tự nghe các con.

THI

Điều khắc càn khôn tách tự nhiên,

Trác mê vũ trụ xuất Cơ Huyền;

Thể thân thiên cốt điền sơn khoán,

Huyết mạch địa hành thị hải xuyên.

THI

Hỗn độn sơ khai lập lưỡng nghi,

Âm dương thanh trược định giao kỳ;

Đông tây nhị ức tam tam ngũ,

Nam bắc thẳng trường tứ thập quy.

*Các con đều được chứng minh sự huyền bí của Mẹ.
Vì các con thiếu thanh khiết chơn đồng khó tiếp. Vậy cho các
con lên hết (...)*

Mẹ già từ các con, lập Cơ Loan Mẹ sẽ dạy tiếp. Thăng.”²⁰

Đây là lần lập Huyền Cơ lần thứ ba theo sắc lệnh. Sau đó như lời Mẹ dạy, Hiệp Thiên Đài dùng Cơ Loan thiết lập đàn cơ.

4.3. Thành công lần thứ ba sau Sắc lệnh lần bốn thiết lập Huyền Cơ

Sau lần thứ hai thành công trong việc Huyền Cơ, một số vị trong bộ phận hành sự khẩn tấu, muốn được Ông Trên cho phép tiếp tục thực hiện nhưng không được phê chuẩn. Đầu năm sau cho đến đàn ngày 14-02 Kỷ Dậu (1969), Đức Mẹ mới Sắc lệnh cho thực hiện lần nữa vào thời gian Đại Hội của Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất:

*“Ngày Đại Hội điểm son Mẹ chấm,
Chuyển Huyền Cơ phết đậm đó con,
Miễn sao con trẻ lo tròn,
Huyền Cơ ban bố cho con toại lòng.
Đây sắc lệnh hợp đồng nam nữ,
Hiệp Thiên Đài gìn giữ cho y,
Huyền Cơ tiếp chuyển huyền vi,
Trong ngày Đại Hội vậy thì Mẹ ban.
Mượn linh bút lời vàng Mẹ để,
Các con toan tại thể lo tròn,
Giữ gìn chớ dợt lòng son,*

20. Đạo Lý 34, tr. 61, Huần Cung Đàn, Tý thời, 15-8 Mậu Thân (06-10-1968).

Kề ngày Đại Hội này con đã tường.

Vậy các nam nữ hiểu chăng? Hải Thần, Thiên Hoa.

Hải Thần bạch: (...)

Về phần Huyền Cơ tái lập vì lòng Mẹ thương các con để cho các con được hấp thụ huyền linh của Mẹ. Các con tin rằng: nơi cảnh không không mà có. Các con mắt phàm nào thấy được, các con được huệ nhãn quang thì thấy nơi cõi không gian đủ đầy linh động chuyển vận bao vây, không như lòng con đã nghĩ.”²¹

Sau đó, các Đấng Thiêng Liêng có trách nhiệm Huyền Cơ cũng giáng đàn hạ lệnh:

“• TÔN BÁ LINH.

Tôn Sư mừng chư hiền đồ, mừng tam ban đàn tiền tịnh tâm định thần nghe Tôn Sư truyền lệnh.

Tôn Sư vừa thọ lệnh Diêu Cung khai lập đàn Huyền Cơ trong ngày Đại Hội. Vậy Tôn Sư sắc lệnh chư hiền đồ mỗi phần trách nhiệm nên thận trọng đến ngày hành sự đấng đấng. Về Tam Thiên, Ngũ Tinh cùng Tứ Tinh đều chu toàn nghe hiền đồ Thiên Hoa, Thiên Hòa, Thiên Thuần hiện tại.

Về phần Kiến Minh, Thiên Hoa, lo tu chỉnh kiện toàn về tiền bàn Bát Quái Lò, tạo thành một bản văn ngoại ngữ đề 26 chữ cùng 2 dấu tạo khuôn viên như đã có. Điển Văn nghe kỹ.

Bộ phận Hiệp Thiên Đài nên kiện toàn chờ ngày hành sự.

Về phần Kiến Minh, Thiên Hoa tu tạo; Thiên Hoa hiểu chăng?

Nên thận trọng thừa hành, sái nhứt hào sai thiên lý, không đạt được quả lành bị phản ứng luân hồi nghe chư hiền đồ. Vì Huyền Cơ xuất hiện là ngày đại náo, chư hiền đồ đã tường. Như từ lâu Huyền

21. Đạo Lý 40, tr. 31, Huồn Cung Đàn, 14-02 Kỷ Dậu (31-3-1969).

Cơ ban ra từ ngày khai nền chơn đạo đã bao phen tạo thành hình thể, nhưng chưa đến ngày hoạt động tinh vi, cho đến nay lệnh Thiên Điều chỉ phán đó là điều quan trọng.

Chư hiền đồ hữu phúc thay! Hữu phúc thay! Vậy chư hiền đồ mỗi trách nhiệm thừa hành tiếp lệnh Đông Phương. Tôn Sư phán hồi thiên thai lạc cảnh.

• **ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN.**

Tôn Sư mừng chư hiền đồ, Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Tôn Sư vừa thọ chiếu Mẫu Từ thiết lập Huyền Cơ trong ngày Đại Hội.

Vậy Hải Thần nghe lệnh. Về phần Hiệp Thiên Đài nên tịnh định thân tâm chờ ngày lãnh phạt sự nghe. Mỗi mỗi chư hiền từ bộ phận Huyền Cơ đến bộ phận hỗn hợp, nên thân tâm thanh khiết, tịnh khiết, tinh vi để tiếp lệnh huyền linh Thiên điển trong ngày Đại Hội.

Hải Thần hiền đồ tri tường hầu tu chỉnh khuôn viên để cho thuận hành Huyền Cơ chuyển đó hiền đồ. Hiền đồ tri tường tùy phương tiện linh động nhưng không ngoài phương thức nghe hiền đồ.

• **THÁI BẠCH KIM TINH.**

Chiếu lệnh Diêu Cung chuyển khai Huyền Cơ Đại Hội. Đó là điều quan trọng của Diêu Cung sắc tứ để ban ân huệ cho thế gian đồng chung hưởng và đồng chứng kiến máy huyền vi (...)

Này chư hiền Thiên mạng thừa hành sắc lệnh đã truyền ra. Lệnh Diêu Cung chuyển lập cho kịp kỳ công Nữ Đạo đó chư hiền đệ muội, nhiệm trách khá lo âu, mỗi phần Nữ Đạo gắng lo tròn.

Và hôm sau, trong kỳ Đại Hội, đàn ngày 28-02 Kỷ Dậu, Đức Mẹ sắc lệnh chính thức lập Huyền Cơ vào Tý thời ngày 30.

• **VÔ CỰC TỪ TÔN ĐIỀU TRÌ KIM MẪU. (...)**

*Đồng hòa ứng lộ thấy Huyền Cơ,
Nữ Đạo hiện thành lập bốn nguyên.*

THI VÔ VI

*Xây Huyền Cơ, phục vị căn nguyên,
Cứu thế yên, tinh thần nữ.*

■

*Huyền Cơ khai, thống khổ trần ai,
Kiếp đọa đầy, lo giải phá. (trang 13)*

(TÁI CẦU)

*Này các con! Mẹ triệu hồi Ngũ Sắc Tường Vân, Lục Diệu về
hầu Mẹ.*

*Giờ nay các con nghe Mẹ truyền: Vì thương các con nơi trần
gian lao nhọc, đeo đuổi theo lời truyền dạy của Mẹ, con đã phí bao
thì giờ, hao gầy thân thể. Lắm khi các con phải rời Thầy xa Đạo. Mẹ
thương lắm thay!*

*Mẹ chuyển đoàn Nữ Đạo trao trách nhiệm cho các con để các
con lập công bồi đức. Nay Mẹ ban cho các con Huyền Cơ để các con
an ủi lòng phàm trong giờ lao nhọc đó con. Lời thượng tấu của Bá
Linh phải lập thành dù gặp phải cơn khiếm khuyết. Vậy các con
phận sự nghe Mẹ truyền:*

Huyền Cơ tái diễn đúng Tý thời tam thập nghe các con!

*Các con bộ phận để cụ túc Ngũ Sắc Tường Vân, Lục Diệu, mỗi
phái đều tuân hành theo như trước để nguyện cầu. Mẹ sẽ ban
huyền diệu cho các con, để các con an lòng theo Đạo cho đến ngày
phục vị đó các con.*

*Hải Thần, Thiên Hoa con tường chăng? Về phần Hiệp Thiên Đài
trách nhiệm, Mẹ vẫn biết lòng các con lo lắng, lo cho hoàn thành
lời truyền của Mẹ nhưng gặp hồi thử thách. Các con sẽ hiểu sau.*

Vậy tùy mỗi phận, các con thừa hành.

*Thiên Hoa con bạch (...) Mẹ đã truyền cho Bá Linh thực hiện Huyền Cơ theo lời Mẹ phán. Các con nên yên tâm. (...)*²²

Tiếp ngay sau đó Đức Đông Phương và Đức Tôn Bá Linh cũng hạ lệnh cho bộ phận Huyền Cơ chuẩn bị những điều cần thiết.

“• **ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN.** Tôn Sư mừng chung chư hiền đồ.

*Tiếp lệnh Diêu Cung chỉ sắc truyền,
Lập thành cơ pháp dụng linh huyền;
Thế gian muôn nẻo đòi ngang ngược,
Chuyển bút lời ra Lão chỉ truyền.*

Tôn Sư miễn lễ, nghe Tôn Sư truyền lệnh: Hải Thần, chiếu sắc lệnh Từ Tôn thực hành Huyền Cơ y nhưt. Vậy về phần Hiệp Thiên Đài âm dương phối hợp. Hiền đồ nên lo liệu chu toàn. Về phần hỗn hợp nguyện cầu, cụ túc nghe hiền đồ. Tôn Sư truyền lời khá tuân hành Thiên mạng (...).

• **BÁ LINH.** Tôn Sư mừng chư hiền đồ. Tôn Sư thọ sắc Mẫu Hoàng chuyển vận Huyền Cơ theo giờ phán định. Về phần Tam Thiên, Ngũ Tinh, Tứ Tinh chư hiền đồ nên cụ túc để thực hiện lệnh Mẫu truyền nghe hiền đồ Thiên Hoa. Tôn Sư triệu hồi toàn tất hầu lệnh. Tôn Sư sẽ sắp sau, trước đàn Huyền Cơ xuất hiện nghe. Chư hiền đồ sẽ thấy huyền linh của Bá Linh vận chuyển. Thôi, Tôn Sư truyền lời chư hiền đồ.”

Và Đức Lý Giáo Tông cũng căn dặn:

“**THÁI BẠCH KIM TINH.** (...) Mừng thay!

Ngày giờ định phán của Mẫu Từ thực hiện Huyền Cơ, Bàn Đạo

22. Đạo Lý 41, tr.12, 13, 25, Huồn Cung Đàn, 28-02 Kỷ Dậu (14-4-1969).

hạ sắc triệu Thiên Mạng phụng thừa nam nữ đồng hầu lĩnh trước ngày Huyền Cơ xuất hiện, để nhìn vào cơ cấu âm dương tự nhiên chuyển động, đó là một điều hi hữu. Chư hiền đã hiện diện nhị kỳ, mong Bàn Đạo chiếu triệu chư hiền hầu lĩnh.”²³

Sang đến ngày 29, Đúc Chí Tôn giáng đàn ban ân:
“*Đấng Thượng Đế Trời Cha giáng chỉ,
Hỡi các con yêu quý định tâm;
Đạo khai mở lớp bao năm,
Kỳ Tam thống nhứt khó tầm quy nguyên.
Đại Đạo khai khuôn thuyền tế chúng,
Kỷ Dậu sang, Thầy dựng Huyền Cơ;
Vô vi chẳng thấy Thiên cơ,
Cơ Trời ứng hóa tỏ mờ con minh. (...)
Việt Nam cần phục y chánh giáo,
Anh tuấn lo xây tạo đúc thành;
Con ôi Đạo mở sáng danh,
Cao Đài cứu thế ân lành Trời Cha.
Con lời nguyện xin Cha định lập,
Đàn Huyền Cơ chuyển sắp tới đây;
Kim Hoa phận sự giờ này,
Tiếp sang sắc chỉ lĩnh Thầy gia ân.
Danh của con Thầy phân chưa đủ,
Lời bạch xin trấn thủ Huyền Cơ;
Điểm quang Thầy rút kịp giờ,
Ban ân các trẻ Huyền Cơ lập thành.
Con nam nữ lòng thành khẩn nguyện,*

23. Đạo Lý 41, tr.25-26, Huồn Cung Đàn, 28-02 Kỷ Dậu (14-4-1969).

*Lập Huyền Cơ xây chuyển bố ban;
Huê ân Thầy rưới trước đàn,
Giã từ các trẻ Thượng Hoàng Thầy thăng.*"²⁴

Tiếp theo, Đức Tôn Bá Linh dạy bổ túc nhân sự để có đủ thành phần của bộ máy: đồng tử Bạch Hoa được chọn thay thế Ngân Hoa; về Ngũ Vị Thiên Tinh thì bổ túc hai vị Hải Vương và Thiên Ứng.

*"Bá Đạo đua nhau luyện phép màu,
Linh phù huyền diệu một tay râu;
Hạ trần chỉ dẫn Huyền Cơ lập,
Tam Giáo Điện trung chuyển nhiệm màu.*

*BÁ LINH. Tôn Sư mừng chư hiền đồ. Tôn Sư rọi điển quang nơi
đàn tiền truyền lệnh chư hiền đồ tuân hành sứ mạng trong giờ khai
lập Huyền Cơ.*

*Vậy chư hiền đồ: Tam Huyền, Ngũ Tinh đấng đấng cụ túc
thừa hành.*

Hiệp Thiên Đài Huyền Cơ âm dương phối hợp.

*Phần Ngân Hoa, bổ túc Bạch Hoa hành sự. Phần Ngũ Tinh: Kiến
Minh, Thiên Hoa, Thiên Thuần, Thiên Hòa, Hải Vương cùng Thiên
Ứng luyện linh phù trấn thủ ngũ phương; Trung ương Kiến Minh
thường tại.*

*Sau khi mãn đàn dời lò Bát Quái đến tiền môn trấn thủ ngũ
phương, tương tiền bàn Kim Mẫu trấn thủ như tiền. Lục Diệu,
Ngũ Sắc, Hiệp Thiên Đài sắp y như trước. Tiếp lệnh phân công cầu
nguyện nghe Hải Thần cùng Tam Huyền, đúng thập nhứt bán điểm,
Kim Quang nhập lò Bát Quái.*

24. Đạo Lý 41, tr. 31-35, Huồn Cung Đàn, 29-02 Kỷ Dậu (15-4-1969).

Còn phần cầu nguyện, sau đàn thừa hành tiếp tục nguyện cầu nghe chư hiền đồ. Về phần linh bút, Hải Thần trấn an, sau treo nơi tiền bàn nghe Hải Thần. Hiền đồ hành sự như trước.

Tôn Sư sắc tứ chư hiền đồ đấng đấng, nữ nam đồng thanh tâm diệt vọng, tinh khiết tinh vi mới nhập vào Huyền Cơ nghe chư hiền đồ đệ. Tôn Sư phân qua, già từ xuất ngoại đàn. Vậy Tôn Sư điển hồi Trung giới.”²⁵

Đêm khuya, đúng 11g30 như lệnh đã dạy, đồng tử Kim Quang được nhập Lò Bát Quái cùng với bộ phận Huyền Cơ như sau:

- Tam Thiên Huyền: Thiên Huyền Minh, Thiên Huyền Vân, Thiên Huyền Tinh.

- Ngũ Vị Thiên Tinh: Kiến Minh, Thiên Hoa, Hải Vương, Thiên Ứng, Thiên Vân.

- Hải Thần, Huệ Đấng, Kim Quang, Bạch Hoa, Kim Hoa.

- Ngũ Sắc Tường Vân, Lục Diệu.

Mặc dầu ngôn thần bút đã chuyển động qua lại mấy lần nhưng vẫn chưa có Đấng Thiêng Liêng nào giáng cơ. Quý vị Hiệp Thiên Đài phải xả đàn và tái cầu bằng Đại Ngọc Cơ.

TÁI CẦU CHỈ DẪN HÀNH SỰ HUYỀN CƠ

*LIỄU NHỨT CHƠN NHƠN. “Muốn đến non Tiên phải nhẹ nhàng.”
“Chư hiền đồ có thừa hành theo lệnh truyền không? Vì cơ tiếp chuyển linh thiêng, điển vô hình khác hơn chơn đồng trực tiếp. Như thế cần thanh tâm tinh khiết không có lẫn âm khí bao quanh chơn đồng để tiếp Tiên Thiên Khí. Như vậy rất nặng nề cho thể xác chơn đồng. Chư hiền đồ muốn nhìn vào Huyền Cơ lạ mắt thì cần*

25. Đạo Lý 41, tr. 36, Huòn Cung Đàn, 29-02 Kỷ Dậu (15-4-1969).

trau sạch thân tâm mới đạt thành sở nguyện.

Theo lời truyền trước, không giữ được lệnh ban thì chur hiền đồ khó mong đạt đặng. Vậy Tôn Sư cũng ban cho tái lập, nên thi hành đúng lệnh nghe Hải Thần. Tôn Sư già từ.”²⁶

4.4. Huyền Cơ lần thứ tư (thành công lần thứ ba)

Sau khi được chỉ dẫn trở lại, Ban Hiệp Thiên Đài Huyền Cơ lại tái cầu. Và lần này đã đạt được thành công. Nội dung đàn hôm đó như sau:

“Vô Cực Từ Tôn. Mẹ mừng các con. Mẹ cho các con lên, Kiến Minh hướng dẫn.

Các con có hiểu chăng? Từ ngày Vô Cực chưa phân, trước thanh lẫn lộn thì bao năm mới lập thành không? Đúng một muôn tám trăm năm, khinh khí nổi lên làm Trời; một muôn tám trăm năm, trọng khí lóng xuống làm đất, linh khí kết tinh làm nhật nguyệt và tinh tú, trước chất ngưng tụ làm sơn xuyên vật chất; hình Trời như noãn kê bạch, hình đất như noãn kê huỳnh, nhờ không khí vận hành mà chở đặng đất; trời đất cách nhau hai ức một muôn sáu ngàn bảy trăm tám mươi một dặm, hai mươi bốn trượng. Các con có biết một trượng là bao nhiêu không? Một trượng tức là: nhứt xích nhị thốn.

Các con được nhìn vào sự lạ mắt; đó là Mẹ ban cho các con huyền vi để ghi nhận nơi lòng. Sau, Mẹ sẽ dạy thêm. Mẹ ban ân lành chung cho các con. Mẹ già từ Tiên điển phản hồi Diêu Cung lạc cảnh. Mẹ thặng (...)”

Trưa hôm sau, trong đàn cơ giờ Ngọ, Đức Mẹ lại giáng cơ

26. Đạo Lý 41, tr.36, Huồn Cung Đàn, Tuất thời, 29-02 Kỷ Dậu (15-4-1969).

và dạy:

“Vô Cực Từ Tôn. (...) Đây đàn tiền, về phần Giáo Hội Nữ Đoàn, Nam Đoàn, các con ta đã hoàn thành Đại Hội trong tam nhật. Mẹ rất vui mừng ban ân điển cho các con như Tý thời Mẹ ngự Huyền Cơ dạy các con theo như lời các con có hiểu chăng?”

Cười... Các con biết ai chăng? Bạch.

Thắng Phật hạ trần. Nếu không vì lệnh Mẹ thì các con sẽ gặp điều không may đó vậy. Các con nên cẩn thận gìn giữ lời Mẹ dạy. Mẹ rất thương các con, Mẹ dạy con nên ghi lòng để rồi các con khỏi trách Mẹ phiền Thầy nghe các con.

Đàn Huyền Cơ Mẹ dụng danh từ thượng giới, đó là ngoài phạm vi hiểu biết phàm trần để chỉ dạy các con những điều chưa hiểu (...).”²⁷

4.5. Sắc lệnh lập Huyền Cơ lần cuối

Trung thu năm Kỷ Dậu (1969), Huyền Cơ được Sắc lệnh tái lập lần thứ năm nhưng không thành công. Khi tái cầu bằng Đại Ngọc Cơ vào đầu giờ Tý ngày Rằm, Đức Đẩu Chiến Thắng Phật cho biết: một trong những nguyên nhân không thành công là *“Thần Chỉ bị biết bao bàn tay sờ mó, làm mất cả tinh vi.”*

“Lão Tôn mừng chư hiền đồ. Cười, cười (...)

Luật Trời huyền vi bao phủ, những lời Bá Linh đã truyền, chư hiền đồ còn sơ sót. Vậy chư hiền đồ nên lập công thận trọng tẩy trừ trược uế, giải tỏa bao quanh vì đàn Huyền Cơ không lệnh sắc, do lòng hiền đồ khẩn nguyện, cần thanh tâm thanh khiết.

Huệ Đăng lấy Thần Chỉ, Hải Thần trấn thần như trước vì Thần

27. Đạo Lý 41, tr. 47-48, Huồn Cung Đàn, Ngọ thời, 30-02 Kỷ Dậu (16-4-1969).

Chỉ để nơi Huyền Cơ thường trực biết bao bàn tay rờ mó, như vậy mất cả tinh vi. Cần thu xếp sau khi nghe Hải Thần.

Vậy Lão Tôn truyền như thử, Thiên mạng thừa hành. Lão Tôn điểu hồi Tiên cảnh. Thăng.”²⁸

Và sau đó, Đức Mẹ tiếp thêm: “*Các con Ta vì quá lạc quan đem linh phù truyền ban cho kẻ khác. Như vậy đã lạm truyền, lạm truyền tức nhiên vô công hiệu.*”

Sau lần lập Huyền Cơ không thành vào Trung thu năm Kỷ Dậu ấy, Ông Trên cũng không nhắc chi nữa, mặc dầu các đàn cơ hàng tháng vẫn đều đặn và đàn cơ phổ độ lại được gia tăng hơn trước rất nhiều. Mãi đến gần một năm sau, trước sự cầu xin của Ngài Nguyệt Đức Kim Tiên (một năm trước đó, nguyên là Đạo trưởng Huỳnh Đức Phan Khắc Sửu, Chưởng Quán Cao Đài Thống Nhất), Đức Mẹ và sau đó là Đức Thái Bạch có rà soát lại bộ phận hành sự Huyền Cơ.

Nhưng rồi Huyền Cơ không được phép tiếp tục thiết lập vì các lý do sau:

“DIỀU TRÌ KIM MẪU. (...)

Ngày Bàn Đào Hội Yến sắp kề, Nguyệt Đức Kim Tiên thượng tấu xin Mẹ ban huyền pháp cho các con nơi trần để tường tận hầu hun đúc tinh thần lo Đạo. Giờ đây, Mẹ vì lòng từ bi nên hạ điểu đàn tiền cho các con tường.

Này các con: Hải Thần, Thiên Huyền Minh, Thiên Hoa cùng các con điện tiền, vì thiết lập Huyền Cơ là một điều trọng hệ theo Nguyệt Đức thượng tấu, nhưng các con hiện thời có đủ những bộ phận hành sự chăng? Hay là (...) Vậy Thiên Hoa bạch.

28. Đạo Lý 46, tr. 40, Huòn Cung Đàn, Tý thời, 15-8 Kỷ Dậu (26-9-1969).

Thiên Hoa bạch: Ngũ Tinh thì đủ, còn Tam Huyền thiếu Thiên Huyền Vân. Xin Mẹ chuyển tâm.

Vì các con muốn chứng kiến huyền linh, nhưng sợ các con thiếu tinh thần điều khiển thì làm sao hoạt động được như trước kia. Mẹ rọi điển quang nơi trần đã biết như lời của con vừa biện bạch nhưng Ngũ Tinh có thừa, biết đâu thiếu điều màu nhiệm đó con. Về phần Tam Thiên thì đã đành như thế. Mẹ lo ngại cho các con đó.

Như vậy các con muốn thực hiện thì mỗi con trong bộ phận hành sự từ đây phải cương quyết nhiệt tâm đào tạo tinh thần dũng cảm để đạt nguyện vọng mình đó các con. Thiên Huyền Minh con nghĩ sao?

Thiên Huyền Minh bạch: Con xin đề nghị bổ sung thêm Thiên Huyền Tâm để thay thế cho các vị Thiên Huyền khi vắng mặt.

Ngoan thay! Phần Minh Đạo con khá vững vàng. Như vậy Huyền Cơ ắt đã xuất hiện, các con nên kiên cố lòng mình.

Về phần bạch tấu của con sẽ có lệnh Đông Phương kế tiếp. Con nên yên lòng.”²⁹

TAM KẾT

Qua các hình thức và phương tiện thông công như chúng ta đã biết, có lẽ cho đến ngày nay, các hình thức Huyền Cơ (treo bao thơ hay ngọn bút) đều là những phương tiện thông linh siêu đẳng nhứt trong lịch sử cơ bút thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Riêng với Cao Đài giáo, kể từ khi các chư vị Tiền bối bạch và được Đức Giáo Tông Vô Vi dạy cầu xin Thầy ban Huyền Cơ vào năm 1928. Một thời gian sau đó, vào đầu năm 1934, Ngài Nguyễn

29. Đạo Lý 57, tr. 42, Huân Cung Đàn, 14-7 Canh Tuất (15-8-1970).

Ngọc Tương cũng có nhắc đến việc cầu Huyền Cơ để cùng Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc nghe dạy về sổ bộ đất thánh địa.

Bốn mươi năm sau (từ 1928 đến 1968), Huyền Cơ Cao Đài mới thành hiện thực! Một số lượng lớn chức sắc và nhân sanh được huy động dụng thần lực nguyện cầu cho ngọn bút treo “tự chuyển động” chỉ vào bảng chữ cái.

Từ Huyền Cơ Cao Đài (1968) cho đến nay (2018) đã tròn đúng 50 năm. Hiện nay, khung Lò Bát Quái Huyền Cơ- vật chứng ấy vẫn còn được lưu giữ ở Thánh tịnh Tân Minh Quang – đường Hà Huy Giáp, phường Thạnh Lộc, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.



Khung lò Bát Quái – Huyền Cơ hiện được lưu giữ ở Thánh tịnh Tân Minh Quang, quận 12, Tp.HCM

Những mẫu chuyện từ cơ bút

(TIẾP THEO KỲ TRƯỚC)

Đạt Tường sưu tầm

18. Hườn Cung Đàn, 01-01 Giáp Thìn 12-02-1964

“Lý Giáo Tông... Sau đây, Bần Đạo tùy theo vận thơ mà Tổng Thơ Ký vừa trình bày, Bần Đạo hòa nguyên vận và cũng trả lời tâm sự của một người...”

THI

*Có kẻ dần lân muốn hỏi Ông,
Rồng mây gặp hội có nên công,
Rằng khi lan trở đùng xao động,
Nhớ lúc sen phô chớ bột bông,
Gà gáy vừa tan vàng nguyệt bạch,
Chó tru sẽ lộ ánh dương hồng,
Nhờ tay đạo đức ra nâng đỡ,
May được năm hồ cá hóa long.*

Huỳnh Đức khá hiểu. Hôm nay Bần Đạo có chứng kiến những tấm lòng của chư hiền đã bộc phát vào ngòi bút, tạo văn thơ. Bần Đạo rất lấy làm cảm động khi nhìn thấy chư hiền còn nhiều người nhiệt tâm, nhiệt huyết, cố công lo tu bỏ lại nền Đại Đạo. Bần Đạo cũng chẳng biết nói gì hơn, mà có đôi lời khuyến dụ chư hiền luôn luôn xem lệnh Hườn Cung là bất cưỡng. Mỗi người đều có một thử thách riêng, đừng vì quá lo xa mà thành khi thị.

Đó Bần Đạo muốn nói về vấn đề Đồng Tử, chư hiền nên hội ý.”

19. Đàn Cơ Tại Cao Thượng Bửu Tòa (Bạc Liêu). Đức Linh Quang Thổ Địa giải bày về việc in kinh cúng tứ thời.

Vì anh lớn Thông Tâm (Thiên Lý Đàn) đưa tiền cho anh lớn Thông Quang (Đàn Trước Cảnh Quang). Hai nhà đàn này tại Ô Môn – Cần Thơ. Anh lớn Thông Tâm đưa 2.000đ cho anh lớn Thông Quang, sau đó một thời gian chừng hai tháng, khi anh lớn Thông Tâm hỏi anh lớn Thông Quang rằng: “Hôm rày in kinh ra sao rồi chú Năm?” thì anh lớn Thông Quang nói: “Tôi trông anh đem tiền cho tôi đi mà không thấy đem lại, sao anh hỏi kỳ vậy!” Thì ông Thông Tâm trả lời: “Tôi đã đưa cho chú trên hai tháng rồi mà sao chú nói vậy!” Anh lớn Thông Quang nói: “Anh đưa cho tôi hồi nào đâu mà anh nói vậy!” Hai ông cãi nhau đến nỗi giận nhau, không ai tới lui qua lại nữa.

Một thời gian sau có đàn cơ tại Cao Thượng Bửu Tòa – Bạc Liêu gửi đến, phân giải như sau đây:

THI

*“Một buổi chiều kia nắng gắt gao,
Thông Tâm đem đủ số tiền trao.
Xem rồi cất kỹ vào trong áo,
Hiền đệ Thông Quang đếm đủ hào.
Hằng ngày bận việc hiền quên lững,
Nhớ lại rồi ra quý biết bao!
Công quả lo tròn sau tận hưởng,
In kinh công quả quý làm sao!”*

Khi anh lớn Thông Tâm đem đàn cơ đến đưa cho anh lớn Thông Quang xem, thì anh lớn Thông Quang nhớ lại liền.

Nhờ có sự phân bày của Ông Trên mà hai anh lớn không còn giận nhau nữa và hai anh có được thêm đức tin để lo tròn phận sự của mình. (CÒN TIẾP)

NHÂN SANH VÀ SỰ CHUYỂN LUÂN TIỀN - THOÁI HÓA

Đạt Tường



Minh họa: Cọ Trắng

Lúc mới Khai Đạo, Đức Chí Tôn có dạy về ba nẻo chuyển luân của Nhơn sanh:

“Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương. Chư môn đệ và chư nhu nghe:

Chim về cội, nước tách nguồn, từ xưa kiếp con người giữa thế chẳng qua là khách đi đường, phận sự muốn cho hoàn toàn cần phải có bền chí và khổ tâm. Có bền chí mới đạt đặng phẩm vị thanh cao, có khổ tâm mới rõ tuồng đời ảm lạnh. (...)

Mỗi bậc phẩm đều đặng một vai tuồng của Đấng cầm quyền thế giới ban cho; dầu thanh cao, dầu hèn hạ cũng phải gắng làm cho rồi trách nhiệm hầu buổi chung cuộc hồn lìa cõi trần đặng đến nơi khởi hành mà phục hồi công cán.

– Ai giữ trọn bậc phẩm thì đặng Tòa Nghiệt cảnh tương công chiết tội để vào địa vị cao hơn chốn địa cầu 68 này.

– Ai chẳng vẹn trách nhiệm Nhơn sanh phải bị đọa vào nơi U minh địa để trả cho xong tội tình căn quả cho đến lúc trở về nẻo chánh đường ngay mà phục hồi ngôi cũ.

– Bằng chẳng biết sửa mình thì luật Thiên điều chông chập, khổ A Tỳ phải vướng muôn muôn đời đời mà đền tội ác. Bậc Nhơn sanh vì đó mà phải chịu thiên niên chìm đắm vào số luân hồi; vay trả, trả vay, căn quả chẳng bao giờ tiêu đặng.

Các bậc Thần Thánh nếu chẳng biết mỗi Đạo là phương châm tìm nguồn trong rửa bợn tục, thì biển trần khổ này cũng khó mong thoát đặng.”¹

Qua lời dạy của Thầy cho thấy, nơi địa cầu 68 này, các Nhơn

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày mùng 7 tháng Chạp Bính Dần (10-01-1927).

sanh không có cùng một bậc phẩm. Sau mỗi kiếp, khi lia cõi trần, mỗi người tùy theo mức độ thực hiện trách nhiệm đã nhận lãnh trước Thượng Đế mà Tòa Nghiệt Cảnh sẽ phán quyết cho đi tiếp vào một trong ba nẻo.

- Nẻo thứ nhất: Ai hoàn thành vai tuồng thì tiến hóa “vào địa vị cao hơn chốn địa cầu 68 này”. Tùy theo mức độ mà chơn hồn sẽ tiến hóa lên các tinh cầu nhẹ nhàng hơn hay đắc quả vị thiêng liêng.

- Nẻo thứ nhì: “Ai chẳng vẹn trách nhiệm nhơn sanh phải bị đọa vào nơi U minh địa”. Vậy U Minh địa là “lãnh thổ cải tạo” hay “lãnh địa phục hồi nhân phẩm”, là những quả địa cầu có mức tiến hóa thấp hơn địa cầu 68 chúng ta đang sống. Ai không làm tròn trách nhiệm con người thì vong hồn đó sẽ chuyển luân thoái hóa xuống các địa cầu 69,70,71,72.

- Nẻo thứ ba: Còn những ai mang tội ác thì chịu “khổ A Tỳ phải vướng muôn muôn đời đời mà đền tội ác.”

CHUYỂN LUÂN TIẾN HÓA

“Cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong nơi vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm, loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn ngàn, muôn muôn lần mới đến địa vị nhơn phẩm.

Nhơn phẩm nơi thế này lại còn chia ra phẩm giá mỗi hạng. Đứng bậc đế vương nơi trái địa cầu này, chưa đặng vào bậc chót của địa cầu 67. Trong địa cầu 67, nhơn loại cũng phân ra đẳng cấp dường ấy. Cái quý trọng của mỗi địa cầu càng tăng thêm hoài, cho tới Đệ nhất cầu, Tam Thiên Thế Giới. Qua khỏi Tam Thiên Thế Giới thì mới đến Tứ Đại Bộ Châu, mới vào đặng Tam Thập Lục Thiên; vào Tam Thập Lục Thiên rồi phải chuyển kiếp tu hành nữa, mới đặng lên đến Bạch

Ngọc Kinh, là nơi đạo Phật gọi là Niết Bàn đó vậy.”²

Đời sống nơi thế gian là trường tiến hóa. Chỉ có con người mới được Tạo Hóa giao cho quyền chủ động trong sự học hỏi và thực hành. Mà kết quả quan trọng nhất của việc hành là góp tay cùng đấng Hóa Công giúp vạn vật tiến hóa.

“Cõi đời là trường tiến hóa của vạn vật mà độc nhất là con người. Nhưng vào trường tất phải học. Học sao cho thông hiểu tất cả những gì Thượng Đế đã trang trí cho cõi đời để làm nấc thang tiến hóa vượt lên một tầng bậc siêu đẳng thanh khiết hơn để thoát ra khỏi vòng chuyển luân của tạo vật.

Trong sự học hỏi để tiến hóa đó, con người lại có một sứ mạng do Thượng Đế ban phát cho vào đời là để giúp tay Tạo Hóa đưa vạn vật tiến hóa.”³

Chúng ta có thí dụ về sự luân chuyển tiến lên trong thất thập nhị địa:

“Thái Mục Thanh,⁴...

Lão đã thông cùng Địa Tạng Vương, người nói rằng:... đơi một năm nữa, người cho tái kiếp lên Lục Thập Nhứt địa nghe à...”⁵

CHUYỂN LUÂN THOÁI HÓA

“Sanh vào cõi đời, vừa là trường học tiến hóa của vạn linh mà cũng

2. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 15-11 Bính Dần (Dimanche 19 Décembre 1926).

3. Đức An Hòa Thánh Nữ; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-5 Giáp Dần (04-7-1974).

4. Ông Tư Mắt, chữ Hán là Mục. Tên trên giấy tờ là Nguyễn Phát Trước.

5. Đạo Sử Xây Bàn, quyển 2, đàn ngày 15-12 Bính Dần (18 Janvier 1927).

là nơi tạo cảnh thiên đàng địa ngục, vì vậy mọi cái thử thách quyến rũ rèn luyện luôn luôn đến với con người bằng mọi phương cách.

Nếu ai giác ngộ sẽ vượt qua vật dục sở tế để tiến hóa lên hàng Phật Tiên Thần Thánh, bằng ai muội mê sẽ bị vào chốn địa ngục chịu nghiệp trả vay.

Nhưng than ôi! Đọc sách lịch sử từ ngàn xưa cho đến ngày nay, hàng chúng quả Phật Tiên Thánh Thần, hiền nhân quân tử, liệt nữ anh thư không chiếm được một phần ba của nhân loại. Đó đã chứng tỏ vật chất thắng tinh thần.

Bởi làm mất cái thế quân bình nên tiến hóa thì ít mà chịu luân hồi nghiệp quả trong luật trả vay thì nhiều.”⁶

Ngay cả các bậc nguyên căn là Thần Thánh khi vào “biển khổ trần này cũng khó mong thoát đặng” sự thoái hóa nếu không “tìm nguồn trong rửa bợn tục”.

Như thế, con người sẽ bị thoái hóa về mặt tâm linh tương ứng với hình thể phải mang trong mỗi kiếp.

Sự thoái hóa được thể hiện ngay trong thế gian này: cũng làm người bình thường nhưng cách sinh hoạt ăn ở lại thấp kém như con vật; hay có thể ở dạng có hình người nhưng ngây ngô, khờ dại...; có thể là mang hình dạng con người nhưng một phần cơ thể lại có đầy lông như loài thú! Hoặc là mang hình dạng dị nhân... Có những trường hợp tuy là người nhưng phải bị sống, sinh hoạt tiêu tiểu trong chuồng như con vật.

Việc thoái hóa sau khi luân hồi, có thể bị rơi xuống tình trạng hình thể “mang lông đội sừng” trở thành cầm thú.

6. Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-6 Quý Sửu (14-7-1973).

Nhưng cũng có thể bị tụt xuống vào cõi trung giới A Tỳ!

Đức Thượng Đế có dạy:

“Than ôi! Điều vui sướng lao trần chẳng ai buộc mà nhiều kẻ tìm tới, mỗi đạo đức trau thân là phương châm thoát tục, mà lắm kẻ trốn lánh.

Bài bác mới đạo Trời, khoa môi, uốn lưỡi, mà tưởng cho mình hơn đặng các phẩm nhơn sanh, chớ chẳng dè là một hình phạt rất nặng nề đã chực chúng nó nơi chốn A Tỳ.”⁷

LUÂN HỒI THOÁI HÓA NGAY TẠI THẾ GIẠN

Thầy lại dạy tiếp:

“Con người không tu thì phải chịu ở mãi dưới thế giới hữu hình này mà lập công quả, học hỏi cho khôn ngoan cho đến tánh cách chí thiện chí mỹ, thì chừng đó mới sang qua thế giới khác cũng làm y như vậy mà đặng sang qua thế giới khác nữa.

Ít ra, con người phải đầu thai trăm ngàn lần, công phu khổ hạnh mới đặng bỏ địa cầu này đến địa cầu khác, khó nhọc biết bao! Chuyển kiếp đi vòng quanh mãi, trong tam thiên thế giới, tứ đại bộ châu, thất thập nhị địa, tam thập lục thiên.

Đúng ba ngàn, sợ không có chí, khó nhập vào Thiên môn Phật cảnh đặng! (...)

Sự tấn hóa từ con thú đến làm người còn dễ, chớ người mà tấn hóa đến Tiên Phật thật khó thay, vì con người cả mang lòng dục vọng, ham muốn, ưa chuộng tửu sắc tài khí, lưu luyến tình đời, dâm dục quá độ, hung bạo không ngăn, thì phải chịu thoái hóa trở

7. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 02-11 Bính Dần (Lundi 6 Décembre 1926).

lộn xuống, mang lông đôi sừng mà đèn bời tội quá!”⁸

1. Mang hình tướng dị nhân

Một người khi mắc lỗi, có thể luân hồi trở lại kiếp người nhưng ở mức độ tiến hóa thấp như hình thức người mắc “bệnh Down” do bị lệch lạc về nhiễm sắc thể. Những người này tuy khác về dòng họ, chủng tộc, màu da sắc tóc nhưng lại luôn có một dạng khuôn mặt như nhau. Thông thường tuổi thọ của họ không vượt quá 30.

Tệ hơn, có người mang hình thức dị nhân trông như con vượn hay mang hình tướng rất quái dị. Chúng ta có thí dụ qua lời tự thuật của một vị tiền bối Thánh tịnh Ngọc Minh Đài:

*“Xin tường thuật đoạn đường tu niệm,
Mười lăm năm luân chuyển bao lần;
(...)
Hy sinh vì đạo vô ngần,
Chẳng quên chút phận ân cần sớm trưa.
Vì cảnh ngộ đẩy đưa tình thế,
Vì lòng phàm còn để lẫn chen;
Lỡ làm thói cũ đã quen,
Vương mang lấy tội, ăn năn muộn màng.
Khi thoát khỏi trần gian tục lụy,
Công quả kia đặc chỉ Thiên Cung,
Tội làm âu phải đền xong,
Sáu năm trở lại trần hồng hóa sanh.*

8. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 12-8 Bính Tý (27-9-1936).

*Thoát thai bào biển thành quái tướng,
Để cho đời làm tướng dị nhân;...”⁹*

2. Trở lại kiếp thú cầm

Trong trường hợp mắc lỗi nặng hơn nữa, theo luật Nhân Quả, có hồn kiếp sau phải chịu thoái hóa trong “lục đạo luân hồi” trở lại kiếp thú cầm!

Qua Thánh giáo, chúng ta cũng có được một thí dụ, bài học qua trường hợp của một tiền bối chức sắc ở Vĩnh Nguyên Tự, tiền căn là vị Sơn Thần bị mắc “lỗi trĩ biếng phạm sự” nên phải vào thế gian tu lại, đến kiếp thứ hai đã giữ nhiệm vụ Giáo Hữu nhưng vì “sân si” mà gây họa nên phải chịu cảnh luân hồi mười lăm năm trong kiếp thứ ba làm thú vật. Trước khi được đi đầu thai trở lại lần thứ tư, vong linh được Ông trên cho về đàn kể lại.

*“Đệ phúc sanh vào hàng đạo đức,
Tiền căn xưa lãnh chức SƠN THẦN;
Cũng vì trĩ biếng phạm ân,
Thác sanh cõi tạm hồng trần gian nan.
Trải hai kiếp chịu đàng nhơn quả,
Vì sân si tai họa tạo nên;
Đành rằng bản án đề tên,
Chuyển về dương thế chịu đền tội xưa.
Nay tính lại đã vừa ba kiếp,
Ngoài trăm năm gặp dịp xá ân;
(...)”*

9. Đức Hiền Thế Đạo Nhơn, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Ất Tỵ (09-6-1965).
Xin xem thêm toàn bài Thánh giáo nơi phụ lục.

*Cảnh phú quý cơ bần lộn lạo,
Từ nguyên nhân trở tráo hóa nhân;*

(...)

*Nay đệ được thoát vòng lao lý,
Nhờ Thiên Tòa ngọc chỉ thứ tha;
Thứ tư lên chốn trần la,
Độ đời cứu thế chúng tòa Kim Liên.*

(...)

*Trái oan gây tạo một giờ.
Từ người đến thú ai ngờ được chẳng?*

(...)

*Đệ nhắc đến càng nhiều tử hận,
Mười lăm năm còn bận đệ huynh;
Chuyện rồi một kiếp phù sinh,
Tội mình mình gánh, khổ mình ai hay.”¹⁰*

3. Cõi âm của địa cầu 68 này

Có những trường hợp sau khi chết vì nghiệp chướng nặng nề nên linh hồn chưa siêu thoát để luân hồi trở lại dương thế hay chuyển sang địa cầu khác (hoặc tiến hay thoái) mà vong linh vẫn còn ở lại địa cầu 68 này nhưng ở dạng hồn ma bóng quế. Đây là những oan hồn uổng tử vì chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, v.v. hay hồn người tự hủy mình vì thất tình lục dục của bản thân!

Thí dụ một số vong linh nhờ việc siêu độ mà được tiến hóa đầu thai trở lại dương thế:

“Jesus rất mừng nơi đây được thành lập cảnh Thiên Thai này

10. Vong linh Lê Văn Mễ; Vĩnh Nguyên Tự, 02-12 Tân Sửu (07-01-1962).

ảnh hưởng đến phần vong linh chiến sĩ rất nhiều. Vì nơi đây trước kia là một mặt trận biết bao chiến sĩ vong thân; một thời gian qua những linh hồn ấy không nơi nương dựa thành ra phải khuấy phá đồng bào.

Cảnh này là một khoảng đường vắng vẻ rùng rợn. Hôm nay đã tạo thành Thánh Địa được An Vị, ngày hôm nay có tế chiến sĩ. Ông Trên bố pháp huyền diệu vô vi, các linh hồn chiến sĩ từ đây được hồi tâm tỉnh ngộ, vào cảnh tịnh trường để lo dưỡng nguơn thần hầu tái sanh lại đời Thánh đức.”¹¹

Nhưng cũng có những vong linh căn trí quá thấp, vẫn không chịu ăn năn sám hối tu dưỡng sau những hành động sai lệch nơi dương thế mà vẫn để lòng oán giận bức tức, phá phách...

Thí dụ sau cho thấy:

“N.T.P là tôi xin bái tạ Đức Thượng Đế... Thưa ông bà cô bác, tôi vì cái nợ duyên bức tức uống thuốc quỳên sinh. Căn số chưa tới, nên hồn vẫn vu vơ theo mây gió, hoặc những ngọn cây ẩn náo. Vì quá bức lòng nên tôi thường phá phách, gia đình cha mẹ tôi tức giận đập đổ nơi thờ, đem tôi kêu biếu vào chùa.

Khi mới đến ít ngày tôi cũng giỡn phá cùng chị em bạn đạo, nên bị mấy ông Tiên, Thánh đuổi ra khỏi chùa không cho ở, nên hiện giờ hồn tôi cũng vẫn còn vu vơ chưa nhập vào đầu vì chưa đến căn số.

Kim Quang Thần Sứ phải bắt buộc tôi ở nơi chùa để tu, nhưng tôi không tu được.

Giờ nay Thanh Hà dẫn tôi về đây, để bày tỏ đôi điều để chứng minh vô hình cùng nhục thể. Thôi tôi có ít lời, xin già từ. Thăng.”¹²

11. Thiên Thai, 09-11 ĐĐ 32 (Đinh Dậu, 29-12-1957).

12. Nhựt Ấn Đàn-Tiền Giang, Hợi thời, 06-01 ĐĐ 71 (1996).

THOÁI HÓA VÀO ÂM QUANG – CẢNH NGỤC MÔN

Lời Thánh ngôn sớm nhắc đến A Tỳ đã được Đức Chí Tôn dạy trong đàn ngày 25 tháng Giêng Bính Dần (09-3-1926):

“M., nghe dạy: (...) Ngươi là hiếu hạnh, chẳng lẽ để cha mẹ chịu đọa A Tỳ. Nghe mà ăn năn sám hối (...) Ngươi làm tội chó Cha ngươi là trung hiếu lưỡng toàn, hay thương yêu đồng chủng, mà bị tội giáo tử bất nghiêm để đến đổi hại sanh linh đã lắm lúc nên bị tội liên can đó mà thôi. Phải ở tại ngục Nguơn Tiêu mà đợi ngươi đến.”¹³

Trong đoạn Thánh ngôn trên chúng ta thấy có 2 danh từ: A Tỳ và ngục Nguơn Tiêu. Để ý kỹ hơn, chúng ta thấy Thầy dùng cụm từ “đọa A Tỳ” và “Cha ngươi... bị tội liên can... phải ở tại ngục Nguơn Tiêu.”

Qua lời dạy của Đức Chí Tôn, chúng ta thấy A Tỳ là một miền, còn Nguơn Tiêu là một cơ sở được dùng giam giữ tội nhân trong miền đó. Đoạn Thánh ngôn này gợi ý để chúng ta cần đào sâu tìm hiểu kỹ hơn quan niệm về âm phủ theo giáo lý Cao Đài là thế nào.

1. Âm quang là tên khác của miền Âm cảnh

Năm 1932, Đức Bát Nương giảng cơ giải thích thêm về địa ngục theo góc nhìn của giáo lý Cao Đài:

“Âm quang là khí chất hỗn độn sơ khai, khi Chí Tôn chưa tạo hóa; làn âm khí ấy là Diêu Trì Cung chứa để tinh vi vạn vật (...) Khi Chí Tôn đem dương quang ảm áp mà làm cho hóa sanh thì cái khoảnh âm quang phải thối trầm làm tinh đầu là cơ quan sanh hóa vạn linh. Song làn âm quang ấy có giới hạn, nghĩa là nơi nào ánh linh

13. Thánh Ngôn Sư Tập I-Tây Ninh số 12, Nguyễn Văn Hồng.

quang của Chí Tôn chưa chiếu giám đến thì phải còn tối tăm mịt mờ, chẳng sanh chẳng hóa.

Vậy thì nơi khiếm ánh thiêng liêng là Âm quang, nghĩa là Âm cảnh hay là địa ngục, Diêm đình của chư Thánh lúc xưa đặt hiệu. Vậy thì chính lời nhiều tôn giáo, nơi ấy là những chốn phạt tù những hồn vô căn vô kiếp như quả buộc ràng, luân hồi chuyển thế... Ấy là một cái quan ải, các chơn hồn khi quy thiên phải đi ngang qua đó... Có nhiều hồn chưa qua khỏi đặng, phải chịu ít nữa đôi trăm năm, tùy chơn thần thanh trược... Em biết đặng nhiều hồn còn ở lại nơi ấy trót ngàn năm chưa thoát qua cho đặng.”¹⁴

Vậy nơi nhân gian gọi địa phủ là nơi để phạt tù những hồn tội lỗi, chư Thánh khi xưa gọi là Âm cảnh hay Diêm đình thì ngày nay Cao Đài giáo gọi là miền Âm quang.

Dương gian và âm cảnh cách biệt với nhau bởi quan ải, đó là nơi các hồn khi chết đều phải qua nơi đó để “giải thân định trí”. Cửa ải đầu tiên ấy, tất cả mọi hồn chúng sanh đều phải bước qua là Nghiệt Cảnh đài.

2. Nghiệt Cảnh đài nơi hồn ôn tội phước

Sau khi qua quan ải vào miền Âm cảnh, nơi đầu tiên các hồn đều phải ghé vào là Nghiệt Cảnh đài. Đức Chí Tôn có nói:

“Đài nghiệt cảnh là nơi rọi sáng các việc lỗi lầm, bước luân hồi sẽ dẫn vào nơi u khổ cùng sâu mà đọa đầy đời đời kiếp kiếp. Ấy là buổi chung quy của khách trần đó.”

Kết hợp đoạn Thánh giáo này với lời Thánh ngôn của Thầy trong Thánh ngôn Hiệp tuyển 1 đã dẫn bên trên chúng ta có thể

14. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, Tòa Thánh Tây Ninh (10-1932).

hiếu Nghiệt Cảnh đài, là một cơ sở lưu trữ thông tin của tất cả các hồn, được đặt trong Tòa Nghiệt cảnh.

Với những nhân chứng vật chứng thật, trực tiếp liên quan đến các hành vi của hồn trong kiếp sống vừa qua, mỗi vong hồn đều khẩu phục tâm phục trước phán xét “tương công chiết tội” của Tòa Nghiệt cảnh.

2.1. Thanh Tịnh Đại Hải, một khu vực cải tạo của A Tỳ

Sau phán quyết của Tòa Nghiệt cảnh, vong linh người có tội được chuyển đến một khu vực khác trong cõi A Tỳ gọi là Thanh Tịnh Đại Hải. Có thể xem nơi đây là một trường cải tạo để giáo dục cải hóa những chơn linh có tội nhưng chưa đến mức phải đưa ra tòa xử án. Chúng ta thấy một đoạn Thánh giáo vào năm Ất Hợi (1935) ở Tòa Thánh Tây Ninh:

“H.Q.D. Tiểu nhân xin chào chư vị đại đức. Lụy...

THI

Hèn lâu mơ ước đến thăm nhau,

Thanh Tịnh bấy lâu ở ngục lao;

Giận nặng hồng trần cân Tạo Hóa,

Hồn nhiều quả kiếp số Nam Tào.

Xe hồng đồ phước ngơ tay vịn,

Cánh hạc tuôn duyên cửa đọa nhào;

May gặp ân nhân Lê Đại Đức,

Ngọc Hư cứu rỗi khỏi âm tào.

(...) Tớ có gặp Lễ Sanh Thuận ở Thanh Tịnh Đại Hải Chúng. Hôm nọ cùng tớ mới thọ lệnh Ngọc Hư đắc phong Thần vị.”¹⁵

15. Thánh Ngôn Sưu Tập II-Tây Ninh số 22, Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng.

Hộ Pháp Đường 02-12 Ất Hợi (27-12-1935) Phò Loan: Hộ Pháp – Tiếp Đạo.

Sau một thời gian mắc kẹt ở đó đặng sám hối ăn năn, nhờ công đức khi xưa hành đạo phổ độ Nhơn sanh nên chơn linh được Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung¹⁶ cứu rỗi vượt qua miền Âm cảnh để đắc phong Thần vị.

Chúng ta hãy xem một thí dụ khác nói về sự khổ ở nơi này của chơn hồn một tiền bối là Lễ Sanh ở Tây Ninh:

“Thưa sư phụ, hôm con mới chết, ôi thôi nó khổ biết chừng nào! Một nỗi bị mẹ thẳng Đường nó kêu tới kêu lui, chịu đả không nổi! Thảm mới vừa hết thì lệnh Ngọc Hư Cung sai Như Ý Đế Quân bắt đem qua Thanh Tịnh Đại Hải Chúng. Thưa sư phụ, ở chỗ đó khó quá! Bị bọn quỷ lồi, cô hồn gì đủ thứ nó mắng nhiếc tới ngày. Nhưt là nó chửi con là đồ làm biếng, tu gì cái đám thầy chùa mê hoặc.

Hại nỗi, mấy tay phản đạo cũng có trong đám đó, đứng làm đầu xúi giục bọn kia chửi mãi. Con chịu như vậy hoài nên muốn chết đi cho rảnh. Ngặt chết không đặng, nó hành con quá chừng!...

Con ở đây một thời gian chẳng đặng bao lâu thì Đức Quyền Giáo Tông kêu con nói rằng: có lệnh Ngọc Hư cho con đi phó nhậm nơi tỉnh Ninh Bình làm ông Thần tại đó.

Thật cũng là may quá! Ấy là nhờ bà Thất Nương thương tình thấy con thiệt thà lại bị đám âm hồn nạ quỷ hành hạ căn kiếp của con nên bà ra tay giúp đỡ.”¹⁷

Qua hai đoạn Thánh giáo trích dẫn, chúng ta có thể hiểu Thanh Tịnh Đại Hải là trường giáo dục cải tạo nơi miền âm cảnh. Như tên gọi, đó là nơi để các hồn ăn năn sám hối tội xưa đồng thời tập cho tâm được thanh tịnh.

16. Đã liểu Đạo và nhập cảnh thiêng liêng hằng sống

17. Hộ Pháp Đường 04-5 Bính Tý (22-6-1936).

Với những đạo hữu trong Tam Kỳ, công đức đã gầy dựng trong kiếp sống được khoan vùng chờ đợi, sau khi đã trả quả xong có thể được đặc vị Thần.

2.2. Ngục Nguơn Tiêu

Đây là một cơ sở tù đầy khác trong miền Âm cảnh, là nơi giam giữ những hồn mắc tội ở mức độ vừa phải.

Chúng ta đọc lại đoạn Thánh ngôn của Thầy dạy tiền bối Tư M. lần đầu khi mới theo Cao Đài:

“M., nghe dạy: (...)

Cha người là trung hiếu lưỡng toàn, hay thương yêu đồng chủng, mà bị tội giáo tử bất nghiêm để đến đổi hại sanh linh đã lắm lúc nên bị tội liên can đó mà thôi. Phải ở tại ngục Nguơn Tiêu mà đợi người đến.”¹⁸

2.3. Vọng Thiên đài và Vọng Thiên cung

Bài Thánh ngôn thứ hai, Đức Lý dạy ông Tư M.:

“Thái Mục Thanh,¹⁹... Lão đã thông cùng Địa Tạng Vương, người nói rằng: Phải đem vào Vọng Thiên đài, mà đợi một năm nữa, người cho tái kiếp lên Lục Thập Nhứt địa nghe à...”²⁰

Ngục Nguơn Tiêu, nơi giam những vong mắc tội liên can chứ không phải là tội nhân chánh. Nơi đây có những cơ sở nhánh mang tên là Vọng Thiên đài hay Vọng Thiên Cung²¹ là nơi lưu giữ những chơn hồn sau khi trả quả xong sẽ được tiến hóa.

Tùy theo công đức của bản thân và con cháu mà vong sẽ

18. Thánh Ngôn Sư Tập I- Tây Ninh số 12- Nguyễn Văn Hồng.

19. Ông Tư Mất, chữ Hán là Mục. Tên trên giấy tờ là Nguyễn Phát Trước.

20. Đạo Sử Xây Bàn 2, Mardi 18 Janvier 1927 (15-12 Bính Dần).

21. Xin xem lại lời dạy của Thầy về đám tang mẹ ngài Nguyễn Trung Hậu.

được đi đầu thai tiến lên những tinh cầu nhẹ nhàng hơn như trường hợp cha ông Tư M. được giữ tại “Vọng Thiên đài” hay như trường hợp của mẹ Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu thì ở “Vọng Thiên Cung” chờ siêu thăng vào thượng cảnh.

“Con Trung, con viết một lá sớ như vậy: “Lịnh Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát hứa dữ Địa Tạng Vương Bồ Tát khả thâm chơn hồn thị... tử... nhứt... ngoạt... niên, giam tại Vọng Thiên Cung. Chờ công quả Hậu mà thăng lần lên.”

3. U minh địa: những tinh cầu lạnh lẽo, thấp hơn địa cầu Ở góc độ xem xét về sự tương thích giữa việc thoái hóa tâm linh với quả địa cầu mà mỗi nhân vật phải chuyển hóa đến theo luật nhân quả, chúng ta nhận ra:

Trong hệ mặt trời, xa hơn trái đất và Hỏa tinh là 4 hành tinh vòng ngoài với Mộc tinh và Thổ tinh là 2 trong các hành tinh này có thành phần cấu tạo dạng khí nhiều hơn dạng rắn nên được gọi là “hành tinh khí” còn Thiên Vương tinh và Hải Vương tinh được gọi là “hành tinh băng đá”. Và ngoài cùng là Diêm Vương tinh. Năm hành tinh vòng ngoài này âm u và lạnh lẽo hơn bốn hành tinh ở vòng trong, nhất là Diêm Vương tinh ở rìa ngoài cùng!

Điều này cho thấy không có sự khác biệt giữa khoa học và Đạo học! Thánh ngôn của Đức Chí Tôn gọi các miền âm u đó là U minh địa trong vùng “Âm quang”.

4. Phong đô là nơi thọ án

Với những vong tội lỗi nặng hay phạm vào những tội ác thì bị Tòa Nghiệt Cảnh phán quyết đọa vào Phong Đô để thọ án. Sau khi thụ án xong, vong được cho đi đầu thai trở lại. Nhiều hồn ở

lại đây đôi ba trăm năm hay cả ngàn năm.

“Bạch sư phụ,²² con là Th.(...).

Bạch sư phụ, làm ơn nói với ‘Năm S.’ và ‘Sáu U.’ rằng ‘K.’ bị án sa đọa Phong đô, nhưng nhờ công nghiệp tạo tác Tòa Thánh, Đức Chí Tôn ân xá cho chuyển kiếp luân hồi mà chưa đi, còn đương kiếp ông ‘Ch.’.”²³

Bát Nương giảng giải hình phạt này trích trong quyển Luật Tam Thế (Tòa Thánh Tây Ninh) chép ra như sau:

“Thoảng như bị tận đọa tam đồ bất năng thoát tục thì chơn linh bị ngăn cản không được hiệp với chơn thần, làm cho đệ nhị xác thân (chơn thần) phải trở lại chuyển kiếp từ bực kim thạch cho đến làm người, và phải chuyển kiếp trở lại đủ ba vòng mới được khởi lập công lại.

– Có phải ba vòng đều trở lại từ bực kim thạch không?

– Phải vậy.

– Một vòng cũng đủ giác ngộ rồi cần gì ba vòng?

– Bởi phạm thệ của Thiên điều chớ không phải phạm tội. Phạm tội cũng có khi trở về kim thạch chớ.

– Nếu phạm tội thì phạt tới thú cầm là đủ, cần gì phải tới kim thạch?

– Kiếp hóa nhân thì về quý vị, còn kiếp nguyên nhân phải bị đọa đày như vậy mới sánh với quý vị được chớ.

Đó là luật Thiên điều đã định. Dù cho nguyên nhân hay hóa nhân cũng đồng hình phạt; lẽ công bình là đó.”

22. Sư phụ đây là Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

23. Phối Thánh Bùi Ái Thoại, Thánh Ngôn Sư Tập III số 30, Nguyễn Văn Hồng. Báo Ân Từ, 07-11 Mậu Tý (07-12-1948).

KẾT LUẬN

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Chí Tôn có dạy:

“Còn phẩm trật Quý vị cũng như thế ấy; nó cũng noi chước Thiên Cung mà lập thành Quý vị, cũng đủ các ngôi, các phẩm đặng đầy đọa các con, hành hà các con, xử trị các con. Cái quyền hành lớn lao ấy, do Thầy ban cho nó nên đặng quyền cảm dỗ các con, xúi biếu các con, giành giật các con, mà làm tay chân bộ hạ trong vòng tôi tớ nó.”²⁴

Các phương tiện quý vương sử dụng để dụ dỗ là: tiền tài, quý kim; âm thanh, sắc tướng, vị ngọt, hương thơm; danh lợi, quyền chức; v.v. Sức cảm dỗ của quý vương mạnh đến mức ngay cả bậc Thiên Tiên còn bị mê hoặc! Đến nỗi Thầy đã phải than:

“Ôi! Thảm thay! Thảm thay! Các mối đạo Thầy đã liều thân lập thành đều vào tay chúa Quý hết; nó mê hoặc các con.

Nhiều bậc Thiên Tiên²⁵ còn đọa; hướng lựa là các chơn thần khác của Thầy đương nắn đúc thế nào thoát khỏi.”²⁶

Con người bị thoái hóa vào miền “Âm cảnh”.

Trong miền đó nếu như U minh địa, khu vực này là phần thấp kém nhất của bốn quả địa cầu dưới cùng trong thất thập nhị địa. Nhưng vẫn thuộc về miền địa cầu có mức độ tiến hóa thanh cao hơn, vẫn còn trong thái dương hệ!

Trong khi đó, Phong đô thuộc về A tỳ là nơi hành phạt các hồn mang tội ác có thể bị giam đến cả ngàn năm.

24. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 15–11 Bính Dần (19–12–1926).

25. Bậc cao nhất trong Tiên vị theo hệ thống Tam tài (từ thấp lên cao: Địa Tiên, Nhơn Tiên, Thiên Tiên).

26. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 27–4 Đinh Mão (27–5–1927).

“Con ôi! Nội tướng tài thành”

Diệu Thuận

Từ xưa, quan niệm trọng nam khinh nữ, khuê môn bất xuất đã trói buộc người phụ nữ trong không gian bếp núc, nhưng có ai hiểu được đằng sau sự thành công của nam phái thì phụ nữ đóng một vai trò rất quan trọng trong cuộc sống gia đình.

Người phương Tây có câu châm ngôn: “Behind every successful guy, is a woman.” Nghĩa là “Đằng sau sự thành công của người đàn ông luôn có bóng dáng người phụ nữ”. Bởi vì người phụ nữ được xem là một người nội tướng trong gia đình. Một gia đình sẽ được hạnh phúc, êm đẹp khi có được một người vợ đảm đang, một người mẹ hiền gương mẫu.

Kể từ khi Đức Thượng Đế khai mở tôn giáo Cao Đài, Đức Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng đã dành rất nhiều hồng ân cho phái nữ, với những lời châu tiếng ngọc dạy dỗ, nâng cao vị trí và vai trò của người phụ nữ:

“Con ôi! Nội tướng tài thành

Cho nên phận gái Mẹ dành hồng ân.”¹

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-12 Quý Sửu (07-01-1974).

Nội tướng:

Thuở xưa, người vợ trong nhà được gọi là nội tướng và họ có quyền cai quản mọi việc trong nhà như: sổ sách chi tiêu, dọn dẹp nhà cửa, cai quản gia đình, nuôi dạy con cái... Ngày nay, vai trò của người phụ nữ còn phải nặng nề và cực khổ hơn vì họ vừa phải đi làm việc kiếm tiền phụ với chồng, vừa tham gia vào các hoạt động xã hội, vừa phải chu toàn thiên chức làm mẹ, làm vợ, làm con. Người xưa thường nói người đàn ông cho dù khéo léo đến đâu vẫn không thể chăm sóc cho gia đình, con cái và bản thân họ một cách chu đáo như phụ nữ.

Bởi thế, người xưa có câu: “Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm”, điều đó chứng tỏ thiên chức của người phụ nữ trong gia đình hết sức quan trọng, phải đảm đương xây dựng tổ ấm. Bốn phận của người phụ nữ trong gia đình được ví như vai trò của một vị tướng chỉ huy ba quân. Từ đó, đòi hỏi người phụ nữ phải có tài thao lược, phải có kế sách, chiến lược chi tiêu trong gia đình, lo cho gia đình được hạnh phúc, êm ấm, con cái được thành đạt. Chỉ cần một chút lơ là bốn phận sẽ dẫn đến gia đình tan vỡ, con cái khốn khó. Có thể nói vô số công việc và gánh nặng không tên đè nặng trên đôi vai gầy yếu của người phụ nữ.

Người phụ nữ trong gia đình cũng được ví như một người thợ may khéo léo, dù mảnh vải to hay nhỏ, đẹp hay tầm thường nhưng dưới bàn tay khéo léo của người thợ may thì mảnh vải sẽ trở thành chiếc áo dài hay áo ngắn, không hề phí phạm. Cũng như thế, trong vai trò của người nội tướng, người phụ nữ tá trợ đắc lực cho chồng trên con đường sự nghiệp, cùng chia ngọt sẻ bùi, đắc thất bại thành với chồng. Bên cạnh đó,

người phụ nữ còn phải đảm đang trong việc thêu thùa bếp núc, sắp xếp nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp, làm tròn bổn phận làm con, làm dâu; đồng thời thực hiện thiên chức làm mẹ trong việc nuôi dạy con cái cho nên người có ích cho xã hội, thành đạt trong cuộc sống.

Sử sách ngàn xưa đã ghi chép lại biết bao tấm gương của bậc hiền phụ đã vì tương lai sự nghiệp của chồng mà chịu lắm hy sinh, khổ cực; có người đã cắt tóc đem bán làm lộ phí cho chồng lên kinh ứng thí. Ở nước ta, có tấm gương của bà Nguyễn Thị Tồn là vợ của ông Bùi Hữu Nghĩa, đỗ Giải Nguyên thời vua Minh Mạng, bị kẻ gian hãm hại và bị kết án tử hình. Bà Nguyễn Thị Tồn đã không ngại khó khăn gian khổ, đường sá xa xôi vịn dấm từ Hậu Giang ra tận kinh đô Huế để minh oan cho chồng, được Thái Hậu Từ Dũ, mẹ vua Tự Đức, ban tặng cho tấm biển khắc bốn chữ vàng: “Liệt phụ khả gia”. Nhưng rồi trên đường vịn dấm bôn ba trở về, bà kiệt sức và đã từ trần, không có chồng bên cạnh.

Còn đối với việc nuôi dạy con cái, là thiên chức của người làm mẹ. Gương Mạnh Mầu ba lần dời nhà để dạy con nên người có thể cho ta thấy được sự tài giỏi và khó khăn biết bao của người làm mẹ, làm sao cho con mình trở nên người đạo đức, thánh thiện. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*“Xưa Mạnh Mầu cầm chân Mạnh Tử,
Theo học đòi trung thứ lễ nghi,
Ngày nay tiết nghĩa còn ghi,
Nho Tông Khổng Mạnh, Đông Tây kính nhường.”²*

2. Thánh thất Bình Hòa, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

Thiên chức của người mẹ rất cao cả, và quan trọng, đó chính là sự khoan dung tha thứ, sự khéo léo ứng xử, sự công bình và một tình thương giành cho con bao la vô bờ bến.

Để thực hiện được vai trò của người nội tướng, đặc biệt là trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, do đặc ân đại ân xá của Đức Thượng Đế khai mở, nữ phái có đầy đủ quyền năng song hành cùng nam phái trên đường tu công lập đức, tu học, hành đạo...

Đức Mẹ dạy: *“Mẹ vốn biết thân phận nhi nữ còn gồng gánh gia đình, nhưng Thánh xưa cũng đã ban cho các con nội tướng tài thành thì với đức nhu thuận của Khôn nguyên cũng sát cánh Đạo Kiền mới tạo lập thế giới vạn sanh, nên các con phải cố gắng.”*³

Như vậy, nữ phái tượng trưng cho Khôn Đạo, mang đức tính nhu thuận, trưởng dưỡng, nhưng luôn thuận theo Kiền đạo. Cho nên, nữ phái cần tu, học và hành theo lời dạy của Đức Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng để có đủ khả năng:

- Hỗ trợ các thành viên trong gia đình và dạy dỗ các con.
- Quán xuyến mọi việc trong gia đình để nơi này luôn là một tổ ấm của yêu thương, hạnh phúc và thành đạt.

Muốn làm được như vậy, nữ phái cần phải trau dồi Tứ đức: Công, Dung, Ngôn, Hạnh. Đây là một điều mà bất cứ trong xã hội nào dù xưa hay nay, người phụ nữ cũng cần phải noi theo. Đây chính là những nề nếp gia phong tốt đẹp giúp cho nữ phái trau luyện tánh nết, nâng cao nhân cách của mình cho phù hợp với trình độ tiến hóa của nhơn sanh thời nay.

Khi xưa trong Gia Huấn Ca, Nguyễn Trãi có dạy con gái về

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-8 Nhâm Tuất (30-9-1982).

Công, Dung, Ngôn, Hạnh:

“Công là đủ mùi xôi thức bánh,
Nhiệm nhật thay đường chỉ mũi kim.
Dung là nét mặt ngọc trang nghiêm,
Không trau chuốt không chiều lả tả.
Ngôn là dạy trình thừa vâng dạ,
Hạnh là đường ngay thảo kính tin.
Xưa nay những bậc dâu hiền,
Công Dung Ngôn Hạnh là tiên phạm trần.”

Công:

Là nữ công gia chánh, là việc may vá thêu thùa, chăm lo bếp núc, dạy dỗ con cái trong gia đình, là chức năng và thế mạnh của người phụ nữ. Gia Huấn Ca có viết:

“Vá may giữ nếp đàn bà,
Mũi kim nhỏ nhặt mới là nữ công.”

Chính nhờ tài khéo léo sắp xếp mọi việc trong nhà cho trật tự, gọn gàng, ngăn nắp, hết lòng chăm lo miếng ăn, miếng uống cho chồng con để giữ gia đình được hạnh phúc. Thiên chức làm vợ, làm mẹ là một điều mà Thượng Đế đã ban cho nữ phái tượng trưng bởi đạo Khôn, là đạo thừa thuận, và tài thành tức cất xén chỗ dư, bồi chỗ thiếu, quán xuyên mọi việc lớn nhỏ trong gia đình, lặng lẽ hy sinh để đem mọi điều tốt đẹp đến cho các thành viên trong gia đình được ấm êm, hạnh phúc.

Trong Kinh Triết Luận Huấn Nữ, Đức Mẹ có dạy:

“Đến phụ 'công' muôn ngàn lời bảo,
Phận nữ nhi là đạo gia đình,
Chủ trương con khá giữ gìn,

Đủ nghề may, vá, cửi canh con à!"

Đặc biệt trong Tam Kỳ Phổ Độ, đức Công được nâng lên một tầm vóc cao trọng hơn. Công không chỉ giới hạn trong việc cá nhân là gia đình, chồng con mà còn mở rộng ra phạm vi hơn quần xã hội, là công quả hành đạo giúp đời, phụng sự hơn sanh; chỉ cho hơn sanh biết đường ngay nẻo chánh để thực hành, bồi công lập đức, tu hành giải thoát. Thế nên Công ở đây có phạm vi rộng lớn hơn là Tam công: công quả, công trình, công phu. Công quả để cho người phụ nữ có dịp cống hiến tài năng của mình trong việc giúp nghèo, trợ khó, san sẻ yêu thương từ đó giúp cho người hiểu đạo với một tinh thần vô công, vô kỷ, vô cầu. Công trình để trau dồi đức hạnh chính mình; Công phu để bồi dưỡng sức khỏe, khai thông trí sáng, mở đường tiến hóa giải thoát tâm linh.

*"Công là công quả giúp nhân sanh,
Trì chí gắng công học đạo lành,
Mở khiếu thông minh tìm lẽ chánh,
Khai tâm lãnh hội điểm cao thanh."*

Dung:

Dung là dung nhan, dung mạo đẹp đẽ của người phụ nữ được toát ra từ tâm từ ái, hiền hòa, trung chánh, thanh cao. Mỗi một người phụ nữ sinh ra trên cõi đời này là một bông hoa, góp phần tô điểm cho vườn hoa của nhân loại được xinh tươi, muôn màu, muôn sắc. Trong Kinh Giáo Đoàn Nữ Giới⁴, Đức Liên

4. Kinh Giáo Đoàn Nữ Giới, Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tái bản năm Quý Tỵ (2013), tr. 23.

Hoa Tiên Nương dạy:

*“Người xinh bởi nét na đảm thắm,
Phải nào xinh theo đám trú phùng,
Sửa sang quốc sắc thiên hương,
Mĩa mai lẫm giọng, oan ương thêm đầy.”*

Dung cũng chính là sự khoan dung, tha thứ, là tinh thần vong kỷ vị tha, sẵn sàng làm lợi cho người, cho dù phải hy sinh quyền lợi riêng tư.

*“Dung là dung thứ cả muôn loài,
Mở rộng lòng nhân dẫu thiệt thời,
Nên đặt chữ Dung trên chữ kỷ,
Gương lành mới đáng để người soi.”*

Ngôn:

Ngôn là lời nói. Nhờ có lời nói mà con người có thể truyền thông tư tưởng, tình cảm để người và người hiểu được nhau, an ủi, sẻ chia, cảm thông nhau trong cuộc sống. Lời nói thể hiện nhân cách, đức độ của một con người, có tầm quan trọng rất lớn trong mối quan hệ giữa người và người.

Ông bà ta thường nói: “Chim khôn kêu tiếng rảnh rang, Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe”. Điều đó chứng tỏ việc cần ngôn là vấn đề rất quan trọng, là việc trọng yếu mà người tu, nhất là nữ phái cần phải trau luyện, giữ gìn. Người phụ nữ tượng trưng cho sự nhu mì, dịu hiền, đoan trang, nên lời nói phải hết sức cẩn trọng, nhất là nói và hành phải đi đôi nhau. Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

*“Con phận gái quần thoa yếm vận,
Lời nói năng cẩn thận nghe con,*

*Nói như tép nhảy, pháo ròn,
Nói như tát nước, đá mòn, kết kâu.*

*Con nói toàn những điều tốt quá,
Mà việc làm trái cả lưỡi khoa,
Ngôn, hành tương phản hơn thua,
Đối mình, ai dám a dua theo mình.*

*Lời nói phải giữ gìn êm ái,
Nói vu hành lời nói chớ ưa,
'Họa tùng khẩu xuất' siêng chừa,
Đối ngôn trong khổ để đưa người vào.”⁵*

Đức Liên Hoa Tiên Nương hằng khuyến nữ phái không nên bàn chuyện thị phi, gièm xiếm, nói xấu người khác để giữ gìn sự thương yêu, hòa ái trong tập thể, trong tổ chức, xóm làng. Nếu có nói chỉ tìm những điều hay, điều tốt của người để học hỏi mà sửa mình:

*“Chớ tụ họp đoàn ba lũ bảy,
Để luận bàn việc quấy của người,
Kẻ kia ố, người nọ cười,
Thói hư tập quán càng ngày càng hư.*

*Có bàn luận phải tư phải cách,
Lựa điều ngoan thủ thiếp học đòi,
Luận chi điều xấu của người*

5. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Khuyến Nữ Hồi Tâm Kinh.

Nay sanh rầy rạc, nay bày chối đời.”⁶

Tóm lại, Ngôn chính là lời nói đoan chánh, đạo đức, có khả năng thuyết phục, cảm hóa, đem lại sự hòa hiệp cho mọi người:

“Ngôn là nên nói những điều hay,

Nói Đạo, nói hơn chớ nói tà,

Nói lợi cho người hơn nói xấu,

Nói sao hòa thuận vẹn trong ngoài.”

Hạnh:

Là hạnh kiểm, đức hạnh thể hiện qua nét na, cách ứng xử của người phụ nữ, đây là điều rất căn bản mà người phụ nữ cần phải có. Nhân cách người phụ nữ được qua cử chỉ, tánh hạnh trong cách đối nhân xử thế, chớ không ở nơi nhan sắc bên ngoài. Lòng bác ái, khiêm tốn, nhẫn nại, hy sinh, khoan dung, độ lượng là những đức tính nâng cao hạnh đức của người phụ nữ.

“Mẹ dành một tình thương ban bố,

Con thực hành Mẹ độ vô vi,

Cho con rạng tiếng nữ nhi,

Sống làm liệt nữ, thác ghi sử vàng.”⁷

KẾT LUẬN

Trong thời đại ngày nay, trọng trách của nữ phái vô cùng nặng

6. Đức Liên Hoa Tiên Nương, Giáo Đoàn Nữ Giới, Hội thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tái bản năm Quý Tỵ, 2013, tr.28-29.

7. Đức Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn, Điều Trì Bửu Điện Thánh thất Bình Hòa, 28-8 Đinh Mùi (01-10-1967).

nề, đòi hỏi người phụ nữ phải có một sức bền bỉ dẻo dai, chịu thương chịu khó, hy sinh mọi mặt cho gia đình và xã hội. Ngoài thì phải lo học tập để trau dồi mọi mặt, làm gương cho con cái noi theo; trong thì phải vén khéo chăm sóc gia đình, nuôi dạy con cái nên người. Đặc biệt, nữ phái Cao Đài vừa phải lo tròn bổn phận Nhơn đạo, vừa phải lo trau dồi phần Thiên Đạo. Trách nhiệm người nội tướng tài thành rất to tát, lớn lao đặt lên vai nữ phái.

*“Sứ mạng Tam Kỳ quá nặng mang,
Nữ lưu em hỡi tiến lên đàng,
Ngày qua đóng chặt thân phàm tục,
Nay phải hiên ngang với Đạo vàng.”⁸*

Tư liệu tham khảo

1. “Công, Dung, Ngôn, Hạnh của người phụ nữ Việt Nam”, Thầy giáo Trần Văn Nông, THCS Thạnh Hóa – Quảng Bình.
2. “Công – Dung – Ngôn – Hạnh” – Sống Đạo (30/10/2013) – Giáo xứ Duyên Lãng – Giáo Hạt Xuân Lộc – Giáo phận Xuân Lộc.
3. “Đức Cao Thượng Phẩm dạy Tam tòng, Tứ đức của phụ nữ Cao Đài theo Thiên Đạo” – hoithanhphucquyen.org
4. “Vai trò nữ phái Đại Đạo trong Gia đình, Xã hội, Đạo”, bài thuyết đạo của đạo tử Kim Trinh,
5. “Nội tướng tài thành”, bài thuyết đạo của đạo tử Kim Trinh – Nhịp cầu tâm giao.

8. Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Trúc Lâm Thiền Điện, 08-6 Tân Hội (29-7-1971).

CA CỔ

Mỗi bước con đi tưởng có Thầy

Đạt Thật

THƠ

Sứ mạng Thầy giao chưa làm xong,
Vì đường tu học lắm gai chông,
Xin thương dẫn lối dìu con trẻ,
Mỗi bước con đi tưởng có Thầy.¹

LÝ MỸ HƯNG

Thầy thương! Con nguyện khắc sâu trong lòng,
Dù bao cách trở nhưng lòng quyết không đổi dời.
Đài Cao bưng lên thấp sáng trong từng trái tim,
Vén bức vô minh xóa tan xua đi màn đêm.
Khát khao hy vọng ngày mai bình minh ló bóng,
Nâng lên chan hòa muôn nhà thắm tình Đài Cao.
Nước non tươi đẹp huy hoàng tràn dâng sức sống,
Khắp nơi vui mừng đón ngày thái bình toàn linh.
VỌNG CỔ

1. Thầy là Đấng Đại từ Đại bi quyền năng tối cao tối trọng, chưởng
quản càn khôn và thống trị cả... muôn... loài.

1. Cảm tác, mùa tu Đông chí, 23-11 Kỷ Mão (30-12-1999).

Chánh ngôi Thầy ngự ở tạt cung Đoài.

Hóa sanh vạn vật vận hành vũ trụ, làm chủ cả chư Thần Thánh Phật Tiên.

Dịch sử quần linh bảo tồn sanh chúng, bất ngôn vô hình hữu tình vô tận.

Đem lời đạo đức giáo hóa đỡ nâng, ban bố ân hồng sẵn lòng che chở.

THƠ

“Thượng Từ Phụ Ngọc Hoàng Chủ Tế,

Tá danh là Thượng Đế Cao Đài,

Giáng cơ lập Đạo lâu dài,

Đem nền Tam giáo chỉ bày độ sinh.”²

2. Dinh hư tiêu trường bày ra trước mắt, Hạ nguơn mặt kiếp dịch biến khôn lường.

Thành trụ hoại không trong cõi vô thường.

Trăm nẻo nghìn đường gặp ghình khúc khuỷu, quanh co thế lộ đời đạo hai vai.

Mùi tục lụy đã đắm say người khách tục, bả lợi danh câu thúc kiếp phàm phu.

Thế gian lại hóa như chốn trần tù, thoát áng mây mù về bến khởi nguyên.

THƠ

“Một bầu che chở khắp quần linh,

Xuân hạ thu đông cũng một tình,

Tạo Hóa vận hành cơ nhật nguyệt,

Chan hòa mưa móc khắp nguồn sinh.”³

2. Kinh An Vị.

3. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-01 Đinh Tỵ (04-3-1977).

5. Lòng Tạo Hóa vô lượng vô biên không gì sánh được, dưới bóng
Huỳnh Khung chúng sanh trọn hưởng... ân... lành.

Giữ dạ sắt son chí nguyện tâm thành.

Cứ níu theo phang Đức Đại Từ Phụ, tự nhiên tu tánh sẽ đặng
bình an.

Nặng mang sứ mạng trách nhiệm Thầy giao, bao quản gian lao
nhọc nhằn khảo đảo.

Nguyện lòng dìu dắt anh em sau trước, nguyện sẽ cùng nhau đổi
bước theo Thầy.

PHI VÂN ĐIỆP KHÚC

Bước theo chân Thầy tầm tu, bao ngày qua, rưới chan ân hồng.

Thân chim lồng cá chậu Thầy ơi!

Thương...

Các con nặng nghiệp trần gian, khó khăn vô vàn,

Cơ cầu lắm than, trăm đắng cay, mịt mờ tương lai.

Con nguyện lòng không đổi thay, vượt cách ngăn, quyết tâm
học tu.

Trung thành sự đạo chánh tâm, cùng tiến lên, quả công đắp nền.

Công phu bền, công trình cố kiên, con theo Thầy, nhứt dạ nhứt
tâm.

(Trở về vọng cổ)

6. Con tưởng có Thầy, Thầy trong tâm con đó, nắng mưa sương
gió giữ vững lập trường.

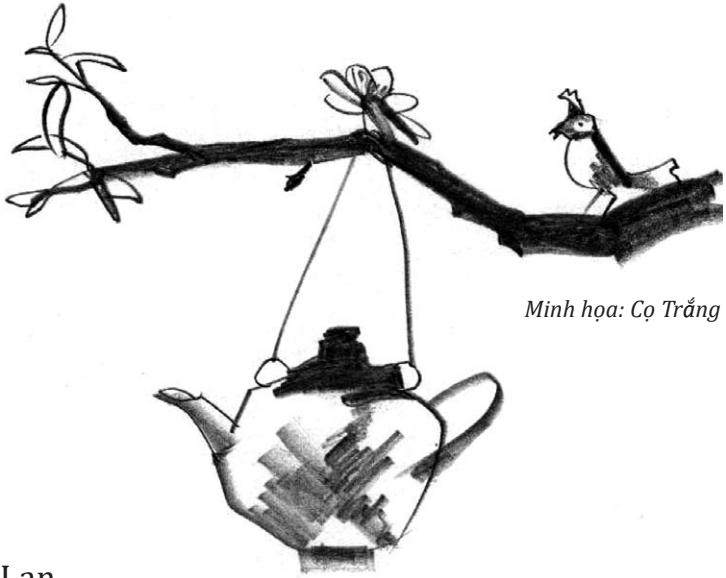
Con đang đi giữa đêm trường,

Thầy luôn soi đuốc dẫn đường cho con.

Tháng ngày giữ trọn lòng son,

Hoàn thành sứ mạng là con bên Thầy.

NGỌC ĐIỆP HUỲNH HÀ, 05-4 MẬU TUẤT (19-5-2018)



Minh họa: Cọ Trắng

Tử La Lan

TRI ÂM

theo những dòng thơ

1. TRI ÂM TRONG CÔI NGƯỜI TA

Tri, là biết, là thấu hiểu; Âm, là lời nói, là âm thanh.

Tri, là biết- một sự hiểu biết đúng nghĩa, một thấu hiểu, một đồng cảm. Biết rằng kiến thức là hữu hạn, còn nghĩa lý là vô tận nhưng trong hai chữ Tri Âm, Tri, đó là chữ biết mệnh mông của bạn tri kỷ, rất là biết qua lời thơ Nguyễn Công Trứ:

“Sầu ai lấp cả vòm trời

Biết chẳng chẳng biết hỡi người tình chung.”

Trong Ký Viễn, đại thi hào Lý Bạch viết:

“Hương diệp cánh bắt diệt

Nhân diệp cánh bắt lai

Tương tư hoàng diệp lạc

Bạch lộ thấp thanh đài.”

Nguyễn Bính có bản dịch thần cú:

“Thơ nào nghe quyến đầu đây

Người đi bữa đấy mai này còn sang

Nhớ nhau cho rụng lá vàng

Cho sương lạnh trắng mấy làn rêu xanh.”

Lý Bạch, một đời thơ được văn giới suy tôn thi tiên, khi chia tay một người bạn đã trút cạn chén lòng:

“Phù vân du tử ý

Lạc nhật cố nhân tình.”

Tạm dịch:

Khách phiêu bạt gót mây ngàn

Chiều rơi nhật bến cố nhân đâu tìm

Niềm mong đợi u nhã mà bát ngát, có ai nhiều hơn Thúy Kiều với nỗi lòng Kim Trọng:

“Tin sương luống những hoài mong

Mai chờ dưới nguyệt sầu đong vơi đầy.”

Kiều, những vần thơ khi gần kết truyện, lúc Vương Thúy Kiều cương quyết từ chối lời thỉnh cầu vàng đá của Kim Trọng, nàng nghĩ rằng đời đã mấy cuộc mưa sa gió táp, thân đã bao lần trắng khuyết hoa tàn, không còn xứng với tấc lòng kim thạch của Kim Trọng:

“Chữ trinh đáng giá ngàn vàng

Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa

Thiếp từ ngộ biến đến giờ
Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa...”

Nguyễn Du, đã thử đặt mình trong vai trò Kim Trọng lúc ấy, ông tài tình hóa giải mọi vướng mắc cơ hồ nan giải của Thúy Kiều. Kim Trọng – Nguyễn Du đã trả lời bằng âm thanh của một bậc TRI ÂM, đúng nghĩa hào hoa, với trọn vẹn thấu hiểu và đầy ắp nghĩa tình:

“Nhu nàng lấy hiểu làm trinh
Bụi nào cho đục được mình ấy vay
Trời còn để có hôm nay
Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời
Hoa tàn mà lại thêm tươi
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.”

Tri Âm, là thế. Có khi đơn giản chỉ là một sự thấu hiểu, một lòng cảm thông.

Cái Biết với thượng thừa thấu cảm của bạn tri âm, là một cái biết có khi thật đơn sơ, như cái Biết của Bùi Giáng về Lục Vân Tiên, mà Nguyễn Đình Chiểu khi nghe được chắc sẽ không ít niềm vui:

“Lục Vân Tiên. Không một cuốn truyện nào làm xúc động tuổi nhỏ của chúng ta nhiều bằng tác phẩm của cụ Đồ Chiểu. Ngày tôi còn nhỏ, tôi được người vú già kể cho nghe. Kể đi kể lại mãi, và tôi cứ đòi kể lại cho nghe hoài... Thế rồi ngày nay, tôi lại nói chuyện Lục Vân Tiên với bà con nghe, nhưng tôi không sao có được cái giọng trịnh trọng của người vú già. Cái giọng trịnh trọng, chậm rãi, cảm động, lạ lùng. Sau khi đặng hắng đủ ba lần, rồi mới bắt đầu: Trước đèn xem chuyện tây Minh. Bao giờ cũng vậy, trước khi lựa lời kể lại, bà chậm rãi ngâm mấy câu thơ đầu

của cụ Đồ Chiểu. Và từ đó, cái câu Ai ơi lẳng lẳng mà nghe mãi mãi trong tâm tư tôi sẽ còn vang một âm vang huyền hoặc.”¹

Hay, cách Bùi Giáng chiêm ngưỡng và ái mộ Truyện Kiều:

“Giá trị luân lý của Đoạn Trường Tân Thanh không do những hành động vụn vặt của Kiều, mà do lời thuật chuyện của thi nhân. Lời, đây không phải là lời văn, mà là giọng nói của một tấm lòng. Lời nói mang nặng biết mấy tâm tư tâm linh của người dân Việt hội tụ về đây, một lần duy nhất, trong sáng hơn ca dao, thâm thúy hơn tôn giáo, diễm tuyệt hơn văn chương...”²

Khi bạn tri âm Lý Dịch qua đời, Đỗ Phủ đã viết Khốc Lý Thường Thị Dịch (kỳ 1), chúng tôi xin trích dẫn bốn câu:

“Tư nhân bất trùng kiến

Tương lão thất tri âm

Đoản nhật hành mai lĩnh

Hàn sơn lạc quế lâm.”

Tạm dịch:

Không sao gặp lại người đi

Tóc sương vắng mãi bạn tri âm rồi

Ngày về ngắn quá đời mai

Núi trơ quế lạnh lạc loài rừng xưa

2. TRI ÂM TRONG CỬA ĐẠO

• Những năm đầu của thời kỳ khai đạo Cao Đài, khi mà Đức Thượng Đế còn tá danh³ AẤẤ để giáng cơ dạy Đạo...

1. Trần Đình Thu, Bùi Giáng- Thi sĩ kỳ dị, Nxb Trẻ, 2008, tr.44.

2. Ibid.

3. Tá danh: Mượn tạm một cái tên.

Trong một lần cầu cơ, thi sĩ Bồng Dinh (ông Giáo Sỏi) bạch cùng Đấng AẢẢ:

- Thưa ngài, trong Truyện Kiều có câu:

Sửa sang níp tử xe Châu

Vùi nông một nắm mặc dầu cỏ hoa

Chẳng hay: Níp tử xe Châu là gì? Xin Ngài chỉ giáo?

Chúng tôi xin dừng một chút ở hai câu thơ Kiều đã tổn rất nhiều bút mực trên thi đàn Việt nhiều thế hệ này.

Trong Truyện Kiều của nhà xuất bản Văn Học, với phần khảo đính và chú giải của Nguyễn Thạch Giang, hai câu thơ này có dị bản:

“Sắm sanh nếp tử xe châu

Bụi hồng một nắm mặc dầu cỏ hoa.”

Câu thơ thứ nhất được chú giải: “Nếp tử (chữ tử không viết hoa): áo quan gỗ tử (gỗ thị). Xe châu (chữ châu không viết hoa): xe tang có kết rèm chân chỉ hạt bột như hạt châu. Đây là nói người khách viễn phương làm lễ tang cho Đạm Tiên.”

Câu thứ hai, hai chữ “vùi nông” được thay bằng hai chữ “bụi hồng” với lời chú giải:

“Tản Đà chú: “Hai chữ bụi hồng đây chỉ là lời văn lịch sự, nói cả mả chôn bên đường. Có bản đề là “vùi nông” thời làm mất cả cái vẻ hay, và cái tình của người khách không có trung hậu.”

Đây là đoạn thơ tả về nàng ca kỹ Đạm Tiên với một cuộc đời nổi danh tài sắc mà bạc phận hồng nhan. Nội cốt truyện đã gây tranh cãi. Tản Đà, Nguyễn Thạch Giang, và nhiều tác giả khác cho là người khách phương xa về làm đám tang (làm quan tài, sắm sửa xe tang – đây là điều vô lý) cho Đạm Tiên; Lê Quế⁴, trong

4. So Sánh Dị Bản Truyện Kiều, Nxb Hội Nhà Văn, 2006.

một nghiên cứu rất công phu trong “Về Những Dị Bản Của Kiều”, lại nghĩ rằng người khách phương xa về sắm sanh những đồ táng giấy (nếp tử) và cỗ xe táng giấy (xe châu) để hóa cho Đạm Tiên (?!).

Khi thi sĩ Bồng Dinh đem nghi vấn của hơn hai trăm năm Truyện Kiều ra bạch hỏi Đấng A Ồ A, ông vừa muốn kiến giải câu thơ, vừa muốn xác tín thần tiên cơ bút...

Trở lại câu chuyện, Đấng A Ồ A đã giải đáp:

– *Níp Tử (籜子), là cái rương của Đức Khổng Tử.*

– *Xe Châu, là cái xe của Vua Châu Võ Vương ngồi đi phật Trụ.*

Cái rương của Khổng Tử dùng đựng sách vở, tức là văn chương của người văn sĩ thác rồi, thời biết bao nhiêu học thức văn chương cũng theo xác thịt mà chôn vào quan cữu, nên Nguyễn Du mới dùng hai chữ Níp Tử để gọi cái quan tài của bậc văn chương tài tử, đây là nàng Đạm Tiên.

Vua Châu Võ Vương ngồi long xa đi phật Trụ, tức là gồm râu giang sơn nhà Trụ vào đấy. Con người ở đời làm được bao nhiêu sự nghiệp, khi thác rồi cũng phải tay không, thì chẳng khác nào bao nhiêu sự nghiệp tự mình gây dựng trong buổi sanh tiền, khi nhắm mắt rồi, thấy đều râu vào trong linh xa vậy. Cho nên, Nguyễn Du dùng hai chữ Xe Châu để gọi cái linh xa của kẻ tài tình bạc mạng.”⁵

Còn hai chữ Vùi nông, theo nhận định của chúng tôi, đây có thể là bản gốc của Nguyễn Du, khi đặc tả cái bạc mệnh hồng nhan, cả cho đến lúc lìa trần, mà vùi nông như một sự chôn cất qua loa vội vàng cho một thi thể, một thân phận.

Đời và Đạo, thần tiên và thi nhân. Khoảng cách vừa xa xôi tựa

5. Tiên bối Nguyễn Trung Hậu, Đại Đạo Căn Nguyên, viết năm 1930.

đất trời, lại có thể vừa gần gũi như kề một bên. Nếu khúc thơ của Nguyễn Du được Đức Thượng Đế một lần bình giảng như thế, thì Nguyễn Du – thi nhân, đã là một bậc thần tiên tại thế khi trứ tác tuyệt phẩm Truyện Kiều.

Khi được thật hiểu chú giải về níp Tử, xe Châu, ta mới hiểu tấm lòng của “Có người khách ở viễn phương/ Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi”, khi “Sấm sanh níp Tử xe Châu” mà tỏ bày chút nghĩa tri âm cho một kiếp quần hồng bình rơi trâm gãy.

- Tiền bối Nguyễn Trung Hậu (1892–1961), sau khi tốt nghiệp trường Sư Phạm Gia Định, khi đó đang làm giám đốc Tư Thục Internat de Dakao ở đường D’Ariès, nay là đường Huỳnh Khương Ninh.

Tiền bối Nguyễn Trung Hậu có năng khiếu và rất yêu thơ văn. Ông đã góp mặt trong Ngưu Giang Thi Xã với bút danh Thuần Đức.

Tháng Giêng năm 1926, tiền bối Nguyễn Trung Hậu nghe đồn quý ông: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, xây bàn thỉnh Tiên, thọ được nhiều bài tiên thi rất hay, nên để tâm. Bữa nọ, Ngài đến nhà tiền bối Cao Quỳnh Cư hầu đàn xem thử lời đồn đại ra sao. Cơ về, Đấng AẤẤ gõ bàn cho bốn câu thi:

“Thuần văn chất Đức tài cao

Tên tuổi làng thơ đã đứng vào...”

Ở trong đàn cầu cơ này, lúc đó không ai biết bút hiệu Thuần Đức của tiền bối Nguyễn Trung Hậu, bài thi ngay câu đầu tiên đã điểm danh Thuần Đức, đã điểm hóa luôn cho duyên lành. Lời Thánh thi ấy có khác gì một tiếng đàn Bá Nha, mà Tử Kỳ – Nguyễn Trung Hậu tìm thấy và nhận ra con đường sẽ đi của đời mình.

Cũng trong năm 1926, ông giao trường lại cho ông Huỳnh Khương Ninh, rồi gia nhập đạo Cao Đài.

Những năm sau đó, tiền bối làm chủ bút Tạp chí La Revue Caoadaïste, rồi trở thành Bảo Pháp của Cao Đài.

Sau này, ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có viết một câu đối để vẽ cho thuyền Bát Nhã:

*“Vạn sự viết vô, nhục thể ký quy tam xích thổ
Thiên niên tự hữu, linh hồn trực đáo Cửu Trùng Thiên.”*

Hai câu liên này rất hay, đối rất chỉnh, nhưng khi dâng lên Đức Lý Giáo Tông thì Đức Lý chỉnh lại khúc sau, lại càng tuyệt diệu hơn nữa:

*“Vạn sự viết vô, nhục thể thổ sanh hoàn tại thổ
Thiên niên tự hữu, linh hồn Thiên tứ phản hồi Thiên.”*

Đọc kỹ hai câu thơ đã sửa của Đức Lý Thái Bạch, ta thấy rõ luật Thiên điều: “phản bốn hoàn nguyên”, đâu về lại đấy; hữu hình hữu hoại, mọi sự đều không, nhục thể sinh ra từ đất trả về với đất; vô vi hằng thường, ngàn năm bất diệt, linh hồn vốn phát xuất từ Trời, Trời ban ơn cho trở lại Trời,

Khi đã dâng tiên, Ngài Nguyễn Bửu Tài trong một lần giáng cơ, như muốn gửi lại những người đi sau một “tiếng đờn năm cũ”:

*“Hỡi ai, ai đó, ai tri kỷ,
Quả gánh Đờ Thơ đến động đờ!”⁶*

Nếu Tử Kỳ nghe lòng êm ái theo tiếng đàn Bá Nha, Kim Trọng có thể nhìn thấy chữ trinh vẫn nguyên vẹn ngàn vàng trong chữ hiếu của Thúy Kiều, nếu Bùi Giáng có thể thấu hiểu giai khúc Nguyễn Du khi “Nghe Một Tiếng Đờn”, và nếu bạn bè tri âm từ khắp thế gian có thể tri kỷ tiếng lòng của nhau, để chia sẻ, đồng cảm... Thì sao những linh hồn luân lạc của kiếp người, chúng ta

6. Cao Đài Hội Thánh (Dương Đông, Phú Quốc), 14-3 Đinh Mùi (23-4-1967).

không thử một lần lắng nghe tiếng gọi của Thiêng Liêng, trăm năm qua vẫn vang vọng như một tiếng chuông chiều, ngàn năm qua từng in dấu như những vết chân của thái tử Tất Đạt Đa...

Nghe chuyện tử tế, có rất nhiều. Hiểu lời đạo lý không quá khó. Nhưng một cái biết đủ lớn để dẫn đến cái làm – chữ Hành – lại không hề dễ dàng.

Ngày xưa, khi xuống núi tìm đệ tử để dạy Đạo, bốn ba mấy bạn hoài công, đến nỗi Lữ Tổ cất lời than:

“Thiên nhai văn thuyết hơn tầm ngã
Tẩu biến thiên nhai bất kiến hơn.”

Dịch:

Ven trời nghe có kẻ tìm ta

Kiểm đến chân mây chẳng một người

Người có thể nghe được tiếng đàn không dây, tiếng sáo không lời, có thể đọc được trang kinh vô tự, là một bậc Tri Âm của Trời Đất, của Đạo. Đó là đỉnh Hy Mã Lạp Sơn của Biết, cái Biết của:

“Vô hạn dã tâm phong quyển tận
Nhứt luân cô nguyệt chiếu thiên tâm.”⁷

(Gió cuốn mây đen về biển cả

Một vầng trăng sáng giữa trời tâm)

Xin mượn lời của Đức Quán Thế Âm, một vị Phật của Âm thanh, để TRI tường muôn trùng đau khổ của trần gian:

“*Chung tay lo khải nhĩp đờn
Tri âm giáo lý chớ sờn chớ lời.*”⁸

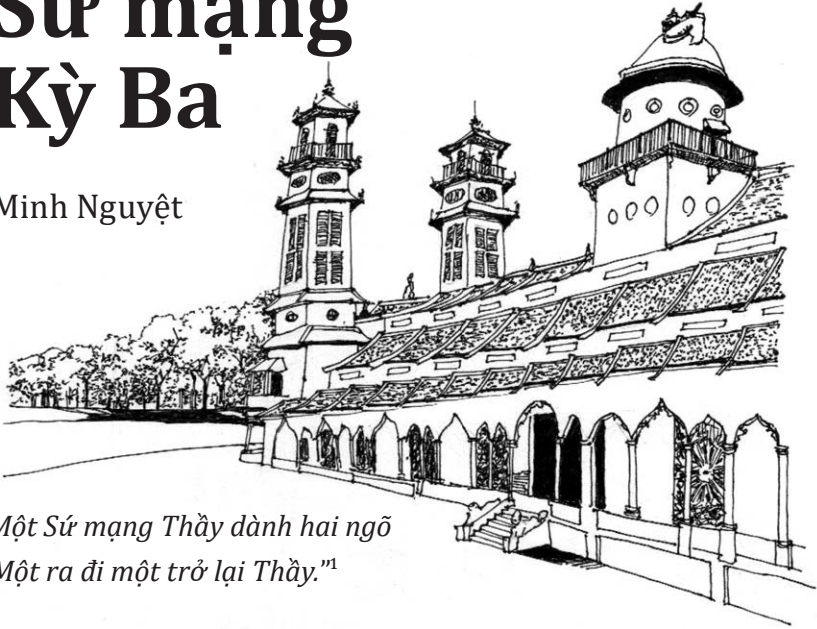
7. Theo Thiền Tông Việt Nam – Phật Học Phổ Thông, tải trên Vietnam.net ngày 27-8-2018.

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 19-02 Ất Tỵ (21-3-1965).

TRANG THƠ

Sứ mạng Kỳ Ba

Minh Nguyệt



*“Một Sứ mạng Thầy dành hai ngõ
Một ra đi một trở lại Thầy.”¹*

Đại Đạo khai minh Cổ pháp bày,
Bao lần biến động chẳng hề lay;
Truyền cơ hạ bút dìu tâm trẻ,
Giáng điển ban kinh dắt tánh phàm.

■
Cửa Thánh bền tâm luôn gắng chí,
Đường trần ảo mộng chẳng mê si;
Tam Kỳ Sứ mạng Thầy giao phó,
Dẫn lối nhân loài thoát hiểm nguy.

1. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

TRANG SỨC KHỎE

14 ĐIỀU CẦN BIẾT về “uống trà” và “ung thư”



V.T. sưu tầm

Uống trà chống ung thư ư? Có thể mọi người thường hay nghe về những lợi ích của việc uống trà, vậy uống trà có thể chống ung thư hay không?

Thường xuyên uống trà có thể mang đến rất nhiều lợi ích

Về vấn đề trà và “ung thư”, những thông tin dưới đây có thể giúp bạn hiểu hơn về tác dụng của việc “uống trà”.

1. Hàng chục năm sau khi xảy ra trận đánh bom nguyên tử tại Hiroshima ở Nhật vào tháng 8/1945, cơ quan thống kê của Nhật phát hiện ra rằng những người trồng trà và uống trà thường xuyên chiếm đa số trong nhóm có tỷ lệ mắc ung thư thấp.

2. Cuộc khảo sát đối với các cụ già sống thọ trên 100 tuổi đã cho kết quả rằng 40% các cụ là người nghiện uống trà và 80% có thói quen uống trà.

3. Thí nghiệm về chống oxy hóa chứng minh một ly trà 300 ml có chức năng chống oxy hóa tương đương với một chai rượu rượu nho đỏ hoặc 12 chai rượu nho trắng, 12 ly bia, 4 quả táo, 5 củ hành tây, 7 ly nước cam tươi.

4. Theo thí nghiệm của các nhà nghiên cứu đến từ Nhật Bản cho thấy hiệu quả ngăn ngừa lão hóa của trà mạnh hơn gấp 18 lần so với vitamin E.

5. Trong bài báo cáo đăng trên tạp chí “Dị ứng và miễn dịch lâm sàng”, các nhà khoa học của Anh và Mỹ cho biết trong trà có chứa nhiều hợp chất EGCG có tác dụng ngăn chặn virus AIDS lan truyền trong cơ thể, khi đã được miễn dịch thì virus AIDS sẽ không có cơ hội đến gần.

Thành phần EGCG chủ yếu trong trà là khắc tinh của nhiều loại ung thư.

6. Hơn 4.000 luận văn chuyên đề về “Trà chống ung thư” được công bố bởi các cơ quan có thẩm quyền chứng minh rằng thành phần EGCG chủ yếu trong trà gần như là khắc tinh của mọi loại ung thư, đặc biệt là đối với ung thư tử cung, da, phổi, kết tràng,

tuyến tiền liệt, gan, thận và ung thư vú... Đồng thời, nghiên cứu còn phát hiện ra rằng công dụng chữa bệnh của nước trà sẽ tăng lên khi dùng cùng lúc với thuốc chữa ung thư.

7. Chính phủ Nhật Bản đã phát động kế hoạch hai giai đoạn “toàn dân uống trà chống ung thư”, thực hiện khảo sát tổng cộng 8522 người trong suốt 10 năm, trong đó có 419 người bị ung thư, thời gian phát hiện ung thư ở nữ giới có uống trà muộn hơn những người không uống trà 7 năm, còn ở nam giới kéo dài hơn được 3,2 năm.

8. Trung tâm Ung thư quốc gia của Nhật Bản, trường Đại học Case Western Reserve của Mỹ và Đại học công nghệ Curtin của Úc đã công bố các số liệu về “nghiên cứu trà xanh và ung thư tuyến tiền liệt” cho thấy nam giới thường xuyên uống trà xanh có tỷ lệ mắc bệnh giảm từ 60% trở lên.

9. Các nhà nghiên cứu của trường Đại học Quốc gia Singapore đã tiến hành theo dõi và khảo sát 63.257 người Hoa ở độ tuổi từ 45-75 trong vòng 12 năm và đã phát hiện ra rằng so với những người không có thói quen uống trà, thì các cụ thường hay uống hồng trà có tỷ lệ mắc chứng Parkinson giảm 71%.

10. Những nghiên cứu từ Đại học Y dược Toyama (Nhật Bản) phát hiện thấy trong 1.300 người mắc bệnh tiểu đường uống trà liên tục trong nửa năm thì có 82% giảm rõ rệt các triệu chứng và khoảng 9% người có tỷ lệ đường huyết cao thì hoàn toàn trở về mức bình thường.

11. Không cần phải ăn kiêng hay luyện tập gì cả, mỗi ngày uống từ 8-10 g trà trong 12 tuần, sẽ có tác dụng giảm đến 1,3 kg lượng mỡ. Trong tất cả các sản phẩm giảm cân của Nhật, các nước Châu Âu và Mỹ thì trà được xếp hàng đầu.

12. Nhóm nghiên cứu y học của trường Đại học Showa (Nhật) cho 10.000 con khuẩn E. coli 0-157 có hại cho đại tràng vào 1ml nước trà thông thường có nồng độ trà 1/20, toàn bộ vi khuẩn đều chết sau 5 giờ đồng hồ.

13. Gần như mọi loại bệnh trong cơ thể chúng ta đều sinh ra từ thể axit và hầu như không thể tồn tại được trong thể kiềm. Các chuyên gia cho rằng chỉ khi thay đổi thể chất của cơ thể thì mới phòng chống được bệnh tật. Những loại thực phẩm có tính kiềm mạnh thường gặp là trà, nho, rong biển v.v.

14. Uống trà sẽ giúp bạn cảm thấy vui vẻ một cách kỳ diệu. Axit amin trong trà sẽ thúc đẩy tiết ra nhiều dopamine, đây là chất kiểm soát tình cảm, cảm giác vui vẻ, tính dục, cảm giác nghiện... ở người. Niềm vui do việc uống trà mang lại là không tự chủ, không chịu sự kiểm soát của ý thức.

NGOC TRÚC (TRITHUCVN.NET)



GIEO MẦM HẠT TỐT



V.T. sưu tầm

Câu chuyện bắt đầu từ một người nông dân nghèo tên Fleming ở Scotland. Một ngày nọ ông đang làm việc để nuôi gia đình thì bỗng nghe tiếng kêu cứu từ cái đầm lầy gần đó. Ông vội chạy đến nơi thì nhìn thấy một cậu bé bị sa lầy trong ao, sinh ngập đến đầu. Cậu đang giãy giụa gào khóc. Người nông dân liền lập tức cứu cậu bé lên bờ. Hôm sau, một cỗ xe sang trọng đi tới căn lều của Fleming. Một quý ông ăn mặc sang trọng bước ra, tự giới thiệu mình là Randolph Henry Spencer Churchill, cha của cậu bé mà được ông cứu sống ngày hôm qua.

Ông ta nói: – Tôi đến để cảm ơn và hậu tạ anh đã cứu mạng con trai tôi!

Ông Fleming đáp: – Không có chi. Đây là chuyện nên làm và ông không cần phải hậu tạ, thưởng công. Tôi quyết không nhận đâu.

Ngay lúc đó, cậu con trai khoảng 10 tuổi của Fleming bước vào lều.

Ông nhà giàu hỏi: – Đây là con trai anh phải không?

– Vâng – Ông Fleming trả lời đầy vẻ tự hào.

Nhà quý tộc ân cần hỏi cậu bé: – Khi lớn lên, cháu muốn làm gì?

Cậu bé nhỏ nhẹ thưa: – Thưa ông, chắc cháu sẽ tiếp tục nghề làm ruộng của cha cháu.

Nhà quý tộc lại gặng hỏi: – Thế cháu không còn ước mơ nào lớn hơn nữa sao?

Cậu bé im lặng cúi đầu một lúc rồi mới trả lời: – Dạ thưa bác, nhà cháu nghèo thế này thì cháu còn biết ước mơ điều gì nữa đây?

Lại tiếp tục một câu hỏi chân tình: – Nhưng bác muốn biết, nếu cháu được phép mơ ước thì cháu sẽ ước mơ điều gì?

Và lần này cũng lại là một câu trả lời thật thà: – Thưa bác, cháu muốn được đi học, cháu muốn trở thành một bác sĩ!

– Vậy thì cho phép tôi đề nghị như thế này anh Fleming, hãy để tôi chu cấp việc học cho con trai anh hết như tôi đã lo cho con trai mình. Nếu con trai anh mà giống tính cha nó thì tôi tin rằng ngày sau này cậu ấy sẽ trở thành một người mà cả hai chúng ta đều hãnh diện.

Ông Fleming nhà nghèo nghe vậy thì đồng ý. Thế là từ đó cậu con trai của Fleming được theo học tại những trường danh tiếng

và tốt nghiệp đại học Y khoa Stainte-Marie ở London. Nhờ có hoài bão lớn lao, không ngừng phấn đấu, cuối cùng tài năng của cậu cũng được cả thế giới công nhận. Cậu chính là bác sĩ lừng danh Alexander Fleming. Vào năm 1927, bác sĩ Alexander Fleming là người đã chế ra thuốc kháng sinh Pénicilline cứu mạng được không biết bao nhiêu người trên thế giới. Năm 1945 ông được trao giải Nobel về y học. Vài năm sau, người con trai của quý ông được cứu sống khỏi đầm lầy ngày xưa bị bệnh viêm phổi. May nhờ chính thuốc Pénicilline này đã cứu cậu thoát chết. Tên cậu chính là Winston Churchill, sau này cậu trở thành một vĩ nhân, là người mà cả nước Anh đều tự hào và hãnh diện. Đó chính là Thủ tướng trứ danh của nước Anh – Winston Churchill. Điều thú vị là Ngài Winston Churchill và bác sĩ tài danh Alexander Fleming là đôi bạn rất thân của nhau trong suốt cuộc đời. Bác sĩ Alexander Fleming mất năm 1955 tại London ở tuổi 74 và Thủ tướng Winston Churchill mất năm 1965 ở tuổi 91 tại London. Cả hai ông đều yên nghỉ trong cùng một nghĩa trang. Điều này chứng minh rằng: “Hành thiện nhất định sẽ gặp thiện báo. Tất cả những gì ta cho ra đều sẽ được nhận lại. Bạn đừng lo sẽ mất đi, những gì bạn đã cho, tặng cho người khác bằng cả trái tim thì nhất định sẽ không mất”. Vì vậy đừng quá coi trọng đồng tiền, mà hãy tô bồi phẩm hạnh, đạo đức. Vì đức hạnh và lòng tốt của bạn sẽ tạo ra thiên đường cho chính bạn và những người xung quanh... Xin hãy gửi câu chuyện này đến tất cả bạn bè của bạn. Mong rằng cuộc sống tất cả chúng ta đều tươi sáng, tốt đẹp hơn. Hãy mở rộng tấm lòng, tích đức tu thiện hầu cải tạo vận mệnh cho chính mình.

NGUỒN TRÍCH DẪN: [HTTPS://BAOMAL.BLOGSPOT.COM/2018/09/GIEO-MAM-HAT-TOT.HTML](https://baomal.blogspot.com/2018/09/gieo-mam-hat-tot.html)

TRANG GIA CHÁNH

CƠM NỊ

Hồng Tuyết



NGUYÊN LIỆU

Cho 4 người ăn

- Cà ri nị 2 muỗng súp
- 200gr nấm bào ngư, nấm đông cô tươi
- 1 trái ớt xanh
- 1 củ hành tây (có thể thay thế bằng boa rô)
- 2 chén nước cốt dừa
- 3 cây đinh hương
- 1 miếng quế nhỏ
- 3 cánh hồi
- Hạt nêm, ít nước tương

Nấu cơm

Quế, đinh hương, cánh hồi rang lên cho thơm cho vào nước cốt dừa cùng với 2 muỗng súp bột cà ri nị, quậy cho tan. Lấy nửa ký gạo ngon, vo sạch, cho nước dừa vào, thêm nước đủ nấu cơm (không nhão).

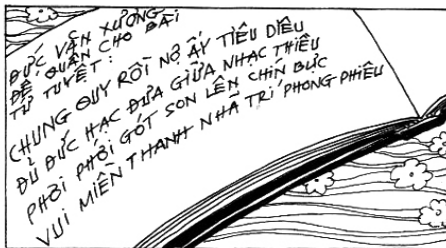
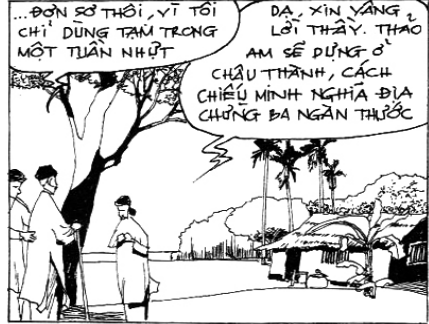
Nhân

Trong khi chờ cơm chín, nấm bào ngư xé đôi, nấm đông cô xắt hạt lựu, ớt chuông xanh cắt miếng vuông, củ hành tây cắt vuông. Bắc chảo lên bếp, cho 1 muỗng súp dầu ăn, cho hành tây vào xào cho vàng thơm, cho nấm vào và một ít bột nêm, 1 muỗng nước tương, cho ớt chuông vào trộn đều rồi tắt lửa.

Cơm nị trang trí trong 1 cái đĩa trắng: 1 chén cơm ép để một bên, hay cho vào một cái khuôn, còn 1 bên để nhân, thêm vào vài cọng ngò rí xanh cho đẹp, hoặc trộn nhân với cơm cho đều, tùy theo ý thích của mỗi người.

đầu tiên của Cao Đài (kỳ 12)

Lời: Bửu Long – Vẽ: Cọ Trắng



(CÒN TIẾP)

Theo dòng Đạo sự

Thanh Hiền

23/6 MT (04/8/18): Phái đoàn Cơ Quan viếng tang Cố Đạo huynh Giáo Sư Thượng Đứng Thanh, Trưởng Ban Đại Diện Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo tại Tp.HCM, nguyên Đầu Họ Đạo Thánh thất Đô Thành (Quận 6).

26/6 MT (07/8/18): Giáo sĩ Hồng Mai – Trưởng TĐ Giáo Sĩ, Đạo huynh Đạt Thật – Q. Ngoại Giao Vụ Trưởng dự Hội thảo về Học Viện Cao Đài tại Tòa Thánh Châu Minh (Hội Thánh CĐ Tiên Thiên).

29/6 MT (10/8/18): Phái đoàn Cơ Quan dự lễ kỷ niệm 72 năm thành lập Thánh tịnh Bửu Quang Đàn (hình 1).

15/7 MT (25/8/18): Phòng Khám bệnh Phước thiện Cơ Quan



1

Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo tặng quà cho bệnh nhân, nhân dịp lễ Trung thu tháng 7 âm lịch (hình 2).

18/7 MT (28/8/18): Đạo huynh Đạt Thật, Đạt Nhứt tham gia giảng lớp Giáo Lý Hạnh Đường tại Tòa Thánh Long Châu (Hậu Giang) do Hội Thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu tổ chức.

30/7 MT (09/9/18): Phái đoàn Cơ Quan viếng tang Đạo trưởng Thiện Kiện (Phạm Văn Tiến), Chánh Hội Trưởng Liên Hoa Cửu Cung Thiên Đạo Học Đường.

03/8 MT (12/9/18): Đạo huynh Thiện Định dự Đại Hội Đại Biểu Người Công Giáo Việt Nam Tp. HCM xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc lần thứ VIII, nhiệm kỳ 18-2023.

11 & 12/8 MT (20&21/9/18): Giáo sĩ Kim Dung và Đạo tử Diệu Nguyên tham gia giảng lớp giáo lý (Đề tài: “Mục đích, Tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” và “Bát Bửu”) tại Tòa Thánh Ngọc Kinh (Rạch Giá) do Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý tổ chức nhân

2



dịp Đại Lễ Vía Đức Diêu Trì Kim Mẫu Rằm tháng 8 hằng năm.

15/8 MT (24/9/18): Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo trân trọng tổ chức Đại lễ Khánh đản Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Hội Yến Bàn Đào. Buổi sáng, lúc 9g, Đạo tử Hồng Phúc, Quyền Văn Hóa Vụ Trưởng, thuyết trình đề tài: “Nữ giới kỳ Ngươn Hạ”. Ca đoàn Tập Đoàn Giáo Sĩ phục vụ hai bài nhạc đạo: “Mỗi lần Thu đến” và “Lá Thu”. Buổi chiều, lúc 14g, Nữ phái các Thánh sở họp mặt (lần thứ 94) tại Hội trường Cơ Quan để cùng nhau trao đổi kinh nghiệm hành đạo và phát thưởng cho các bài luận văn Giáo lý. Buổi tối, lúc 19g, Hội Yến Bàn Đào được tổ chức trang nghiêm thanh tịnh tại Chánh điện và Thư viện Cơ Quan.

PHƯƠNG DANH QUÝ ĐẠO TÂM CÔNG QUẢ ẤN TỐNG CAO ĐÀI GIÁO LÝ ĐÔNG MẬU TUẤT

1. Đạo tâm Nguyễn Thị Bi	500.000đ
2. Đạo tâm Nguyễn Đặng Bá Hữu Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc	200.000đ
3. Đạo tâm Phùng Thị Hoa	100.000đ
4. Đạo tâm Ấn danh – TT Phú Thạnh, Bến Tre	300.000đ
5. Đạo tâm Ngọc Trinh – Ngọc Trâm	100.000đ
6. Đạo tâm Nguyễn Đình Tuyên – TT Trung Dương	100.000đ
7. Đạo tâm Ấn danh – TT Phú Thạnh, Bến Tre	50.000đ
8. Đạo tâm Lê Thị Thanh Phượng	300.000đ
9. Đạo Tâm Trần Văn Xôm	200.000đ
10. Đạo tâm Đào Thiên Lộc	50.000đ

TỔNG CỘNG: 1.900.000đ



SÁCH ẤN TỔNG
KHÔNG BÁN